

Khẳng định **Niềm tin**
Vươn **Tầm cao mới**



Báo cáo thường niên 2016

Khẳng định **Niềm tin** Vươn **Tầm cao mới**

04

Thông điệp Chủ tịch
Hội Đồng Quản Trị

06

Thông tin chung

07

Sứ Mệnh - Tầm Nhìn
- Giá Trị Cốt Lõi

08

Ngành nghề và địa
bàn kinh doanh

10

Quá trình hình thành
và phát triển

12

Mô hình quản trị, tổ
chức kinh doanh và
bộ máy quản lý

13

Sơ đồ tổ chức

14

Các công ty con
và công ty liên kết

20

Định hướng
phát triển

21

Các rủi ro

23

Tình hình hoạt động
trong năm

26

Tổ chức và nhân sự

28

Hội Đồng Quản Trị

30

Ban tổng giám đốc
- Kế toán trưởng

31

Ban kiểm soát

32

Tình hình đầu tư,
thực hiện các dự án

36

Tóm tắt tình hình
hoạt động các công
ty con, liên kết

38

Tình hình tài chính

39

Thông tin cổ phiếu và
cổ đông

42

Báo cáo tác động liên
quan môi trường và
xã hội của công ty

48

Các giải thưởng đạt
được trong năm 2016
của hệ thống SAVICO

52

Báo cáo của
Ban tổng giám đốc

66

Đánh giá của
Hội đồng quản trị

69

Quản trị công ty

80

Báo cáo tài chính

THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



“Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2016 là 173 tỷ đồng, đạt 109% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.”

Kính gửi quý cổ đông, khách hàng và toàn thể cán bộ, nhân viên hệ thống Savico!

Năm 2016, chính trị và xã hội toàn cầu có nhiều biến động, môi trường kinh doanh đầy cạnh tranh. Tình hình kinh tế Việt Nam cũng không ngoại lệ, nửa đầu năm đã suy giảm nhưng đã phục hồi và có những chuyển biến tích cực trong nửa cuối năm.

Trong bối cảnh đó, nhờ tập trung, theo dõi và phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc nhằm thích ứng linh hoạt trước diễn biến thị trường để phát huy và tận dụng các cơ hội phát triển kinh doanh; nhờ sự phấn đấu và nỗ lực của cán bộ nhân viên toàn hệ thống Savico, kết thúc năm 2016 Savico đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao với kết quả đáng khích lệ như sau:

- Tổng doanh thu bán hàng và dịch vụ hợp nhất là 13.661 tỷ đồng, đạt 124% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất là 212 tỷ đồng, đạt 106% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất là 173 tỷ đồng, đạt 109% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.

Năm 2017 đã bắt đầu với không ít biến động về chính trị, kinh tế trên thế giới. Kinh tế Việt Nam đang và sẽ phải tiếp tục đương đầu với nhiều khó khăn, thách thức. Thị trường ô tô tại Việt Nam dự kiến sẽ chịu ảnh hưởng do tác động của lộ trình giảm thuế nhập khẩu từ Asean, mạng lưới đại lý của các nhà sản xuất gia tăng. Thị trường bất động sản đang khởi sắc. Do vậy, Hội đồng quản trị đề ra những mục tiêu như sau trong năm 2017:

- Tập trung nguồn lực tiếp tục phát triển mở rộng hệ thống kinh doanh, dịch vụ thương mại.
- Hoàn tất việc vốn hóa dự án và khởi công xây dựng một số dự án bất động sản trọng điểm.
- Hoàn thiện, triển khai chiến lược phát triển nguồn nhân lực đến năm 2020. Tuyển dụng được nhân sự và tổ chức được

các khóa đào tạo có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển của Savico và của hệ thống.

- Hoàn tất chuẩn hóa thương hiệu; nâng cao văn hóa doanh nghiệp.

Với sự chuẩn bị cụ thể và kỹ lưỡng cho mục tiêu, kế hoạch 2017 cùng với ý chí, nỗ lực và đoàn kết của đội ngũ nhân sự, nhất định Savico sẽ tiếp tục hoàn thành xuất sắc các mục tiêu và nhiệm vụ đặt ra cho năm 2017, tạo được dấu ấn cho dịp sinh nhật lần thứ 35 của mình.

Cuối cùng, tôi xin cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành của quý cổ đông, khách hàng trong suốt thời gian qua cùng sự quan tâm, hỗ trợ kịp thời của các cơ quan ban ngành. Tôi cũng xin cảm ơn các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và cán bộ nhân viên toàn hệ thống đã nỗ lực không ngừng để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Tôi tin rằng với giá trị và văn hoá đã được tích lũy trong 35 năm qua, Savico sẽ tiếp tục vượt qua mọi khó khăn, thách thức và đạt được những thành tựu to lớn trong hoạt động kinh doanh được gắn kết với các mục tiêu về phát triển môi trường và xã hội. Qua đó, khẳng định được niềm tin mà quý cổ đông, khách hàng, cơ quan ban ngành và các thể hệ lãnh đạo, cán bộ nhân viên trong hệ thống đã dành cho Savico cũng như sẽ đưa Savico vươn lên một tầm cao hơn, một vị thế mới hơn.

TM. Hội Đồng Quản Trị
Chủ tịch

Nguyễn Bình Minh

THÔNG TIN CHUNG

Đến nay, hệ thống Savico bao gồm 14 Công ty con, 6 Công ty liên kết và 12 Công ty trực thuộc các Công ty con, Công ty liên kết.

Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
Tên giao dịch:	Savico
Mã chứng khoán:	SVC
Trụ sở chính:	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(84-8) 3821 3913
Fax:	(84-8) 3821 3553 / 3821 5992
Website:	www.savico.com.vn
Email:	savico@savico.com.vn

SỨ MỆNH - TÂM NHÌN GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Sứ mệnh – Tâm nhìn – Giá trị cốt lõi của Công ty được Hội đồng Quản trị thống nhất giữ nguyên nội dung trong phiên họp thường kỳ lần 1/2017 ngày 15/03/2017.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty tập trung vào 3 lĩnh vực chính: Dịch vụ - Thương mại, Dịch vụ Bất động sản và Dịch vụ Tài chính. Trong đó:



DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI

Tổ chức hệ thống đại lý trực tiếp phân phối ô tô, xe gắn máy từ nhà sản xuất trong và ngoài nước; sửa chữa; bảo trì ô tô, xe gắn máy và các dịch vụ kèm theo cho các thương hiệu Toyota, Ford, Volvo, Chevrolet, Hyundai, Honda, Hino, Fuso, Yamaha ...



DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

Đầu tư, phát triển kinh doanh bất động sản theo định hướng cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại...; Đầu tư cơ sở vật chất hỗ trợ cho hoạt động của lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại.



DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

Hỗ trợ hoạt động kinh doanh của lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại và Dịch vụ Bất động sản.

Địa bàn kinh doanh của Công ty trải rộng từ Bắc vào Nam

MIỀN BẮC

Hà Nội,
Hải Dương,

MIỀN TRUNG TÂY NGUYÊN

Đà Nẵng,
Bình Định,
Gia Lai

TP. HCM VÀ ĐÔNG NAM BỘ

TP. HCM, Bình Dương,
Bình Thuận, Tây Ninh.

ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Cần Thơ,
Vĩnh Long.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Giai đoạn hoạt động theo hình thức Doanh nghiệp Nhà nước (1982 đến 2004)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập vào ngày 01/09/1982 với tên gọi là Công ty Dịch vụ Quận 1.

Năm 1986, Công ty đổi tên từ Công ty Dịch vụ Quận 1 thành Công ty Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn với tên giao dịch là Savico. Năm 1990, Công ty là đơn vị tiên phong của thành phố Hồ Chí Minh tổ chức khai thác kinh doanh dịch vụ ngành ô tô, xe gắn máy, du lịch, dịch vụ vận chuyển - taxi... tạo nền tảng cho việc phát triển hệ thống Dịch vụ - Thương mại sau này.

Từ năm 1998 đến năm 2004, bên cạnh việc phát triển các dự án bất động sản và đầu tư vào những ngành then chốt, bổ trợ và củng cố hoạt động; Công ty đã từng bước chuyển hướng hoạt động sang mô hình Công ty đầu tư, xây dựng và phát triển hệ thống đại lý phân phối xe ô tô, xe gắn máy của các nhãn hiệu có uy tín như: Toyota, Ford, Suzuki, Chevrolet,...

Giai đoạn hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần (2004 đến nay)

Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 04/01/2005. Hoạt động của Công ty tập trung vào 3 lĩnh vực: Dịch vụ Thương mại, Dịch vụ Bất động sản và Dịch vụ Tài chính; địa bàn hoạt động trải rộng trong cả nước.

Ngày 21 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là SVC.

Ngày 01 tháng 06 năm 2009, Cổ phiếu của Công ty chuyển sang giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là SVC.

Đã mở thêm 15 đại lý ô tô trong 2 năm 2015, 2016; nâng tổng số đại lý ô tô trong hệ thống Savico lên con số 34 đại lý vào cuối năm 2016.

Trong năm 2016, Savico đã mở rộng sang kinh doanh xe thương mại với các thương hiệu Fuso, Hino và kinh doanh xe cao cấp với thương hiệu Volvo.

Mục tiêu đến năm 2018, hệ thống Savico sẽ có 42 đại lý ô tô.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

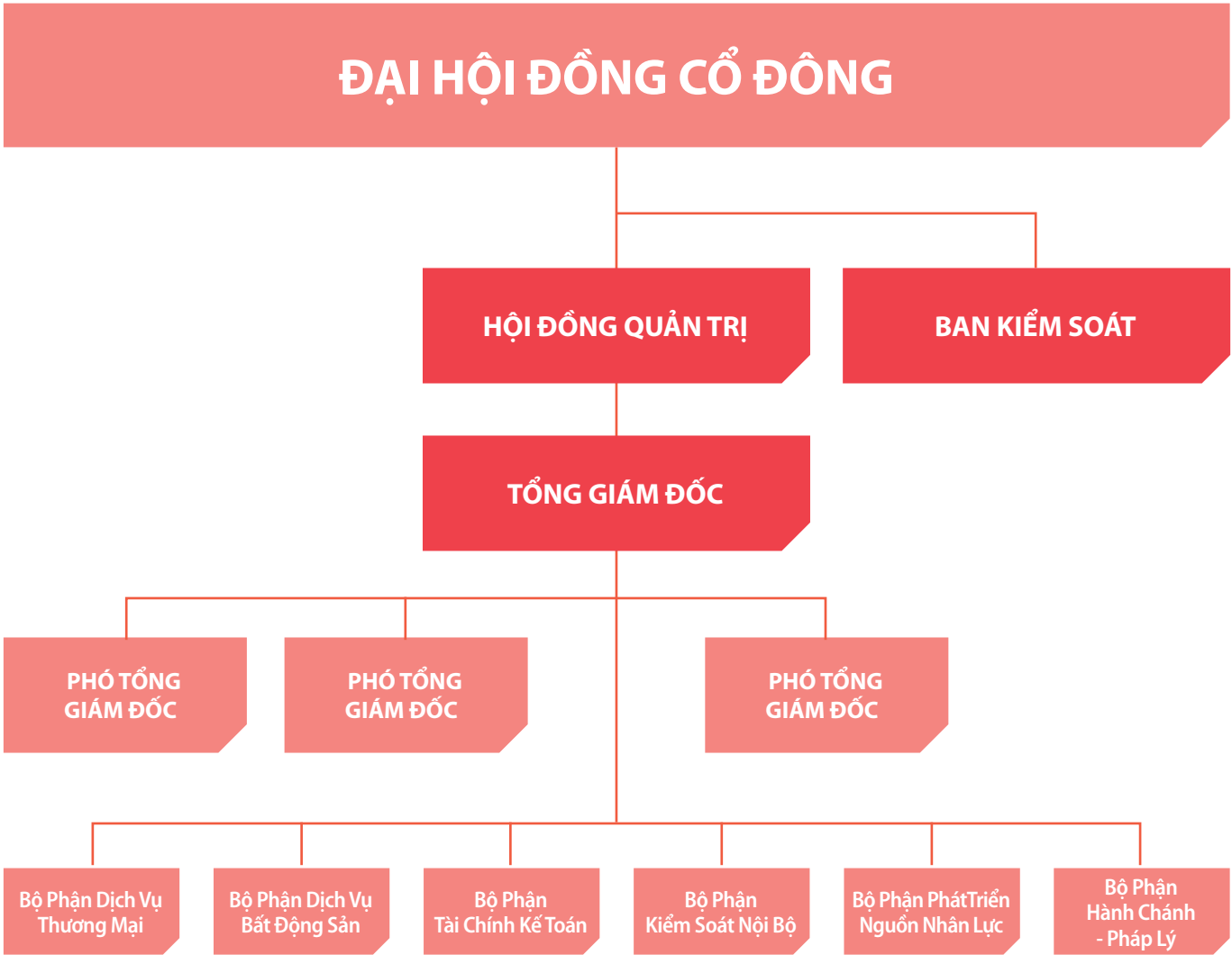
Mô hình quản trị:

Savico phát triển theo mô hình công ty đầu tư (công ty mẹ), đầu tư vào các dự án dịch vụ thương mại, bất động sản, tài chính; Góp vốn và cử nhân sự tham gia quản trị điều hành tại các công ty con, liên kết để phát triển kinh doanh.

Mô hình quản trị theo ngành dọc “chuyên biệt để tạo lợi thế” và quản lý theo khu vực “kết hợp để tạo hiệu quả”. Giao chỉ tiêu kế hoạch cho các đơn vị thành viên, kiểm soát hoạt động đảm bảo hiệu quả đầu tư, đồng thời hỗ trợ các đơn vị thành viên mở rộng thị trường, đào tạo phát triển nhân lực, tăng cường liên kết, phối hợp các hoạt động giữa các đơn vị thành viên, nâng cao năng lực cạnh tranh của toàn hệ thống Savico.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



THÔNG TIN CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2016) TRĐ	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
CÔNG TY CON					
1	Công ty CP Savico Hà Nội	7 - 9 Nguyễn Văn Linh, tổ 17, P. Gia Thụy, Q. Long Biên, TP. Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân dụng và công nghiệp; đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe ô tô; cho thuê máy; dịch vụ vận chuyển và đậu xe.	80.000	70,00%
	Trung Tâm Thương Mại Savico Mega Mall	7 - 9 Nguyễn Văn Linh, P. Gia Thụy, Q. Long Biên, TP. Hà Nội ĐT: (84.4) 62 668 855 www.savicomegamall.com			
	Công Ty TNHH Toyota Long Biên	7 - 9 Nguyễn Văn Linh, P. Gia Thụy, Q. Long Biên, TP. Hà Nội ĐT: (84.4) 62 777 999 - Fax: (84.4) 62 777 998 Hotline: 0973.778.669 Email: toyotalongbien.hn@gmail.vn www.toyotalongbien.org			
	Công Ty TNHH Toyota Hải Dương	Số 1 đường Ngô Quyền, P. Cẩm Thượng, TP. Hải Dương ĐT: (84.320) 3555 999 - Fax: (84.320) 3555 997 Hotline: 090.345.9775			
2	Công ty CP Savico Đà Nẵng	66 Võ Văn Tần, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng và nhà xưởng; tư vấn, môi giới bất động sản; kinh doanh xe ô tô, xe có động cơ khác và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ vận chuyển.	30.000	70,00%
	Công ty CP Dana (Danaford)	56 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng ĐT: 0511. 364 6555 - Fax: 0511. 364 6746 Hotline cứu hộ : 0905 444 888 Email: danaford@ danaford.com.vn Web: www.danaford.com.vn Hotline bán hàng: 0905 105 888 Hotline dịch vụ: 0914 061 731 Chăm sóc khách hàng: 0905 444 838			
	Dana Ford Bình Định	73 Tây Sơn, TP. Qui Nhơn, Tỉnh Bình Định ĐT: 056. 3546 555 - Fax: 056. 3546 488 Hotline : 0905 631 666 - Email: dongpq@danaford.com.vn			
	Dana Ford Gia Lai	284 Lê Duẩn, P. Thắng Lợi, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai ĐT: (84-059) 3535555 - Fax: (84-059) 3551777			

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2016) TRĐ	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
CÔNG TY CON					
	Công ty CP Ôtô Sông Hàn (Hyundai Sông Hàn)	86 Duy Tân, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng ĐT: (84.511) 378 3555 - Fax: (84.511) 378 3883 Hotline: 0914 303 555 / 0511 3 783 888 www.hyundaisonghan.com.vn			
	Công ty TNHH Hyundai Gia Lai	278 Lê Duẩn, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai ĐT: 059.3862255 - Fax: 059.3862266. Hotline: 059.3735888			
	Công ty CP Ôtô Bình Định - Hyundai Bình Định	359 Tây Sơn, P. Quang Trung ,TP. Quy Nhơn,T. Bình Định ĐT: (84-056) 353 5255 - Fax: (84-056) 353 5166 Hotline: (84-056) 364 7888 Website: www.hyundaibinhdin.com.vn			
	Mitsubishi Savico Đà Nẵng	Số 02 Nguyễn Hữu Thọ, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng. ĐT: 0511.3778555 - Fax: 0511.3893.789. Website: www.mitsubishisavico.com.vn			
3	Công ty CP Đầu tư Savico	66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. HCM	Kinh doanh bất động sản; tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, cung cấp các dịch vụ về nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; cung cấp dịch vụ tư vấn kiến trúc và kỹ thuật có liên quan; thiết kế và xây dựng công trình dân dụng; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ giáo dục mầm non.	120.000	99,5%*
4	Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	Bãi Trẹm, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng	Phát triển dự án du lịch nghỉ dưỡng Mercure Sơn Trà Resort tại Bãi Trẹm, đường Hoàng Sa, P. Thọ Quang, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.	84.000	98,00%
5	Công ty liên doanh Toyota Giải Phóng	Số 807 Giải phóng, Hoàng Mai - Hà Nội Tel: 04 3664 0124 Fax: 04 36640127 Hotline: 0903.259.295 www.toyotagiaiphong.com.vn www.toyotagiaiphong.vn	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	18.088	51,00%

(Ngày 24/02/2017, Hội đồng Quản trị Savico đã có quyết định chuyển nhượng 60% vốn cổ phần của Công ty tại CTCP Đầu tư Savico cho đối tác và chỉ còn nắm giữ 39,5%.)

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2016) TRĐ	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
	Toyota Giải Phóng - Chi nhánh Pháp Vân	P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội ĐT: (84.4) 3642 5588 - Fax: (84.4) 3642 5599 Hotline: 098 999 7879 - www.toyota-phapvan.com			
6	Công ty CPDV Sài Gòn Ôtô (Sài Gòn Ford)	61A Cao Thắng, P.3, Q. 3, TP. HCM	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	86.000	52,05%
	Saigon Ford - Cao Thắng	61A Cao Thắng, P. 3, Q. 3, TP. HCM ĐT: (84.8) 3818 1458 - Fax: (84.8) 3818 1466 Hotline dịch vụ: 090 746 8686 Hotline bán hàng: 093.878.3139 Email: saigonford@saigonford.com.vn www.saigonford.com.vn			
	Saigon Ford - Phổ Quang	TT kinh doanh xe cũ & xưởng DV sửa chữa đồng sơn 104 Phổ Quang, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM ĐT: (84.8) 3844.2947/ 3844.2948 - Fax: (84.8) 3844 2896 Hotline: 093 811 0139 - Email: phoquang@saigonford.com.vn			
	Sài Gòn Automax - Trần Đình Xu	72 Trần Đình Xu, Q. 1, TP. HCM ĐT: (84.8) 3838 9508 - Fax: (84.8) 3838 9521 www.mazdabenthanh.com.vn			
	Sài Gòn Automax - An Dương Vương	56A An Dương Vương, P.16, Q.8, TP.HCM ĐT: (84) 0933129839 www.saigonautomax.bonbanh.com			
	Sài Gòn Automax - Trần Hưng Đạo	Tel: (84.) 3915 3244 - Fax: (84.8) 3915 3243 Hotline: 093 898 0139 Email: saigonford@saigonford.com.vn			
	Công ty CP Đầu tư TMDV Sài Gòn Ôtô Cần Thơ	Lô 11C Võ Nguyên Giáp, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ ĐT: (84.710) 3730 720 / 3730 719 - Fax: (84.710) 3.730.716 Hotline: 0902 357 558 Email: cantho@saigonford.com.vn Website: www.canthoford.vn			
	Công ty CP Bến Thành Ôtô (BẾN THANH FORD)	831 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. HCM ĐT: (84.8) 3815.7979 - Fax: (84.8) 3815.8989 Hotline Dịch vụ: 0908 061 061 - Bán hàng: 0938 191 191 Email: info@benthanhford.com.vn Website: www.benthanhford.com.vn			
	Bến Thành Ford Assured	69-71 Chế Lan Viên P. Tây Thạnh Q. Tân Phú, TP. HCM ĐT: 0908 008 998 - Fax: 38155886 Hotline: 0931.248.248			
	Công ty CP Đầu Tư TMDV Ôtô Nam Sài Gòn (Chevrolet Phú Mỹ Hưng)	1489 Đường Nguyễn Văn Linh, P. Tân Phong, Q. 7, TP. HCM ĐT: (08) 37718888 - Fax: (08) 37718895. Hotline Bán hàng: 0902743783, Hotline Dịch vụ: 0938453645. Email: info@chevroletphumyhung.com.vn. Website: chevroletphumyhung.com.vn			

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2016) TRĐ	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
7	Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	K2-0, Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thanh Thuận, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	49.626	51,00%
8	Công ty CP Ôtô Nam Sông Hậu (Honda Cần Thơ)	Lô E1-1 Đường Võ Nguyên Giáp, khu vực Thanh Lợi, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu HONDA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì	50.000	93,00%
9	Công ty CP Ôtô Vĩnh Thịnh (Hino Vĩnh Thịnh)	55/5 Khu phố Bình Giao, P. Thuận Giáo, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh xe ô tô tải nhãn hiệu HINO và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	20.000	90,00%
10	Công ty CP Ôtô Tây Bắc Sài Gòn (Fuso Tây Bắc Sài Gòn)	3/7A, QL. 22, xã Xuân Thới Đông, H. Hóc Môn, TP. HCM	Kinh doanh xe ô tô tải nhãn hiệu Fuso và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và vận tải.	20.000	80,00%
11	Công ty CP Sài Gòn Ngôi Sao	510 Quốc Lộ 13, P. Hiệp Bình Phước, Q.Thủ Đức, TP. HCM	Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI, HONDA và VEAM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	15.000	59,62%
	Chi nhánh Công ty CP Sài Gòn Ngôi Sao	Đường số 4 Khu công nghiệp Quốc phòng Long Bình, P. Long Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.			
	Công ty TNHH MTV Sài Gòn Phương Nam	510 Quốc Lộ 13, P. Hiệp Bình Phước, Q. Thủ Đức. ĐT: (08) 3727 3438 - Fax: (08) 37273133			
	Công ty TNHH TMDV Sài Gòn Viễn Đông	673 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. HCM ĐT: 08 37733893 - Fax: 08 37733902			
12	Công ty CP Ôtô Sài Gòn Cửu Long (Chevrolet Cần Thơ)	274 đường 30/4 P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu CHEVROLET và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	12.000	84,17%
13	Công ty TNHH TMDV Sài Gòn (Yamaha Sài Gòn)	164-166C Đường 3/2, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ĐT: (84.710) 3780 164 Fax: (84.710) 3780 166	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	7.660	88,12%
	Cửa hàng Yamaha Sài Gòn 1	Kiốt 15-17-19-21 Công viên Văn Hóa Miền Tây, Số 45 Đường CMT8, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ ĐT: (84.710) 3783 979 - (84.710) 3783 839			
	Cửa hàng Yamaha Sài Gòn 2	291 Ấp An Nhơn, xã Trung Thành, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long ĐT: (84.070) 3976 888 - Fax: (84.070) 3976 777			
	Trạm dịch vụ và phụ tùng	164/1B, Đường 3/2 P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ĐT: (84.710) 3782 982			

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2016) TRĐ	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
14	Công ty CP OtoS (OtoS)	66 - 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. HCM	Cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; dịch vụ quảng cáo; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp phần mềm và các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin.	10.152,6	84,17%
CÔNG TY LIÊN KẾT					
1	Công ty TNHH Comfort Delgro Savico Taxi	384A/2 Kha Vạn Cân, P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, TP. HCM	Điều hành dịch vụ vận tải bằng taxi và các dịch vụ khác có liên quan tại Việt Nam.	79.315	40,03%
2	Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn	507 Xa lộ Hà Nội, P. An Phú, Q. 2, TP. HCM ĐT: (08) 3 8989 242 Fax: (08) 3 8989 243 Hotline: 19006428 Email: tesc@toyotasaigon.com	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	58.500	35,16%
	Chi Nhánh Gò Vấp	18 Phan Văn Trị, P7, Q. Gò Vấp, TP. HCM ĐT: (08) 3 989 6636 - Fax: (08) 3 989 6637 Hotline: 19006438 Email: tesc@toyotasaigon.com			
	Chi Nhánh Nguyễn Văn Lượng	63A Nguyễn Văn Lượng, P. 10, Q. Gò Vấp, TP. HCM ĐT: (08) 3 9212 808 - Fax: (08) 3 9212 809 Hotline: 0918335050 Email: tesc@toyotasaigon.com			
	Công Ty TNHH Toyota Bình Thuận	Địa chỉ: Khu dân cư Bến Lội - Lại An, thôn Thắng Thuận, xã Hàm Thắng, H. Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận ĐT: (062) 3739 212 - Fax: (062) 3739 210 Hotline: 0901662828 Email: tesc@toyotasaigon.com			
	Chi nhánh Quận 9	850 Xa Lộ Hà Nội, P. Hiệp Phú, Q. 9, TP. HCM Phone: (08) 37361689 - Fax: (08) 37361690 Hotline: 0901 830 833 Email: tesc@toyotasaigon.com			

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2016) TRĐ	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
3	Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	188 Lê Trọng Tấn, P. Tây Thanh, Q. Tân Phú, TP. HCM ĐT: 083.816.3636 Fax: 083.816.33.66	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì	60.000	51%
	Chi nhánh 1	151A Lý Thường Kiệt, P. 6, Q. Tân Bình, TP. HCM ĐT: 083.971.3838 - Fax: 083.971.3209			
	Chi nhánh Tây Ninh (Toyota Tây Ninh)	Số 50 Hoàng Lê Kha, P. 3, TP. Tây Ninh Hotline: 1800 6565			
4	Công ty CP DV Ôtô Thành Phố Mới Bình Dương (Bình Dương Ford)	Lô C13 đường Hùng Vương, khu liên hợp, P. Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì	30.000	27,5%
5	Công ty CP Ôtô Sao Tây Nam (Hyundai Tây Đô)	91 đường CMT 8, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì	25.000	43,8%
6	Công ty CP Ôtô Bắc Âu (Volvo Cars)	340 Nguyễn Văn Linh, P. Bình Thuận, Q. 7, TP. HCM	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu Volvo và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	60.000	32%
	Boutique Đồng Khởi	71-73 Đồng Khởi, Quận 1, TP. HCM Tel: 0901 69 8668			
	Công ty TNHH Ôtô Bắc Âu Hà Nội (Volvo Cars Hanoi)	7-9 Nguyễn Văn Linh, Long Biên, TP. Hà Nội Hotline: 097.111.7799			

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu

Năm 2017:

Phát triển 8 đại lý 2S - 3S mới.

Doanh thu hợp nhất hệ thống 14.500 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất 250 tỷ đồng.

Tiếp tục cơ cấu danh mục bất động sản.

Giai đoạn 2018-2020:

Tạo chuyển biến mạnh trong tăng trưởng doanh thu và hiệu quả, khẳng định tính chuyên nghiệp trong hoạt động đầu tư, nâng cao uy tín thương hiệu trong nước, khu vực và quốc tế.

Mục tiêu đến năm 2020: Doanh thu hợp nhất toàn hệ thống tối thiểu 15.000 tỷ đồng, Lợi nhuận trước thuế tối thiểu 250 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế tối thiểu 200 tỷ đồng, trong đó Lợi nhuận thuộc cổ đông Công ty mẹ tối thiểu 130 tỷ đồng.

Lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại:

Ngành hàng ô tô:

- Giữ vững vị thế là nhà phân phối ô tô số 1 tại Việt Nam với thị phần toàn hệ thống đạt tối thiểu 10% tổng thị trường xe ô tô Việt Nam đến năm 2020.
- Phát triển lĩnh vực dịch vụ ô tô, cùng các dịch vụ gia tăng tiện ích cho khách hàng.
- Tập trung nâng cao hiệu quả đầu tư với mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt từ 15% - 17%/năm.

Ngành hàng xe gắn máy:

- Tập trung củng cố nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo đà phát triển hệ thống xe máy Savico với các thương hiệu lớn như: Honda, Yamaha...
- Phát triển lĩnh vực dịch vụ xe máy, cùng các dịch vụ gia tăng tiện ích cho khách hàng.
- Tập trung nâng cao hiệu quả đầu tư với mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu đạt từ 12% - 15%/năm.

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản:

Tiếp tục cơ cấu danh mục bất động sản, đầu tư vào các dự án có hiệu quả, hỗ trợ cho việc phát triển của lĩnh vực dịch vụ thương mại.

Sản phẩm chủ lực của Công ty bao gồm:

- Trung tâm thương mại (showroom, shopping mall, nhà hàng tiệc cưới/hội nghị,...)
- Văn phòng cho thuê (bao gồm các cao ốc, mặt bằng, tòa nhà vừa và nhỏ).

Mục tiêu đến năm 2020:

- Tỷ suất lợi nhuận hàng năm đạt từ mức bình quân của nền kinh tế trở lên.
- Lĩnh vực bất động sản trở thành lĩnh vực đóng góp quan trọng cho lợi nhuận ổn định của Công ty.
- Hội nhập khu vực khi có điều kiện thuận lợi.

Mục tiêu phát triển bền vững

Khẳng định các giá trị cốt lõi của doanh nghiệp: “Minh bạch”, “Tôn trọng”, “Trách nhiệm”, “Sáng tạo”, “Đoàn kết” trong hoạt động của Công ty, với cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác và với cộng đồng xã hội.

Thực hiện chiến lược phát triển doanh nghiệp xuyên suốt theo hướng gắn hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp, lợi ích của cổ đông, đối tác với việc cam kết tuân thủ, sử dụng hợp lý, bảo vệ, duy trì và tăng cường các nguồn lực về con người, môi trường tự nhiên cũng như tham gia chia sẻ, đóng góp cho cộng đồng, xã hội.



CÁC RỦI RO

Công tác quản trị rủi ro

Savico luôn chú trọng và không ngừng nâng cao hiệu quả công tác quản trị hướng đến sự phát triển bền vững của hệ thống. Riêng đối với công tác quản trị rủi ro, tập thể lãnh đạo Savico luôn có sự quan tâm đặc biệt: bên cạnh công tác quản lý rủi ro được xác lập theo chiến lược và kế hoạch kinh doanh hàng năm, Savico tổ chức bộ phận chuyên trách nhằm rà soát, cảnh báo rủi ro trong quá trình hoạt động từ Công ty mẹ đến các đơn vị thành viên trong hệ thống; song song với việc hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định; cũng như công tác quản trị sao cho phù hợp với tình hình thực tế. Từ đó, rủi ro được quản lý và kiểm soát tốt; công tác quản trị ngày càng minh bạch, hiệu quả và có chiều sâu.

Savico xác định các rủi ro chính yếu liên quan đến hoạt động cần tập trung và có giải pháp phù hợp, cụ thể như sau:

Rủi ro thị trường

Đối với hoạt động phân phối ô tô – xe gắn máy:

Với đặc thù hoạt động kinh doanh của Savico là đại lý phân phối cho nhiều Nhà cung cấp nên chịu sự tác động lớn từ nguồn cung thị trường, chủ yếu từ các Nhà cung cấp như: chiến lược phát triển đại lý; chiến lược sản phẩm; chính sách bán hàng; và giá cả sản phẩm. Bên cạnh đó, công tác dự báo nhu cầu thị trường luôn có những khó khăn nhất định do tâm lý chờ đợi của người tiêu dùng về các chính sách liên quan, sản phẩm mới, thay đổi tỷ giá hoặc sự hạn chế về hạ tầng giao thông cũng có tác động nhất định đến nhu cầu thị trường.

Nhằm giảm thiểu rủi ro từ vấn đề này, Savico đã tổ chức Hội nghị kế hoạch toàn hệ thống từ đầu năm nhằm nhận định, đánh giá thị trường; từ đó tận dụng tốt cơ hội kinh doanh và có giải pháp đối với những khó khăn ngay khi xây dựng kế hoạch. Trong quá trình hoạt động, Savico cập nhật thường xuyên số liệu thị trường, tăng cường công tác dự báo, đặc biệt có giải pháp kinh doanh phù hợp giảm thiểu sự tác động của thị trường. Tăng cường kết nối thông tin với Nhà cung cấp nhằm nắm bắt thông tin kịp thời, có giải pháp kinh doanh phù hợp; nhất là việc phát triển mạng lưới kinh doanh như mở rộng vùng thị trường, số lượng đại lý, thương hiệu và phân khúc xe.

Đối với hoạt động liên quan đến bất động sản:

Với những nhận định về cơ hội, khó khăn và thách thức của

thị trường bất động sản trong năm 2016, rủi ro chính yếu liên quan đến hoạt động bất động sản của Savico đến từ các đối thủ cạnh tranh kinh doanh trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê; và sự khó khăn trong việc hoàn tất thủ tục pháp lý liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản sẽ ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch kinh doanh do Công ty đề ra.

Nhằm hạn chế rủi ro, Savico xác định nhiệm vụ trọng tâm là tập trung gia tăng nguồn thu ổn định; tăng cường công tác tìm kiếm khách hàng, chính sách giá cho thuê và dịch vụ hỗ trợ khách hàng phù hợp nhằm gia tăng tỷ lệ khai thác các Trung tâm thương mại; đồng thời, tập trung triển khai có hiệu quả các dự án đã có kế hoạch phát triển. Với những nhiệm vụ trọng tâm được xác định, hoạt động lĩnh vực bất động sản trong năm 2016 đạt nhiều kết quả tích cực, nguồn thu ổn định, tỷ lệ khai thác các Trung tâm thương mại lớn như Savico Megamall, Trung tâm thương mại Cần Thơ, Tòa nhà văn phòng cho thuê Savico Đà Nẵng được cải thiện đáng kể góp phần vào hiệu quả chung của Savico, đặc biệt là sự hỗ trợ các đơn vị phân phối xe trong hệ thống tìm kiếm mặt bằng, thực hiện thủ tục pháp lý và hoàn tất công tác xây dựng cơ bản góp phần đưa các công trình showroom, nhà xưởng hoạt động kinh doanh đúng tiến độ và chất lượng.

Rủi ro tài chính

Tài chính luôn là một trong những vấn đề trọng tâm tại các đơn vị kinh doanh. Đối với hoạt động tại hệ thống Savico, rủi ro tài chính được xác định từ việc tiếp cận nguồn vốn còn khó khăn, chi phí sử dụng vốn còn cao đối với các đơn vị mới thành lập, hoặc uy tín, hiệu quả hoạt động của đơn vị chưa cao; và từ việc sử dụng vốn chưa hiệu quả, tồn kho không hợp lý, hoặc để khách hàng chiếm dụng vốn, ... dẫn đến những khó khăn nhất định, làm giảm hiệu quả kinh doanh của đơn vị và hệ thống. Từ đó, Savico đã có giải pháp sau:

Đối với giải pháp về nguồn vốn: Nhiều năm nay, việc tìm kiếm giải pháp về vốn cho toàn hệ thống với chi phí vốn phù hợp nhất cho các đơn vị luôn được Ban Lãnh đạo Savico quan tâm và chú trọng. Tuy nhiên, vấn đề này đã được khắc phục khi Savico ký kết hợp đồng hợp tác chiến lược với ngân hàng Vietinbank trong năm 2016 để hỗ trợ vốn cho toàn hệ thống. Bên cạnh đó, trong năm 2016, Savico đã hỗ trợ đơn vị thành viên cơ cấu tài sản, qua đó giúp cho đơn vị giảm được áp lực tài chính, ổn định dòng tiền cũng như đáp ứng nhu cầu về vốn để phát triển các dự án tại đơn vị.

Đối với giải pháp về sử dụng vốn hiệu quả: Savico ngày càng chú trọng đến việc nâng cao hiệu quả quản trị tài chính; theo đó, Công ty đã hoàn thiện Quy chế quản lý tài chính - kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng vốn, thu chi tài chính, quản lý công nợ theo đúng quy chế; thu hồi cổ tức đúng kế hoạch; quản trị tốt dòng tiền; cơ cấu nợ vay hợp lý giúp tiết giảm chi phí lãi vay; đồng thời hỗ trợ tốt về vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Công tác tài chính còn chú trọng đến việc sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả; tăng cường kiểm soát chi phí, công nợ, hàng tồn kho; vận dụng hiệu quả chính sách thanh toán, bán hàng và hỗ trợ từ Nhà cung cấp; bên cạnh đó, công tác kiểm tra - kiểm soát định kỳ tại các đơn vị tiếp tục được duy trì để có sự lưu ý, chấn chỉnh kịp thời khi có những dấu hiệu cho thấy sử dụng vốn kém hiệu quả.

Rủi ro nhân sự

Trong năm 2016, hệ thống Savico đã phát triển thêm 07 đại lý kinh doanh – dịch vụ ô tô, nâng tổng số 34 đại lý tính đến cuối năm 2016 cho thấy hệ thống Savico ngày càng mở rộng. Nhu cầu về nguồn nhân lực của Savico khá lớn, nhất là những nhân sự chủ chốt, nhân sự quản lý cấp cao; Tuy nhiên, bên cạnh việc lựa chọn nhân sự có chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp tốt, nhân sự cần thích ứng được với môi trường văn hoá Savico để có sự tận tâm cống hiến và gắn bó lâu dài cùng Savico.

Nhằm giải quyết vấn đề nhân sự thật tốt, kế thừa sự thành công về chính sách nhân sự những năm qua, Savico tiếp tục chú trọng hoàn thiện quy trình quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá nhân sự, hoàn thiện chính sách thu nhập đối với người lao động, và xây dựng chương trình phát hành cổ phiếu ESOP cho người lao động để tăng cường gắn kết, giữ và thu hút nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, Savico chú trọng hơn công tác đào tạo nội bộ, bồi dưỡng thực tế tại các đơn vị trong hệ thống có quy mô và uy tín để chuẩn bị nhân sự cho các dự án mới; song song với việc rà soát và cải thiện chính sách lương - thưởng, chế độ đãi ngộ - phúc lợi, cơ hội phát triển nghề nghiệp để “giữ chân” nguồn nhân lực hiện có, đồng thời tìm kiếm và thu hút nhân sự có kinh nghiệm từ bên ngoài để cộng tác cùng phát triển hệ thống Savico.

Rủi ro về tính tuân thủ, tính hệ thống

Hệ thống Savico đang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con và quản trị theo chiều sâu, nhằm định hướng các đơn vị thực hiện theo chiến lược xuyên suốt cho giai đoạn 2015 – 2020, cũng như đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh tại các đơn vị. Savico xác định sự tuân thủ, chấp hành các quy định pháp luật; các quy định, quy chế của Savico, cũng như các chỉ đạo từ Savico đến các đơn

vị trong hoạt động kinh doanh là một trong những vấn đề quan trọng để đảm bảo hiệu quả hoạt động cho toàn hệ thống.

Savico thường xuyên rà soát, nhắc nhở các đơn vị về việc tuân thủ, chấp hành qua các chỉ đạo bằng văn bản, hoặc tại các cuộc họp sơ – tổng kết để các đơn vị lưu ý thực hiện tốt. Bên cạnh đó, các bộ phận chức năng tại Văn phòng Công ty thường xuyên thực hiện rà soát, kiểm tra trong phạm vi chức năng – nhiệm vụ được giao; đồng thời, nâng cao vai trò và trách nhiệm của nhóm Cán bộ đại diện vốn, đội ngũ Kiểm soát viên Savico tại các đơn vị thành viên. Qua đó, giúp đơn vị hoạt động ngày càng chuẩn hóa, chuyên nghiệp và hiệu quả hơn; tính hệ thống được phát huy, hiệu quả hệ thống Savico dần được nâng cao.

Tăng cường vai trò, chức năng của bộ phận Kiểm soát nội bộ với Ban kiểm soát của các đơn vị thành viên để thực hiện chức năng kiểm soát hoạt động, hạn chế và phòng ngừa rủi ro.”



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động kinh doanh

Doanh thu thuần hợp nhất năm 2016 của Công ty đạt 13.649 tỷ đồng, tăng 38% so với năm 2015 chủ yếu đến từ sự gia tăng doanh thu của ngành ô tô.

Doanh thu tăng mạnh chủ yếu là do sản lượng ô tô tiêu thụ tăng 38% so với cùng kỳ năm 2015

Chi phí quản lý và chi phí tài chính của Công ty cũng được kiểm soát tăng thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng doanh thu, góp phần gia tăng hiệu quả của Công ty.

Tính chung cả năm 2016, lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ đạt 122,99 tỷ đồng, tăng 18,4% so với 2015. Mức tăng lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ đạt do các Công ty con được thành lập trước 2015 đã hoạt động và cho hiệu quả ổn định.

Năm 2016, Savico tiếp tục đẩy mạnh đầu tư cho lĩnh vực Dịch vụ Thương mại, đặc biệt là ngành ô tô để đón đầu tiềm năng của thị trường được dự kiến sẽ bùng nổ từ 2018.

Tổng hợp về tình hình hoạt động kinh doanh năm 2016 của Công ty:

	2015	2016	2016 SO VỚI 2015
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.889.942.402.972	13.649.122.600.417	38,0%
<i>Giá vốn hàng bán</i>	<i>9.398.256.118.814</i>	<i>12.936.368.205.494</i>	<i>37,6%</i>
Lợi nhuận gộp	491.686.284.158	712.754.394.923	45,0%
Doanh thu hoạt động tài chính	131.313.611.859	15.593.139.225	-88,1%
Chi phí tài chính	54.132.416.925	70.892.623.612	31,0%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>52.929.724.175</i>	<i>66.862.508.991</i>	<i>26,3%</i>
<i>Phần lãi trong công ty liên kết</i>	<i>13.971.199.185</i>	<i>19.693.440.554</i>	<i>41,0%</i>
Chi phí bán hàng	233.222.725.452	326.615.666.168	40,0%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	181.799.948.240	210.203.789.026	15,6%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	167.816.004.585	140.328.895.896	-16,4%
Thu nhập khác	44.053.625.861	75.031.951.241	70,3%
Chi phí khác	6.482.931.382	3.206.877.113	-50,5%
Kết quả từ hoạt động khác	37.570.694.479	71.825.074.128	91,2%
Lợi nhuận kế toán trước thuế	205.386.699.064	212.153.970.024	3,3%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	163.276.475.562	173.819.802.500	6,5%
<i>LNST của công ty mẹ</i>	<i>103.861.038.432</i>	<i>122.992.852.474</i>	<i>18,4%</i>
LNST của cổ đông không kiểm soát	59.415.437.130	50.826.950.026	-14,5%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2016 đã kiểm toán của Công ty

Về tình hình hoạt động kinh doanh của lĩnh vực Dịch vụ Thương mại:

	2015	2016	2016 SO VỚI 2015
Doanh thu bộ phận	9.522.163.333.850	13.363.152.493.173	40,3%
Thu nhập khác của bộ phận	41.528.665.325	90.780.093.410	118,6%
Giá vốn trực tiếp của bộ phận	9.057.807.373.899	12.788.583.492.430	41,2%
Chi phí khác trực tiếp của bộ phận	399.980.872.766	542.243.293.893	35,6%
Lợi nhuận của bộ phận kinh doanh trong năm	105.903.752.510	123.105.800.260	16,2%
Lợi nhuận gộp của bộ phận kinh doanh/ doanh thu bộ phận	4,9%	4,3%	
<i>Thu nhập khác/ doanh thu</i>	<i>0,4%</i>	<i>0,7%</i>	
Lợi nhuận của bộ phận kinh doanh/ doanh thu bộ phận	1,1%	0,9%	

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2016 đã kiểm toán của Công ty

Doanh thu hợp nhất của lĩnh vực Dịch vụ Thương mại có sự tăng trưởng tốt so với năm 2015 nhưng lợi nhuận gộp còn 4,3% so với mức 4,9% của năm 2015 là do sự sụt giảm của các đơn vị kinh doanh thương hiệu Toyota tại khu vực miền Bắc. Chính vì vậy kết quả năm 2016, lợi nhuận của lĩnh vực Dịch vụ Thương mại trước các chi phí không phân bổ đạt 123,1 tỷ đồng, chỉ còn tăng 16,2% so với cùng kỳ. Chỉ tiêu lợi nhuận trước các chi phí không phân bổ của lĩnh vực này năm 2016 giảm xuống còn 0,9% so với mức 1,1% của năm 2015.

Ngoài tác động của một số đơn vị mới trong hệ thống Savico mới được thành lập và đi vào hoạt động nên chi phí còn cao, hiệu quả chưa ổn định thì nguyên nhân chủ yếu của việc sụt

giảm chỉ tiêu hiệu quả lợi nhuận trên doanh thu là do lợi nhuận của ngành ô tô thấp hơn so với cùng kỳ và chưa đạt kế hoạch đề ra.

Các nguyên nhân chủ quan, khách quan dẫn đến diễn biến suy giảm trong hiệu quả hoạt động của các đơn vị ngành ô tô đã được Công ty phân tích, đánh giá và rút kinh nghiệm trong toàn hệ thống để có những giải pháp phù hợp. Các giải pháp tập trung vào quản trị hàng tồn kho, quản trị đơn đặt hàng, kiểm soát lãi gộp, kiểm soát chi phí, phát triển và tăng cường chất lượng của hoạt động dịch vụ. Nhìn chung, hoạt động của các đơn vị ngành ô tô Savico không có được những ưu đãi từ nhà sản xuất giống như một



doanh nghiệp ngành ô tô khác cũng niêm yết trên sàn HOSE là Haxaco. Cụ thể: so với năm 2015, trong khi tỷ suất lợi nhuận gộp 2016 của Savico giảm từ 4,9% xuống còn 4,3% và tỷ suất thu nhập khác trên doanh thu chỉ có mức nhích nhẹ từ 0,4% lên 0,7% thì tỷ suất lợi nhuận gộp của Haxaco tăng từ 2,9% lên 3,5%; tỷ suất thu nhập khác tăng từ 2,4% lên 3,2%. Vì vậy, chiến lược của Savico tăng cường sức cạnh tranh dựa trên nền tảng dịch vụ, lợi nhuận gộp dịch vụ đủ bù đắp 100% chi phí hoạt động của bộ phận dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Song song đó, Công ty thực hiện các giải pháp về kiểm soát chi phí và quản trị để nâng cao hiệu quả hoạt động.

Trong khi đó, các đơn vị ngành xe gắn máy đạt được bước tăng trưởng tích cực về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận trước thuế so với cùng kỳ; với mức tăng lần lượt là 6%, 9% và 45%. Trong số các doanh nghiệp ngành dịch vụ của hệ thống Savico, hoạt động của ComfortDelgro Savico taxi và OtoS còn nhiều khó khăn. Trong đó, đây là năm thứ 2 taxi có lãi trở lại, lãi

đủ bù đắp lỗ lũy kế các năm trước đó nhưng chịu sự cạnh tranh gay gắt từ grab và uber; lợi nhuận chỉ bằng 58,6% cùng kỳ và chỉ đạt 53% chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Riêng OtoS đã bắt đầu có doanh thu nhưng chưa đảm bảo bù đắp chi phí.

Về tình hình hoạt động kinh doanh của lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản:

Lợi nhuận trước các chi phí không phân bổ của lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản vẫn đạt 74,1 tỷ đồng, đóng góp 37,4% lợi nhuận trước các chi phí không phân bổ của các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Hoạt động của khối văn phòng, căn hộ cho thuê ổn định, tỷ lệ khai thác tại TP. HCM, Cần Thơ đạt 100%; Tỷ lệ khai thác của SAVICO MEGAMALL Block A đạt 94,57%, Block B đạt 100%; Trung tâm hội nghị tiệc cưới Melisa Center đạt hiệu quả kinh doanh cao.

CHỈ TIÊU	2015 VND	2016 VND	2016 SO VỚI 2015
Doanh thu bộ phận	367.779.069.122	285.970.107.244	-22,2%
Thu nhập khác của bộ phận	114.408.860.771	1.532.206.370	-98,7%
Giá vốn trực tiếp của bộ phận	(340.448.744.915)	(147.784.713.064)	-56,6%
Chi phí khác trực tiếp của bộ phận	(67.329.066.480)	(65.615.933.120)	-2,5%
Lợi nhuận của bộ phận kinh doanh trong năm	74.410.118.498	74.101.667.430	-0,4%



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



Những thay đổi trong ban điều hành:

- Ông Võ Hiến thôi giữ nhiệm vụ Phó Tổng giám đốc từ ngày 01/01/2016 theo quyết định số 73/QĐ-HĐQT-SVC ngày 09/12/2015 để nghỉ hưu.

Tình hình nhân sự:

Nhân sự toàn hệ thống Savico đến cuối năm 2016 đã tổng số 3.689 người (bao gồm 43 lao động lái xe taxi thời vụ), lao động tăng 24,3% so với 2015.

- Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 1.462 lao động
- HĐLĐ xác định thời hạn từ 01 - 03 năm: 1.634 lao động
- HĐLĐ thời vụ và thử việc: 312 lao động
- HĐLĐ xác định thời hạn là tài xế taxi: 238 lao động
- HĐLĐ dân sự là tài xế taxi : 43 lao động

Trong năm 2016 toàn hệ thống đã tuyển dụng bổ sung 1.073 lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu công việc do Công ty mở rộng mạng lưới kinh doanh như xây dựng mới và đưa vào hoạt động 07 Đại lý kinh doanh ô tô 3S và 2S: Fuso Tây Bắc Sài Gòn, Volvo Bắc Âu, Honda Cần Thơ, Hyundai Gia Lai, Hyundai Bình Định, GM Phú Mỹ Hưng, Mitsubishi Đà Nẵng, Toyota Hải Dương (mở rộng 2S lên 3S). Xây dựng và đưa vào hoạt động 2 xưởng dịch vụ Toyota Cần Thơ (Toyota Cần Thơ) và xưởng dịch vụ Chế Lan Viên (Bến Thành Ford).

Lao động mới bổ trí làm việc trực tiếp kinh doanh và dịch vụ kỹ thuật chiếm tỷ lệ 69%. Mục tiêu tuyển dụng tập trung cho nhân sự khối kinh doanh và dịch vụ để gia tăng doanh thu và phát triển mở rộng dịch vụ.

NĂM	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Tổng số lao động	1.915	2.156	2.348	2.508	2.509	2.616	3.689
Độ tuổi của CB-CNV							
Từ 18 tuổi đến 30 tuổi	1.132	1.132	1.280	1.231	1.251	1.308	2.299
Từ 31 tuổi đến 45 tuổi	804	804	836	1.013	1.008	1.059	1.222
Từ 46 tuổi đến 60 tuổi	220	220	232	264	250	249	168
Giới tính							
Nữ	391	446	494	503	515	581	732
Nam	1.524	1.710	1.854	2.005	1.994	2.035	2.957
Tổng lao động	1.915	2.156	2.348	2.508	2.509	2.616	3.689
Trình độ chuyên môn của CB-CNV toàn Công ty							
Đại học trở lên	535	627	784	786	820	1.053	1.617
Cao đẳng - Trung cấp	461	521	588	610	636	789	1.063
Chứng chỉ nghề	735	806	830	1.011	962	522	747
Cấp 3 trở xuống	184	202	146	101	91	252	262
Cộng	1.915	2.156	2.348	2.508	2.509	2.616	3.689



Hoạt động teambuilding 2016

Chính Sách Nhân Sự

Công ty chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự có thái độ làm việc tích cực, tuân thủ kỷ luật, có ý thức làm việc tập thể, luôn nỗ lực và tận tâm để tạo ra giá trị cống hiến cao nhất trong công việc. Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh, theo đặc thù ngành nghề và chiến lược của Công ty, liên tục nâng cấp nhân sự theo xu thế và yêu cầu phát triển mới.

Công ty tạo môi trường làm việc thân thiện và hợp tác để mỗi cá nhân phát huy tốt nhất năng lực của mình, phát huy trí tuệ tập thể, định hướng nhân sự phát triển nghề nghiệp dài hạn và gắn bó với Công ty.

Các đơn vị trong hệ thống tích cực thay đổi cơ chế quản lý thúc

đẩy nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và xây dựng tinh thần đoàn kết gắn bó trong đội ngũ nhân viên, tạo điều kiện cho nhân viên đóng góp giá trị cho sự nghiệp phát triển của đơn vị.

Công ty khuyến khích tất cả CBNV thi đua sáng kiến cải tiến, từng nhân sự đổi mới để phát triển liên tục theo chiều hướng tốt hơn, nâng cao năng lực chuyên môn nghề nghiệp, khả năng quản trị và năng lực lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại và nâng tầm theo yêu cầu phát triển của Công ty.

Mỗi nhân viên phải tự giác phấn đấu rèn luyện, không ngừng hoàn thiện bản thân, chia sẻ giúp đỡ đồng nghiệp cùng phát triển, phát huy vai trò cá nhân đồng thời tôn trọng và gắn kết với định hướng phát triển của tập thể, gia tăng giá trị cho Công ty, khách hàng, đối tác và cộng đồng xã hội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Bình Minh
Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị



Ông Mai Việt Hà
Thành Viên Hội Đồng Quản Trị,
Tổng Giám Đốc



Bà Nguyễn Việt Hoà
Thành Viên Hội Đồng Quản Trị



Ông Lương Quang Hiến
Thành Viên Hội Đồng Quản Trị



Ông Đoàn Văn Quang
Thành Viên Hội Đồng Quản Trị,
Phó Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Công Bình
Thành Viên Hội Đồng Quản Trị,
Phó Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Đức Trọng
Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ông Mai Việt Hà
Tổng Giám Đốc



Ông Đoàn Văn Quang
Phó Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Công Bình
Phó Tổng Giám Đốc.



Bà Nguyễn Thu Nga
Phó Tổng Giám Đốc



Ông Ngô Văn Danh
Kế Toán Trưởng

BAN KIỂM SOÁT



Bà Nguyễn Như Ánh
Trưởng Ban



Ông Nguyễn Thái Hoà
Thành Viên



Ông Trần Huy Dũng
Thành viên (đã từ nhiệm từ ngày 01/10/2016)

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

(a) Tình hình đầu tư của Công ty mẹ vào các Công ty con, Công ty liên kết:

Bảng tổng hợp số liệu về tình hình đầu tư của Công ty mẹ vào các Công ty con, Công ty liên kết trong năm 2016:

(Nguồn: BCTC riêng năm 2016 đã kiểm toán của Công ty)

TÊN CÔNG TY	01/01/2016		31/12/2016		THAY ĐỔI GIÁ TRỊ GHI SỔ CỦA KHOẢN ĐẦU TƯ
	% VỐN SỞ HỮU	GIÁ TRỊ GHI SỔ	% VỐN SỞ HỮU	GIÁ TRỊ GHI SỔ	
Công ty con		328.022.971.814		472.732.771.814	144.709.800.000
Công ty CP Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	52,05%	33.312.000.000	52,05%	44.763.000.000	11.451.000.000
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng	51%	9.248.504.000	51%	9.248.504.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn	88,12%	7.102.684.814	88,12%	7.102.684.814	-
Công ty CP Sài Gòn Ngôi Sao	59,62%	9.012.515.000	59,62%	9.012.515.000	-
Công ty CP Savico Hà Nội	70%	56.000.000.000	70%	56.000.000.000	-
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	51%	25.309.668.000	51%	25.309.668.000	-
Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	98%	82.320.000.000	98%	82.320.000.000	-
Công ty CP OtoS	77,07%	5.317.600.000	77,07%	7.976.400.000	2.658.800.000
Công ty CP Savico Đà Nẵng	70%	21.000.000.000	70%	21.000.000.000	-
Công ty CP Ô tô Sài Gòn Cửu Long	84,17%	10.100.000.000	84,17%	10.100.000.000	-
Công ty CP Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	80,00%	15.300.000.000	80%	16.000.000.000	700.000.000
Công ty CP Ô tô Vĩnh Thịnh	90,00%	18.000.000.000	90%	18.000.000.000	-
Công ty CP Ô tô Nam Sông Hậu	93,00%	36.000.000.000	93%	46.500.000.000	10.500.000.000
Công ty CP Đầu tư Savico (*)			99,50%	119.400.000.000	119.400.000.000
Công ty liên kết		97.958.709.000		117.548.709.000	19.590.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico (**)	37,33%	560.000.000			(560.000.000)
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	40,03%	31.750.000.000	40,03%	31.750.000.000	-
Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn	35,16%	16.798.709.000	35,16%	16.798.709.000	-
Công ty CP Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	27,50%	8.250.000.000	27,50%	8.250.000.000	-
Công ty CP Ô tô Sao Tây Nam	40,00%	10.000.000.000	43,80%	10.950.000.000	950.000.000
Công ty TNNH Toyota Lý Thường Kiệt	51%	30.600.000.000	51%	30.600.000.000	-
Công ty CP Ô tô Bắc Âu			32%	19.200.000.000	19.200.000.000
Tổng cộng		425.981.680.814		590.281.480.814	164.299.800.000

Tổng vốn đầu tư theo giá trị ghi sổ của Công ty mẹ vào các Công ty con, Công ty liên kết tại thời điểm 31/12/2016 là 590,28 tỷ đồng, tăng gần 164,3 tỷ đồng so với thời điểm đầu tư. Các khoản đầu tư thêm gồm góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô, Công ty Cổ phần OtoS, Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn, Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu, Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu; mua cổ phần của cổ đông khác để tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam; góp vốn thành lập mới Công ty Cổ phần Đầu tư Savico

bằng các tài sản và chi phí đã đầu tư tại dự án 66 – 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa.

(*) (Ngày 24/02/2017, Hội đồng Quản trị Savico đã có quyết định chuyển nhượng 60% vốn cổ phần của Công ty tại CTCP Đầu tư Savico cho đối tác và chỉ còn nắm giữ 39,5%.)

(**) Trong năm 2016, Công ty đã hoàn tất các thủ tục thanh lý một Công ty liên kết là Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico.

b) Tình hình triển khai các dự án đầu tư:

CÁC ĐƠN VỊ	TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI TÍNH ĐẾN HẾT QUÝ I/ 2017
CÁC ĐƠN VỊ TOYOTA	
2S Toyota Quận 9 - Chi nhánh của Toyota Đông Sài Gòn	Chính thức hoạt động từ tháng 12/2016
2S xưởng dịch vụ mở rộng – Toyota Cần Thơ	Hoàn tất đưa vào sử dụng tháng 1/2017
3S Toyota Tây Ninh - Chi nhánh của Toyota Lý Thường Kiệt	Khai trương ngày 18/02/2017
Các đơn vị Ford	
2S Xe cũ và Dịch vụ Chế Lan Viên – Bến Thành Ford	Chính thức khai trương và đi vào hoạt động ngày 09/12/2016.
Các đơn vị Hyundai	
3S Hyundai Bình Định – Savico Đà Nẵng	Chính thức khai trương và đi vào hoạt động ngày 07/12/2016.
Các đơn vị khác	
3S Honda Nam Sông Hậu	Chính thức khai trương và đi vào hoạt động ngày 12/04/2016.
3S Chevrolet Phú Mỹ Hưng – Sài Gòn Ford	Chính thức khai trương và đi vào hoạt động ngày 08/09/2016
3S Fuso Tây Bắc Sài Gòn	Chính thức khai trương và đi vào hoạt động ngày 12/09/2016.
3S Mitsubishi Đà Nẵng – Savico Đà Nẵng	Chính thức khai trương và đi vào hoạt động ngày 18/11/2016.
4S Volvo Hà Nội – Volvo Bắc Âu	Chính thức khai trương và đi vào hoạt động ngày 28/02/2017.



Các đại lý ô tô thuộc hệ thống
SAVICO (đến hết quý I/ 2017)

37 đại lý

Đại lý
HYUNDAI
04

Đại lý
TOYOTA
12

Đại lý
FORD
11

Các đại lý
KHÁC
10

02 Chevrolet

02 Volvo

01 Fuso

01 Suzuki

01 Veam

01 Hino

01 Mitsubishi

01 Honda

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản:

Dự án 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Đang hoàn thiện hồ sơ cấp phép xây dựng để triển khai xây dựng cao ốc văn phòng vào đầu quý 3/2017.



Dự án 104 Phố Quang

Thực hiện các thủ tục để nộp tiền sử dụng đất và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.



Dự án 277-279 Lý Tự Trọng

Thực hiện thủ tục chuyển nhượng 20% vốn góp dự án.



Dự án Hiệp Bình Phước - Tam Bình

Trường Mầm Non: đã nhận Giấy CN QSDĐ, đang thực hiện thủ tục để điều chỉnh thiết kế và xin giấy phép xây dựng, dự kiến khởi công trong quý 3/2017.



TÓM TẮT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON, LIÊN KẾT

Báo cáo tình hình tài sản, nguồn vốn và lợi nhuận của các công ty con, công ty liên kết năm 2015, 2016:

ĐVT: TRIỆU ĐỒNG

STT	TÊN CÔNG TY	NĂM THÀNH LẬP/ THAM GIA GÓP VỐN	TỔNG TÀI SẢN (31/12/2016)	TỔNG NỢ (31/12/2016)	VỐN CHỦ SỞ HỮU (31/12/2016)	LỢI NHUẬN SAU THUẾ 2016
CÔNG TY CON			2.751.780	1.854.445	897.334	105.108
1	CT liên doanh Toyota Giải Phóng	1998	256.545	165.971	90.574	6.773
2	CTCP DV Sài Gòn Ôtô	2000	662.095	511.000	151.095	28.984
3	Công ty TNHH TMDV Sài Gòn	2006	25.525	14.124	11.401	2.489
4	Công ty TNHH Ô tô Toyota Cần Thơ	2007	190.994	81.468	109.525	25.164
5	CTCP Savico Hà Nội	2007	712.432	567.598	144.834	27.513
6	CTCP Sài Gòn Ngôi Sao	2007	103.526	79.688	23.838	7.380
7	CTCP Savico Đà Nẵng	2014	288.084	221.565	66.519	16.296
8	CTCP OtoS	2014	1.810	339	1.471	-3.785
9	CTCP Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	2014	84.633	3.108	81.525	-1.099
10	CTCP Ô tô Sài Gòn Cửu Long	2014	44.915	29.948	14.967	2.820
11	CTCP Ô tô Nam Sông Hậu	2015	107.191	58.819	48.372	-1.628
12	CTCP Ô tô Vĩnh Thịnh	2015	109.793	89.552	20.242	1.021
13	CTCP Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	2015	44.251	31.267	12.984	-6.806
14	CTCP Đầu tư Savico	2016	119.985	0	119.985	-15
CÔNG TY LIÊN KẾT			1.310.890	806.447	504.443	62.104
1	Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn	2003	495.864	322.137	173.727	34.626
2	Công ty TNHH Comfortdelgro Savico Taxi	2005	94.308	7.457	86.850	3.289
3	Công ty CP Dana	2007	68.695	37.931	30.764	12.175
4	CTCP DV Ô Tô Thành Phố Mới Bình Dương	2014	126.733	95.036	31.698	3.638
5	Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	2015	229.694	146.359	83.335	8.364
6	CTCP Ô Tô Sao Tây Nam	2015	125.727	94.458	31.269	5.159
7	CTCP Ô tô Bắc Âu	2015	117.492	62.766	54.726	-5.222
8	CTCP Đầu tư TMDV Ô tô Nam Sài Gòn	2016	52.378	40.303	12.075	75

DVT: TRIỆU ĐỒNG

STT	TÊN CÔNG TY	NĂM THÀNH LẬP/ THAM GIA GÓP VỐN	TỔNG TÀI SẢN (31/12/2015)	TỔNG NỢ (31/12/2015)	VỐN CHỦ SỞ HỮU (31/12/2015)	LỢI NHUẬN SAU THUẾ 2015
CÔNG TY CON			2.043.115	1.371.698	631.569	118.360
1	Công ty liên doanh Toyota Giải Phóng	1998	202.607	94.200	108.408	24.607
2	CTCP DV Sài Gòn Ôtô	2000	404.030	290.374	97.231	21.470
3	Công ty TNHH TMDV Sài Gòn	2006				
4	Công ty TNHH Ô tô Toyota Cần Thơ	2007	163.985	78.366	85.619	22.240
5	CTCP Savico Hà Nội	2007	745.762	620.552	101.788	35.368
6	CTCP Sài Gòn Ngôi Sao	2007	64.950	43.963	20.987	5.554
7	CTCP Savico Đà Nẵng	2014	235.422	184.719	50.703	10.440
8	CTCP OtoS	2014				
9	CTCP Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	2014	84.461	1.836	82.625	-1.015
10	CTCP Ô tô Sài Gòn Cửu Long	2014	29.007	16.860	12.147	685
11	CTCP Ô tô Nam Sông Hậu	2015	37.923	173	37.750	0
12	CTCP Ô tô Vĩnh Thịnh	2015	54.007	34.786	19.221	-779
13	CTCP Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	2015	20.959	5.870	15.090	-210
CÔNG TY LIÊN KẾT			1.015.210	627.619	387.591	53.529
1	CTCP Toyota Đông Sài Gòn	2003	437.031	283.891	153.139	22.915
2	Công ty TNHH Comfortdelgro Savico Taxi	2005	92.648	9.065	83.583	6.976
3	Công ty CP Dana	2007	52.278	29.930	22.348	9.220
4	CTCP DV Ô Tô Thành Phố Mới Bình Dương	2014	90.340	61.849	28.491	-1.560
5	Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	2015	192.364	117.418	74.947	14.946
6	CTCP Ô Tô Sao Tây Nam	2015	150.548	125.466	25.082	1.032

(trong đó: các Công ty liên kết tính theo số liệu hợp nhất vào BCTC hợp nhất năm 2016 đã kiểm toán của Công ty)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a) Tình hình tài chính

ĐVT: TRIỆU ĐỒNG			
CHỈ TIÊU	NĂM 2015	NĂM 2016	% TĂNG GIẢM
Tổng giá trị tài sản	2.757.662	3.337.818	21,0%
Doanh thu thuần	9.889.942	13.649.123	38,0%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	167.816	140.329	-16,4%
Lợi nhuận khác	37.571	71.825	91,2%
Lợi nhuận trước thuế	205.387	212.154	3,3%
Lợi nhuận sau thuế	163.276	173.820	6,5%
Lợi nhuận thuộc cổ đông Công ty mẹ	103.861	122.993	18,4%
Tỷ lệ cổ tức	14%	Dự kiến 12%	

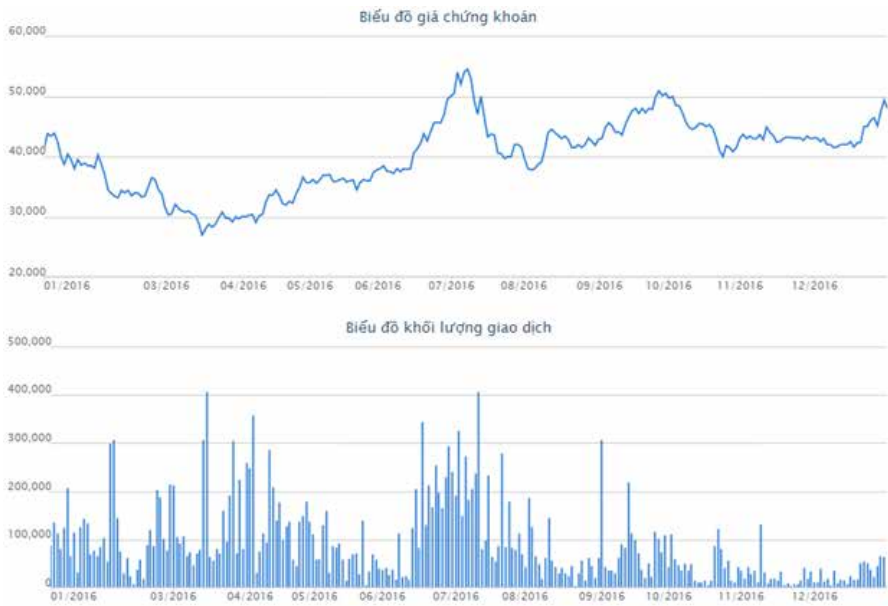
b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	NĂM 2015	NĂM 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,07	1,08
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,57	0,56
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,62	0,65
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,60	1,85
+ Hệ số nợ vay/ Tổng tài sản	0,29	0,39
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	3,59	4,09
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ LNST /Doanh thu thuần	1,65%	1,27%
+ LNST /Vốn chủ sở hữu	16,07%	15,56%
+ LNST /Tổng tài sản	6,05%	5,70%
+ LN từ HĐKD /Doanh thu thuần	1,70%	1,03%
+ LN khác từ HĐKD/ Doanh thu thuần	0,38%	0,53%

THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG

Thông tin về cổ phiếu và cổ đông.

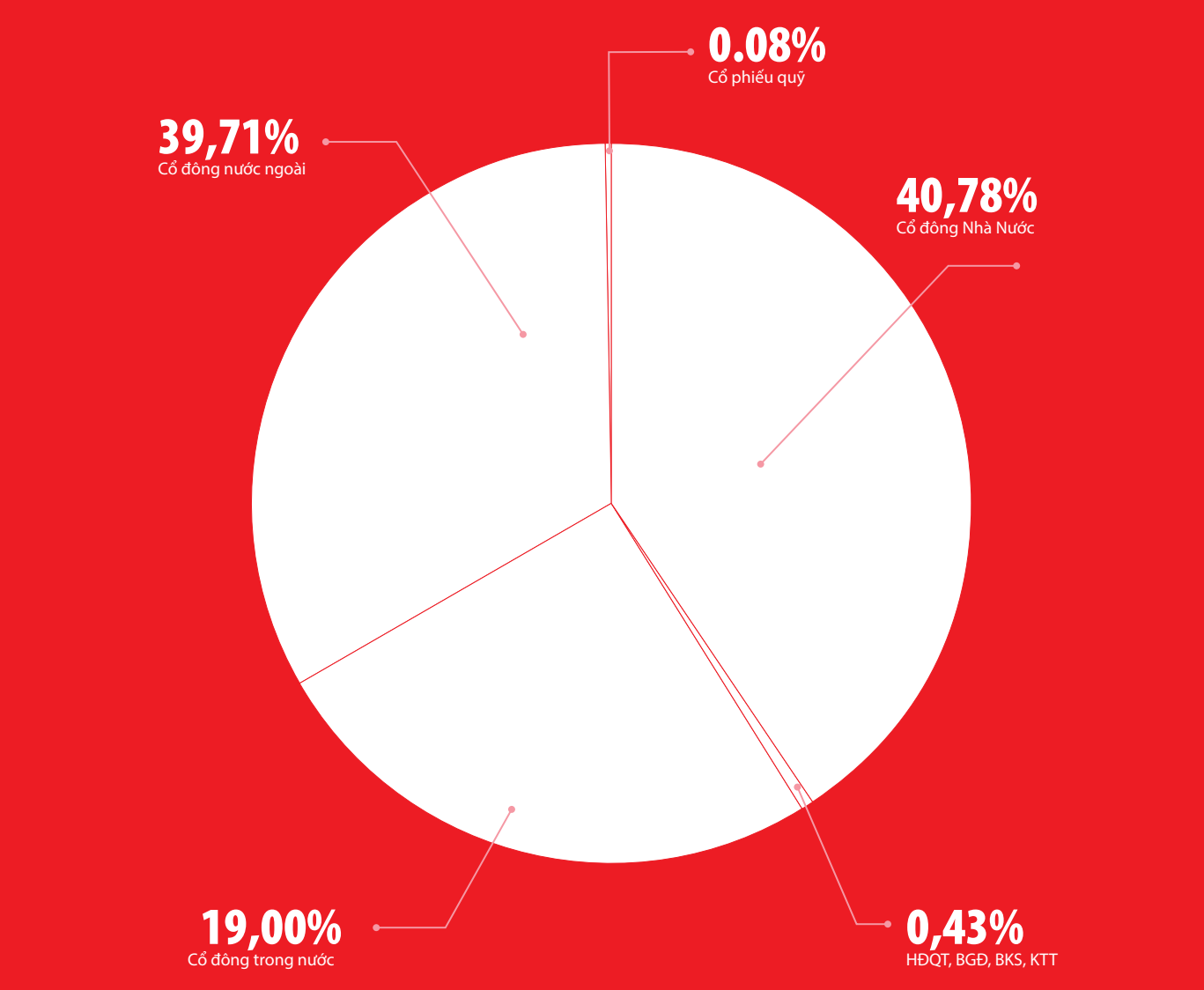
ĐVT: TRIỆU ĐỒNG		
THỐNG KÊ CỔ PHIẾU TRONG NĂM 2016	ĐVT	SỐ LIỆU
Giá ngày 31/12/2015	đồng/ CP	41.400
Giá ngày 31/12/2016	đồng/ CP	48.000
Giá cao nhất trong năm	đồng/ CP	56.000
Giá thấp nhất trong năm	đồng/ CP	27.000
Tổng khối lượng giao dịch	CP	23.089.650
Khối lượng giao dịch bình quân/ phiên	CP/ phiên	93.103
Khối lượng CP niêm yết	CP	24.995.573
Khối lượng CP lưu hành	CP	24.975.507
Tổng giá trị vốn hoá thị trường (ngày 31/12/16)	tỷ đồng	1.198,8
EPS (2016)	đồng/ CP	4.138
P/E (31/12/2016)	lần	11,6
Tỷ lệ sở hữu của cổ đông Nhà nước (31/12/16)	%	40.78%



Nguồn: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Cổ phần**
 - + Tổng số cổ phần phát hành: 24.995.573 cổ phiếu
 - + Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
 - + Tổng số cổ phần đang lưu hành: 24.975.507 cổ phiếu.
 - + Số cổ phần bị hạn chế tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: không có.

Cơ cấu cổ đông (theo danh sách đăng ký cuối cùng ngày 27/02/2017)



Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các cổ đông theo danh sách cổ đông chốt ngày 27/02/2017

STT	PHÂN LOẠI CỔ ĐÔNG	KHỐI LƯỢNG (CỔ PHIẾU)	TỶ LỆ NẤM GIỮ (%)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	
					TỔ CHỨC	CÁ NHÂN
1	Cổ đông Nhà Nước	10.192.823	40,78%	1	1	0
2	HDQT, BGD, BKS, KTT	108.484	0,43%	5	0	5
3	Cổ đông trong nước	4.748.765	19,00%	1.534	54	1.480
4	Cổ đông nước ngoài	9.925.435	39,71%	78	19	59
5	Cổ phiếu quỹ	20.066	0,08%	1	1	0
Tổng cộng		24.995.573	100%	1.619	75	1.544

Danh sách cổ đông lớn và cổ đông chiến lược (theo danh sách đăng ký cuối cùng ngày 27/02/2017)

STT	CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CP SỞ HỮU (CP)	TỶ LỆ (%)
1	Tổng Công ty TNHH MTV Bến Thành	27 Nguyễn Trung Trực, Q. 1, TP. HCM	10.192.823	40,78%
2	Finansia Syrus Securities Public Company Limited	999/9 The Offices@Central Word, 18 th Floor, Rama I Road, Pathumwan Sub-District, Pathumwan District, Bangkok Metropolis	2.379.440	9,52%
3	Jom Silkkitie Investment Fund	Puna Vuorenkatu 2A A 00120 Helsinki, Finland.	2.170.000	8,68%
4	Probus Opportunities	106, route d'Arlon, L-8210 Mamer, Luxembourg	2.192.250	8,77%
Tổng cộng			16.934.513	67,75%

Thông kê sở hữu của cổ đông nội bộ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CP SỞ HỮU (CP)	TỶ LỆ (%)
1	Nguyễn Bình Minh	Chủ tịch HĐQT	67.900	0,27%
2	Mai Việt Hà	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	7.800	0,03%
3	Nguyễn Việt Hòa	Thành viên HĐQT	-	0,00%
4	Nguyễn Công Bình	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	156	0,00%
5	Đoàn Văn Quang	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Người được UQ CBTT	30.023	0,12%
6	Lương Quang Hiển	Thành viên HĐQT	-	0,00%
7	Nguyễn Đức Trọng	Thành viên HĐQT	-	0,00%
8	Nguyễn Thái Hòa	Thành viên BKS	-	0,00%
9	Nguyễn Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc	2.605	0,01%
10	Ngô Văn Danh	Kế toán trưởng	-	0,00%

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: trong năm 2016, Công ty không thực hiện tăng/ giảm vốn điều lệ.
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: trong năm 2016, Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.
- Các chứng khoán khác: không có.
- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có.

Hoạt động IR năm 2016

Ban Quan hệ Cổ đông của Công ty gồm có 4 thành viên, gồm 1 Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty, 1 Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Dịch vụ Thương mại của Công ty, Kế toán trưởng của Công ty và 1 Phó Giám đốc phụ trách nhóm ô tô của Bộ phận Dịch vụ Thương mại.

Trong năm 2016, Savico đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định hoạt động công bố thông tin theo quy định đối với công ty niêm yết quy mô lớn. Ban Quan hệ Cổ đông Công ty dành nhiều thời gian hơn cho hoạt động tiếp xúc, trao đổi, giải đáp thắc mắc trực tiếp và qua điện thoại, email với cổ đông, nhà đầu tư, Công ty chứng khoán như Quỹ JOM, Finansia Syrus,

Probus Opportunities, Endurance, Optis Capital, các cổ đông cá nhân, Công ty Chứng khoán HSC, Bản Việt...

Thông qua tiếp xúc, trao đổi với nhà đầu tư, Ban Quan hệ cổ đông đã nhận được những góp ý tích cực nhằm cải thiện tốt hơn chất lượng của các thông tin được công bố như cải thiện nội dung báo cáo thường niên, cải thiện phần nội dung tiếng Anh trên website Công ty, bổ sung mục “Lịch sự kiện” trên website của Công ty để cổ đông, nhà đầu tư tiện theo dõi trước lịch công bố những báo cáo quan trọng của Công ty...

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu sử dụng trong hoạt động của Savico và các đơn vị trong hệ thống – chủ yếu là các đơn vị ngành ô tô, xe máy được quản lý, sử dụng một cách hợp lý dựa trên các quy trình quản lý nguyên vật liệu chặt chẽ, các quy định về định mức tiêu thụ nguyên vật liệu.

Do nguyên vật liệu chỉ sử dụng một lần và không thể tái chế nên chúng tôi rất chú trọng trong việc đầu tư hệ thống máy móc thiết bị hiện đại theo quy trình khép kín, hệ thống xử lý nước thải, rác thải ngay tại nguồn. Đa số các đơn vị ngành ô tô đang cam kết áp dụng đồng bộ hệ thống quản lý chất lượng môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001.

Tại Công ty mẹ, nguyên vật liệu được sử dụng chủ yếu để phục vụ nhu cầu tiêu thụ hàng ngày gồm nhiên liệu xe, dụng cụ vệ sinh, văn phòng phẩm.

Giải pháp tiết kiệm nhiên liệu xăng dầu tập trung vào việc quy định định mức tiêu hao nhiên liệu trên từng đầu xe, sử dụng xe đúng quy định, thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ xe đúng quy định để tránh tiêu hao nhiên liệu.

Giải pháp tiết kiệm dụng cụ vệ sinh, văn phòng phẩm tập trung vào định mức sử dụng, nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên trong việc sử dụng. Riêng về văn phòng phẩm, Công ty thực hiện lưu trữ hệ thống văn bản bằng văn phòng điện tử để thay thế cho giải pháp in ấn, lưu hành và lưu trữ bằng bản cứng.

Tiêu thụ điện, nước

Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành dịch vụ, chúng tôi đề cao việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nguồn điện nước thông qua các tiêu chuẩn định mức riêng.

Chúng tôi đánh giá cao và có hình thức khen thưởng thích đáng để tài báo cáo cải tiến liên quan đến giải pháp tiết kiệm chi phí hành chánh văn phòng, điện nước. Các giải pháp tiết kiệm của Công ty tập trung vào việc phát hiện và giải quyết các tồn tại gây lãng phí điện nước, nâng cao ý thức, tinh thần tự giác của của cán bộ nhân viên trong việc sử dụng; sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện nước, thường xuyên kiểm tra và có biện pháp khắc phục ngay các sự cố.

Chúng tôi xin dẫn chứng ra đây một trong những giải pháp nổi bật được đánh giá cao của hệ thống Savico nhằm thực hiện tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn điện chiếu sáng của Trung tâm Thương mại Savico MegaMall Hà Nội thuộc CTCP Savico Hà Nội. Tóm tắt quy trình nhận diện, tìm kiếm và thực hiện giải pháp của Savico MegaMall Hà Nội:

Nhận diện các vấn đề tồn tại của hệ thống chiếu sáng:

Savico Megamall gồm 2 khối công trình với tổng diện tích sàn xây dựng 63.400m², trong đó diện tích sàn xây dựng của khu trung tâm thương mại là 54.900 m². Diện tích lớn của khu trung tâm thương mại đi đôi với nhu cầu sử dụng điện năng chiếu sáng lớn.

Với hiện trạng của hệ thống chiếu sáng trong nhà khu công cộng là toàn bộ các đèn chiếu sáng là bóng đèn compact 26w và compact 40w.

Nhận thấy việc dùng các bóng compact tiêu hao nhiều công suất, hiệu suất chiếu sáng thấp, nhiệt độ cao trên 80 độ C làm nóng không khí gần bóng gây tổn hao nhiệt lạnh điều hòa, bóng compact được liệt kê vào một trong những chất thải nguy hại gây ảnh hưởng môi trường.

Qua vận hành cũng cho thấy ngoài việc mất nhiều chi phí chi trả cho tiền điện tiêu thụ còn mất thêm chi phí thay thế bóng cũng như chi phí nhân công cho việc thay thế các bóng cháy.



Đánh giá, tính toán tổng công suất sử dụng và chi phí của hệ thống chiếu sáng:

Đánh giá, tính toán công suất tiêu thụ và chi phí tiền điện:
Dựa trên việc thống kê số liệu một cách chi tiết, Savico MegaMall tính toán được tổng công suất tiêu thụ và chi phí tiền điện sử dụng riêng cho hoạt động chiếu sáng.

Đánh giá, tính toán tổng chi phí phát sinh do việc thay thế bóng cháy và chi phí nhân công phát sinh:
Dựa trên việc thống kê số liệu một cách chi tiết, Savico MegaMall tính toán được tỷ lệ bóng đèn cần thay thế hàng năm chiếm tới khoảng 70% số lượng bóng đèn chiếu sáng và những chi phí đi kèm gồm chi phí thay bóng mới và chi phí nhân công.

Sau khi tính toán được các số liệu một cách chi tiết, Savico MegaMall tìm kiếm giải pháp kiểm soát chi phí, kiểm soát điện năng tiêu thụ cho từng yếu tố. Sau khi tổng hợp đánh giá, giải pháp được đưa ra là thay thế các đèn chiếu sáng compact – 26W; 40W bằng các đèn LED tiết kiệm điện.

Đèn LED có các ưu điểm như sau: tiết kiệm điện, nhiệt lượng tỏa ra môi trường thấp, tuổi thọ cao, được thiết kế nhỏ gọn, thẩm mỹ cao.

Sau khi tính toán, kết luận được đưa ra nếu đầu tư thay thế đồng loạt thì sau 1,5 năm, số tiền tiết kiệm được sẽ bù đắp hết chi phí đầu tư mới.

Chi phí lãng phí do thay bóng còn sử dụng được tiếp tục được hạn chế bằng giải pháp thay theo từng khu vực, các khu vực bóng compact thay ra sẽ được thay cho các bóng cháy khu vực chưa thay bóng led.

Như vậy, giải pháp sử dụng đèn LED của Savico MegaMall cho hệ thống chiếu sáng đã giải quyết được bài toán tiết kiệm điện năng tiêu thụ, tiết kiệm chi phí thay thế bóng và chi phí nhân công vận hành, cũng đảm bảo được các yếu tố về thẩm mỹ, bảo vệ môi trường.

Riêng tại Công ty mẹ, việc tiêu thụ điện nước không nhiều nhưng Số liệu thống kê về tình trạng tiêu thụ điện nước tại Công ty mẹ và các đơn vị có trụ sở đặt tại văn phòng Công ty mẹ năm 2014, 2015 và 2016 của Công ty như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	2014		2015		2016	
			TỔNG SỐ	BÌNH QUÂN/ NHÂN VIÊN	TỔNG SỐ	BÌNH QUÂN/ NHÂN VIÊN	TỔNG SỐ	BÌNH QUÂN/ NHÂN VIÊN
1	Tiêu thụ điện	Kwh	163.088	1.690	164.077	1.641	166.970	1.613
2	Tiêu thụ nước	m ³	1.710	17,7	1.250	12,5	1.238	12,0
3	Dầu máy phát điện	lít	987	11,3	912	9,1	270	2,6

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Savico và các đơn vị trong hệ thống luôn đề cao ý thức tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

Chính sách bảo vệ môi trường, đặc biệt là các đơn vị kinh doanh dịch vụ Ô tô, xe gắn máy trong hệ thống Savico luôn hướng đến việc giảm gánh nặng ô nhiễm môi trường thông qua việc kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường từ các hoạt động của Công ty:

Cán bộ, nhân viên được phổ biến để tuân thủ các quy định về môi trường áp dụng tại Công ty cũng như nhận thức được tầm quan trọng của phát triển bền vững ngay từ khi bắt đầu vào làm tại Công ty,

Giảm thiểu các loại chất thải thông qua các định mức sử dụng nguyên vật liệu hợp lý,

Phân loại, thu gom triệt để chất thải ngay tại nguồn, lưu giữ chất thải theo quy định của địa phương, luật Môi trường Việt Nam và chỉ chuyển giao cho các công ty/ đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý có chức năng được pháp luật cho phép,

Các đơn vị đã đi vào hoạt động thực hiện các chính sách nhằm nâng cấp, cải thiện hệ thống quản lý môi trường phù hợp với quy định của pháp luật và chính sách theo tiêu chuẩn toàn cầu của nhà cung cấp. Các đơn vị được thành lập mới phải thực hiện song song quá trình triển khai dự án với việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng môi trường, chú trọng thực hiện đầu tư hệ thống máy móc thiết bị hiện đại theo quy trình khép kín, hệ thống xử lý nước thải, rác thải ngay tại nguồn.

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Thực hiện chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi gắn liền với kết quả kinh doanh, năng lực chuyên môn, khối lượng và chất lượng công việc của mỗi nhân viên; tương xứng với công sức,

Số liệu thống kê cho thấy Công ty luôn nỗ lực kiểm soát việc tiêu thụ điện, nước, giảm thiểu thất thoát, lãng phí; góp phần sử dụng một cách hiệu quả và tiết kiệm các nguồn lực tự nhiên.

trách nhiệm và hiệu quả lao động; đảm bảo thu nhập của CBNV có tính cạnh tranh với các đơn vị cùng ngành nghề và khu vực. Tổng quỹ lương bình quân toàn hệ thống năm 2016 là 35,7 tỉ đồng/tháng, thu nhập bình quân đạt 10,5 triệu đồng/người/tháng.

Savico và các đơn vị trong hệ thống thực hiện đầy đủ các chính sách chế độ theo Luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể như Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, trang bị đồng phục và bảo hộ lao động, hỗ trợ ăn trưa, tham quan du lịch, khám sức khỏe định, bảo hiểm tai nạn con người, trợ cấp ốm đau, quà tặng cưới hỏi... thực hiện chế độ khen thưởng nhân dịp các ngày lễ tết Nguyên đán, lễ 30/4, kỷ niệm ngày thành lập công ty tùy theo kết quả kinh doanh.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Trong năm 2016, Savico đã tổ chức chương trình huấn luyện team building tạo điều kiện cho CBNV giao lưu gắn kết. Tổ chức thực hiện mua bảo hiểm sức khỏe PVI Care cho CBNV công ty. Tổ chức chương trình tập luyện Yoga nhằm nâng cao thể lực cho CBNV.

Các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, ngày hội gia đình, sinh hoạt câu lạc bộ ngành nghề chuyên môn,...luôn được duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động, tạo điều kiện cho toàn thể nhân viên trong hệ thống Savico gặp gỡ giao lưu, học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm.

Tổ chức khen thưởng và tôn vinh: 17 doanh nhân Savico triển vọng; 17 CBNV đạt giải thưởng hội thi tay nghề do nhà cung cấp tổ chức năm 2016; Đã đề nghị cấp trên khen thưởng 14 tập thể đã đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc năm 2016.



Hoạt động đào tạo người lao động

Trong năm 2016, Savico tăng cường qui hoạch phát triển nguồn nhân lực nội bộ và đội ngũ kế thừa, triển khai chương trình phát triển cán bộ tiềm năng đến nay đã có 156 nhân sự được quy hoạch phát triển và bổ nhiệm vào các vị trí quản lý cấp trung, lãnh đạo cấp cao.

Về đào tạo, phát triển kỹ năng để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Savico đã cử 107 lượt CBNV tham gia các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn như lớp kiểm soát viên dành cho CBNV của Savico cử tham gia Ban kiểm soát tại các đơn vị thành viên trong hệ thống Savico, tổ chức đào tạo và tư vấn thực hiện KPI cho CBNV Văn phòng Công ty, lớp hành nghề kế toán; Các doanh nghiệp trong hệ thống cũng áp dụng chính sách đào tạo nâng cấp cho 1.012 lượt lao động, trong đó, các đơn vị cử đi đào tạo theo chương trình của nhà cung cấp chiếm tỷ lệ 83.3% trên tổng số lượt CBNV được cử đi đào tạo, bao gồm các khóa học về kỹ năng bán hàng và kỹ thuật (sửa chữa chung, đồng, sơn, cố vấn dịch vụ). Ngoài ra, Savico phối hợp với các đơn vị luân chuyển 07 CBNV của Savico đến đơn vị thành viên đào tạo thực tiễn: Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt, CTCP Sài Gòn Ngòi Sao, CTCP Dịch vụ Sài Gòn Ô tô, CTCP Toyota Đông Sài Gòn.

Savico và các đơn vị trong hệ thống tiếp tục tập trung đầu tư vào công tác phát triển nguồn nhân lực giỏi, đào tạo đội ngũ Quản trị viên cấp cao và cấp trung đáp ứng cho nhu cầu phát triển chiến lược kinh doanh của công ty và các đơn vị trong hệ thống.

Trong các giải pháp liên quan đến người lao động, Công ty tiếp tục thực hiện văn hoá 5S tại văn phòng Công ty. 5S giải quyết vấn đề tâm lý, cải thiện điều kiện lao động và không khí làm việc trong tập thể, hoàn thiện môi trường làm việc, bao gồm:

SEIRI - Sàng lọc: Sàng lọc, phân loại và loại bỏ các vật dụng không cần thiết khỏi nơi làm việc.

SEITON - Sắp xếp: Sắp xếp các vật dụng cần thiết theo một trật tự tối ưu sao cho dễ sử dụng.

SEISO - Sạch sẽ: Giữ sạch sẽ nơi làm việc sao cho không có bụi bẩn trên sàn nhà, máy móc thiết bị.

SEIKETSU - Săn sóc, giữ gìn: Duy trì nơi làm việc thật tiện nghi, hiệu quả bằng cách lập lại thường xuyên 3S trên.

SHITSUKE - Săn sàng, kỷ luật: Huấn luyện mọi người có ý thức, thói quen thực hiện các quy định 5S ở nơi làm việc.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng trước hết phải kể đến chính là trách nhiệm và nghĩa vụ với đội ngũ lao động trong hệ thống Công ty.

Song song đó, Savico cùng toàn thể đội ngũ CBNV hệ thống không ngừng nâng cao ý thức, trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội thông qua các hoạt động bám sát với chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước:

Hàng năm, CBNV toàn hệ thống đóng góp 02 ngày lương tham gia vào quỹ xã hội của Tổng Công ty Bến Thành để chăm lo cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn, thực hiện xóa nhà dột nát, hỗ trợ người lao động bệnh nan y, chăm lo cho con em người lao động đến trường và đồng bào vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn.

Trong năm 2016, hệ thống Savico tích cực tham gia các chương trình như Chương trình thiện nguyện để thủy tình không dễ vỡ, Ủng hộ đồng bào Miền trung lũ lụt, Ủng hộ xây dựng tượng niệm nghĩa sĩ Hoàng Sa, Chương trình giúp đỡ các em cơ nhỡ, Chương trình “Sưởi ấm mùa đông cho em”, Ủng hộ bảo trợ phụ nữ và trẻ em nghèo, thăm gia đình thương bệnh binh, Hỗ trợ quà tết cho các hộ nghèo, Xây dựng cầu tại Cà Mau, Ủng hộ quỹ học bổng học sinh nghèo hiếu học Quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ; Trao 100 phần quà cho các gia đình chính sách và hoàn cảnh khó khăn; Đóng góp xây dựng nhà tình thương cho các hộ gia đình chính sách, chăm sóc các đối tượng chính sách, các Mẹ Việt Nam anh hùng.

Tổng số tiền đóng góp, chăm lo cho người lao động trong hệ thống, cho công tác đoàn thể, cho cộng đồng xã hội trong năm 2016 của hệ thống Savico là 2,06 tỷ đồng.

Ngoài ra, bên cạnh số tiền Công ty ủng hộ, Đoàn Thanh niên Công ty cũng có tự tổ chức hoạt động bán hàng, huy động được 42 triệu đồng để thực hiện Chương trình thiện nguyện Để thủy tình không dễ vỡ.

Vừa qua, Ban lãnh đạo Công ty đã tự tổ chức chương trình đấu giá các tác phẩm đạt giải trong cuộc thi thiết kế thiệp nhân Kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Công ty và quyền góp được hơn 131 triệu đồng từ cán bộ nhân viên trong hệ thống để bổ sung nguồn cho các chương trình hoạt động vì cộng đồng xã hội của Công ty.



Lễ hội trắng rằm cho con CBNV Công ty



Chương trình thiện nguyện: “Để Thủy Tình không dễ vỡ”



Đoàn thanh niên SAVICO hướng tới cộng đồng.

Những hoạt động này được xem là hết sức thiết thực và ý nghĩa, không chỉ góp phần cùng xã hội hướng đến mục tiêu chung là xây dựng một xã hội phồn vinh, một đất nước Việt Nam giàu đẹp và vững mạnh; mà còn là động lực để tập thể Savico không ngừng phấn đấu và hoàn thiện, hướng đến sự phát triển ổn định và bền vững.



Chương trình đấu giá cho các hoạt động vì cộng đồng.

CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2016 CỦA HỆ THỐNG SAVICO

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng Hợp Sài Gòn – SAVICO vinh dự 9 năm liên tiếp nằm trong danh sách 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, kết quả năm 2016 SAVICO xếp hạng 95 trong Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (tăng 20 hạng so với năm 2015) xếp thứ 30 trong Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam.



Ông **Nguyễn Công Huân** – PTGD Công ty Cổ phần SAVICO Hà Nội đại diện Công ty CP SAVICO vinh dự đón nhận danh hiệu VNR500 năm 2016

STT	GIẢI THƯỞNG	ĐƠN VỊ TỔ CHỨC	ĐƠN VỊ ĐẠT GIẢI
1	Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam	Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt Nam Báo Vietnamnet	Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn (SAVICO)
2	Doanh nghiệp TP. HCM Tiêu biểu	Hiệp hội Doanh nghiệp TP. HCM	Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn (SAVICO) Công ty Cổ Phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC) Công ty Cổ Phần Dịch vụ Ô tô Sài Gòn (Saigon Ford)
3	Doanh nhân TP. HCM Tiêu biểu	Hiệp hội Doanh nghiệp TP. HCM	Ông Đoàn Văn Quang - P.TGD Công ty CP SAVICO. Ông Huỳnh Văn Sang - TGD Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn (TESC) Ông Phan Dương Cửu Long - TGD Công ty CP Dịch Vụ Ô tô Sài Gòn (Saigon Ford)



Ông **Huỳnh Văn Sang** – TGD Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn nhận giải Doanh nhân TP. HCM Tiêu biểu



Ông **Đoàn Văn Quang** – PTGD Công ty Cp SAVICO nhận giải Doanh nhân TP. HCM Tiêu biểu



Ông **Phan Dương Cửu Long** – TGD Công ty CP Dịch Vụ Ô tô Sài Gòn (Saigon Ford) nhận giải Doanh nhân TP. HCM Tiêu biểu



Vinh danh doanh nghiệp TP. HCM Tiêu biểu 2016



**PHÁT HUY
SỨC TRẺ**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

“Tổng doanh thu hợp cộng toàn ngành ô tô Savico đạt 19.859 tỷ đồng, tăng 40% so với năm 2015. Trong đó, doanh thu bán xe là 18.395 tỷ đồng.”

1. Tình hình kinh tế vĩ mô

Tăng trưởng kinh tế: Tình hình kinh tế xã hội năm 2016 có nhiều chuyển biến tích cực. Các số liệu kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, doanh nghiệp mới thành lập, thu hút đầu tư nước ngoài... tăng trưởng mạnh.

GDP năm 2016 đạt 6,21%, thấp hơn so với mức tăng 6,68% của năm 2015. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất tiếp tục cải thiện mạnh mẽ, chỉ số PMI duy trì ở mức trên 50 điểm.

Chỉ số CPI tháng 12/2016 tăng 4,74% so với tháng 12/2015, bình quân mỗi tháng tăng 0,4%. CPI bình quân năm 2016 tăng 2,66% so với năm 2015.

FDI 2016, tổng vốn đăng ký của các dự án cấp mới và vốn cấp bổ sung đạt 24,37 tỷ USD, tăng 7,1% so với 2015.

Cán cân thương mại năm 2016 xuất siêu 2,68 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 21,0 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu 23,7 tỷ USD.

Sức mua năm 2016 không có biến động lớn, tổng doanh số bán lẻ hàng hóa, dịch vụ và tiêu dùng đạt 3.527 nghìn tỷ đồng, tăng 10,2% so với năm 2015. Tín dụng đối với toàn nền kinh tế tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực.

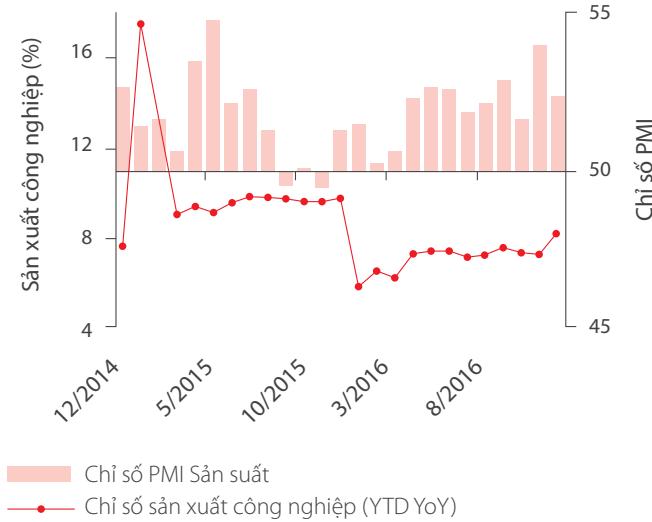
Các yếu tố này đã tác động tích cực đến lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Tuy vậy, một số chỉ tiêu kinh tế đang cho thấy sự giảm tốc: GDP tăng trưởng chậm lại, lạm phát theo xu hướng tăng do điều chỉnh giá các dịch vụ, thâm hụt ngân sách tiếp tục tăng cao...

Thông tin về thị trường:

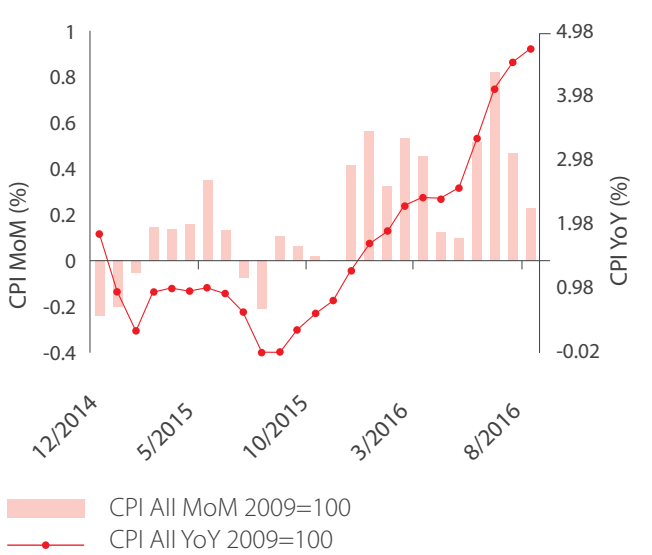
Ô tô – xe máy: Sản lượng ô tô toàn thị trường năm 2016 đạt 304.427 xe, tăng 24% so với 2015. VAMA đạt 271.833 xe, tăng 30% so với 2015. Thị trường xe gắn máy, sản lượng VAMM năm 2016 đạt hơn 3,1 triệu xe, tăng 9,5%.

Đồ thị 1:

Chỉ số sản xuất công nghiệp và PMI



Đồ thị 2: Diễn biến CPI qua các năm



Thị trường bất động sản: tăng trưởng 4%, cao nhất trong vòng 5 năm. Tổng giá trị tồn kho cả nước giảm 37,43%, tín dụng bất động sản tăng 12,5% so với cuối năm 2015. Chính phủ tiếp tục ban hành nhiều chính sách hỗ trợ thị trường bất động sản phát triển ổn định, bền vững.

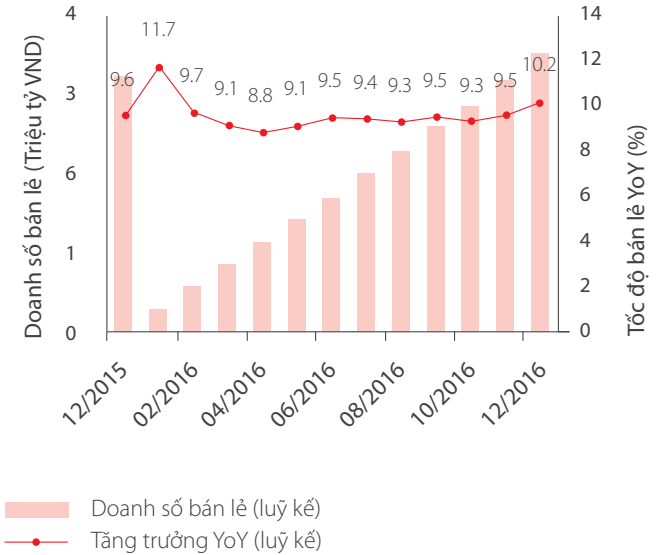
Thị trường tài chính: tăng trưởng tín dụng đạt 18,71%. Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay tương đối ổn định. Tỷ giá USD/VND tăng do sức ép tăng giá của USD song vẫn tiếp tục ổn định nhờ dự trữ ngoại hối gia tăng.

Lãi suất cho vay các kỳ hạn

KỲ HẠN	2015	2016
VND ngắn hạn	6,8 – 9,0	6,8 – 9,0
VND trung, dài hạn	9,3 – 11,0	9,3 – 11,0
USD ngắn hạn	3,0 – 5,3	2,8 – 4,8
USD trung, dài hạn	5,5 – 6,5	4,9 – 5,6

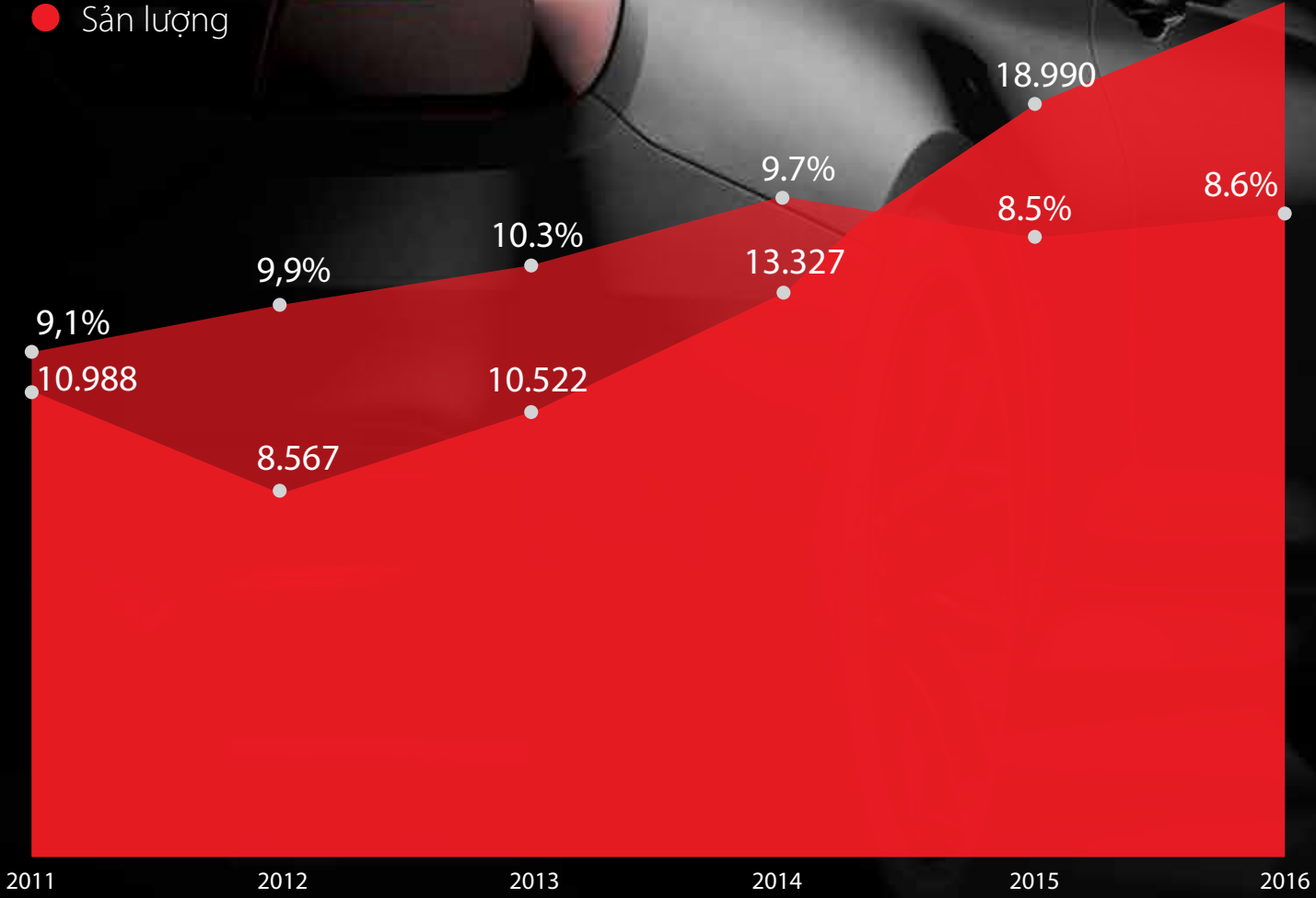
***. Nguồn tài liệu tham khảo: (1) Tổng cục thống kê (GSO); (2) Nghị quyết Chính phủ, Báo cáo chỉ số PMI Việt Nam (Nikkei, Markit); (3) Tổng hợp các bản tin tài chính: BSC, HSC...

Đồ thị 3: Doanh số bán lẻ



CÁC THÔNG SỐ NGÀNH ÔTÔ

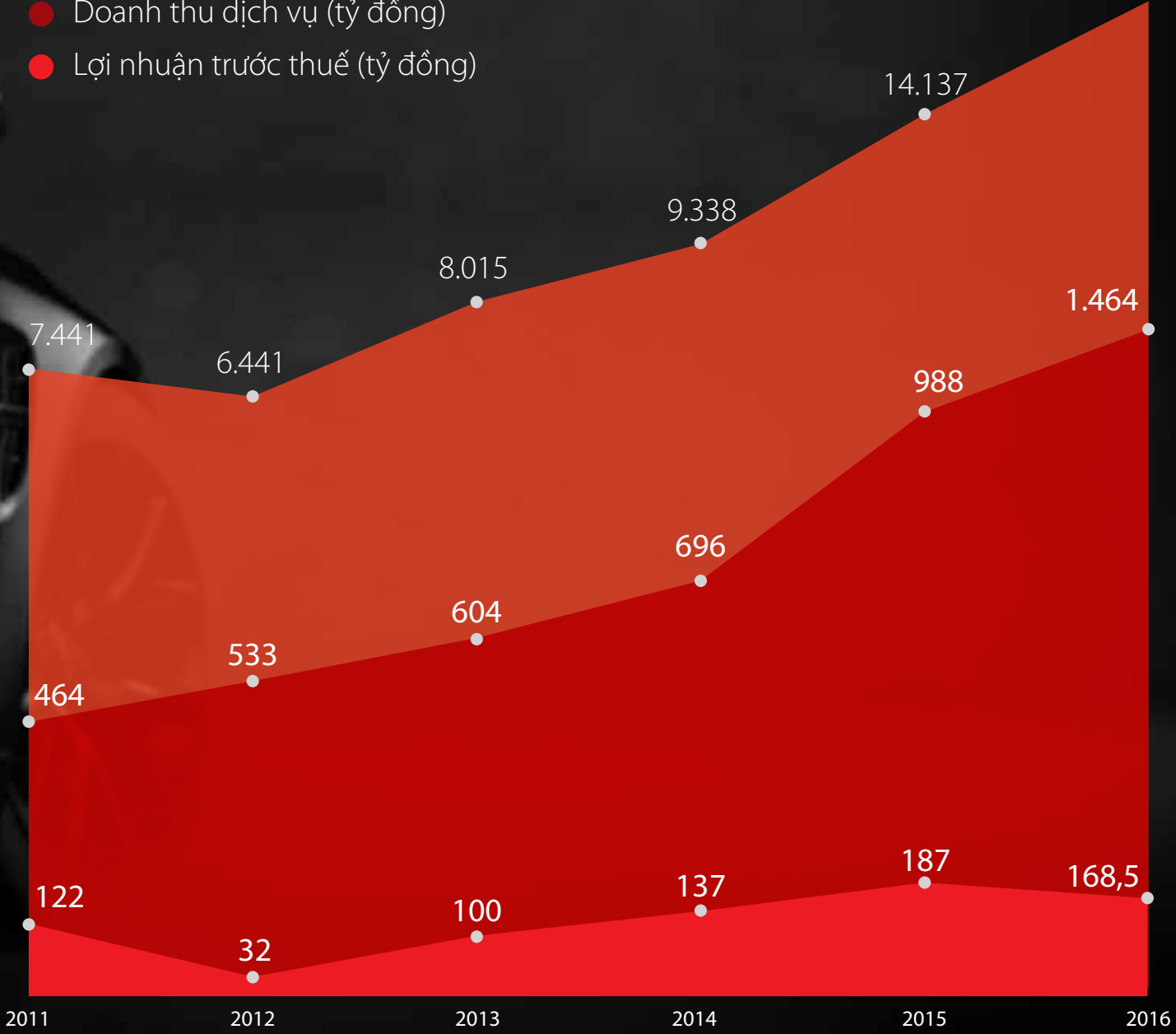
- Thị phần
- Sản lượng



Sản lượng ô tô tiêu thụ
26.211 Xe

THÔNG SỐ NGÀNH ÔTÔ
(Theo số liệu hợp cộng)

- Tổng doanh thu (tỷ đồng)
- Doanh thu dịch vụ (tỷ đồng)
- Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)



Tổng doanh thu (hợp cộng)
19.859 Tỷ VND

2. Kết quả hoạt động kinh doanh

2.1 Thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh

- **Doanh thu:** Hợp nhất đạt 13.662 tỷ đồng, đạt 124% kế hoạch, tăng 38% so với 2015. Doanh thu hợp cộng toàn hệ thống đạt 20.727 tỷ đồng, tăng 38% so với năm 2015. Doanh thu tăng chủ yếu do lượng xe ô tô tiêu thụ toàn hệ thống tăng 38% so với năm 2015.

CHỈ TIÊU (TRIỆU ĐỒNG)	TH 2016	% KH	% C KỲ
Doanh thu BH&DV	13.661.872	124%	138%
LN trước thuế	212.154	106%	103%
LN sau thuế	173.820	109%	106%
LN cổ đông Công ty mẹ	122.993	123%	118%
LNTT BC riêng	75.101	100%	122%
Cơ cấu LNHN (%)	2016	2015	2014
DV thương mại	62%	66%	78%
DV bất động sản	37%	31%	18%
DV tài chính	1%	3%	4%

2.2. Kết quả hoạt động kinh doanh từng lĩnh vực:

2.2.1 Về lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại:

Lợi nhuận trước thuế hợp cộng toàn lĩnh vực đạt 216.929 tỷ đồng (chưa trừ phí phân bổ), tăng 2% so với năm 2015. Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH: TRIỆU ĐỒNG			
	TH 2015	TH 2016	% CÙNG KỲ	% KH 2016
Doanh thu hợp cộng toàn hệ thống Dịch vụ Thương mại.	14.741.250	20.489.755	139%	118%
Lợi nhuận trước thuế hợp cộng toàn hệ thống Dịch vụ Thương mại	211.758	216.929	102%	86%
Ô tô	186.891	168.509	90%	78%
Xe máy	5.040	7.331	145%	127%
Thương mại khác (Savico Hà Nội, Taxi, Melisa Center, OtoS...)	19.827	41.090	207%	134%

Ngành hàng ô tô:

Lượng xe tiêu thụ - Doanh thu bán bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Tổng lượng xe tiêu thụ năm 2016 đạt 26.211 xe, đạt 117% kế hoạch, tăng 38% so với năm 2015. Nếu không tính các đơn vị mới đi vào hoạt động trong năm 2016, tốc độ tăng đạt 30% so với năm 2015.

Về thị phần, thị phần Savico trong toàn thị trường năm 2016 đạt 8,6%, tăng 0,8% điểm so với năm 2015. Hầu hết các thương hiệu Savico phân phối đều có mức tăng trưởng cao trong năm 2016.

Sự tham gia của thương hiệu mới Honda, Fuso, Hino... đã bắt nhịp được với thị trường, đóng góp 3,0% tổng sản lượng toàn hệ thống Savico.

- **Lợi nhuận trước thuế:** hợp nhất đạt 212,154 tỷ đồng, đạt 106% kế hoạch, tăng 3% so với năm 2015. Đáng chú ý là lợi nhuận trước thuế ngành ô tô giảm 17% so với năm 2015.
- Thu nhập cổ đông Công ty mẹ đạt gần 123 tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ.
- **LNTT báo cáo riêng:** Đạt 75,101 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch, tăng 22% so với năm 2015.

CHỈ TIÊU (TRIỆU ĐỒNG)	TH 2016	% KH	% C KỲ
Doanh thu BH&DV	13.661.872	124%	138%
LN trước thuế	212.154	106%	103%
LN sau thuế	173.820	109%	106%
LN cổ đông Công ty mẹ	122.993	123%	118%
LNTT BC riêng	75.101	100%	122%
Cơ cấu LNHN (%)	2016	2015	2014
DV thương mại	62%	66%	78%
DV bất động sản	37%	31%	18%
DV tài chính	1%	3%	4%

2.2. Kết quả hoạt động kinh doanh từng lĩnh vực:

2.2.1 Về lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại:

Lợi nhuận trước thuế hợp cộng toàn lĩnh vực đạt 216.929 tỷ đồng (chưa trừ phí phân bổ), tăng 2% so với năm 2015. Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH: TRIỆU ĐỒNG			
	TH 2015	TH 2016	% CÙNG KỲ	% KH 2016
Doanh thu hợp cộng toàn hệ thống Dịch vụ Thương mại.	14.741.250	20.489.755	139%	118%
Lợi nhuận trước thuế hợp cộng toàn hệ thống Dịch vụ Thương mại	211.758	216.929	102%	86%
Ô tô	186.891	168.509	90%	78%
Xe máy	5.040	7.331	145%	127%
Thương mại khác (Savico Hà Nội, Taxi, Melisa Center, OtoS...)	19.827	41.090	207%	134%

Nguyên nhân lượng xe tăng mạnh do:

- **Khách quan:** Tình hình kinh tế vĩ mô ổn định, hoạt động các doanh nghiệp tăng trưởng ổn định; Ngân hàng tiếp tục hỗ trợ lãi suất ưu đãi vay mua xe kích thích nhu cầu mua xe của khách hàng; Chính sách thuế TTĐB mới từ 01/07/2016 giảm thuế cho một số dòng xe dung tích nhỏ; Hoạt động kinh doanh Uber, Grab tiếp tục phát triển mạnh...;
- **Chủ quan:** Là kết quả của chiến lược mở rộng hệ thống mạng lưới các đơn vị ô tô, các đơn vị mới đi vào hoạt động ổn định, đạt tốc độ tăng trưởng cao trong năm 2016... Công tác bán hàng tại từng đơn vị được tập trung và đẩy mạnh, bám sát theo tình hình thị trường.

Về doanh thu, tổng doanh thu hợp cộng toàn ngành ô tô Savico đạt 19.859 tỷ đồng, tăng 40% so với năm 2015. Trong đó,

doanh thu bán xe là 18.395 tỷ đồng, tăng 41%; và doanh thu dịch vụ-phụ tùng đạt 1.464 tỷ đồng, tăng 32% so với năm 2015.

Về chi phí, tổng chi phí toàn ngành ô tô thực hiện 1.135 tỷ đồng, tăng 40% so với cùng kỳ, chiếm 5,7% trên tổng doanh thu, tương đương so với cùng kỳ. Trong đó:

- Chi phí bán hàng thực hiện 791 tỷ đồng, chiếm 70% tổng chi phí và tăng 38% so với cùng kỳ, chủ yếu từ hoạt động bán xe, do sản lượng xe bán tăng 38%.

Các đại lý khai trương và hoạt động chính thức trong năm 2016:

NỘI DUNG	TRIỂN KHAI
1 Honda Nam Sông Hậu	Chính thức khai trương và đi vào hoạt động ngày 12/04/2016.
2 Chevrolet Phú Mỹ Hưng	Chính thức khai trương và đi vào hoạt động ngày 08/09/2016.
3 Fuso Tây Bắc Sài Gòn	Chính thức khai trương và đi vào hoạt động ngày 12/09/2016.
4 Mitsubishi Đà Nẵng	Chính thức khai trương và đi vào hoạt động ngày 18/11/2016.
5 Hyundai Bình Định	Chính thức khai trương và đi vào hoạt động ngày 07/12/2016.
6 Toyota Động Sài Gòn – CN Quận 9	Chính thức hoạt động từ tháng 12/2016.
7 Trung tâm 2S Bến Thành Ford	Chính thức khai trương và đi vào hoạt động ngày 09/12/2016.

Đánh giá hoạt động kinh doanh ngành ô tô:

Ưu điểm:

- Tốc độ tăng sản lượng tại các đơn vị duy trì ở mức cao, đặc biệt các đơn vị khối Ford, Hyundai, Chevrolet. Thị phần ô tô Savico trong toàn thị trường năm 2016 chiếm 8,6%, tăng 0,8 điểm % so với năm 2015.
- Đã có sự tham gia của các thương hiệu xe thương mại thông qua các đại lý: Hino Vĩnh Thịnh, Fuso Tây Bắc Sài Gòn, góp phần mở rộng được hệ thống phân phối và đa dạng các phân khúc kinh doanh của ngành ô tô Savico.
- Hoạt động dịch vụ tiếp tục tăng trưởng ổn định, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh tại các đơn vị.
- Đã có sự liên kết, chia sẻ thông tin giữa Công ty mẹ và các đơn vị thành viên, đồng thời, tăng cường tính kết nối trong toàn hệ thống dựa trên các hội thảo chuyên đề, các báo cáo chia sẻ kinh nghiệm...

Hạn chế:

- Công tác dự báo, đặt hàng, kiểm soát hàng tồn kho và lãi gộp chưa tốt, đặc biệt tại các đơn vị khu vực miền Bắc.
- Sự cạnh tranh gay gắt giữa các đại lý và các đối thủ lớn không ngừng mở rộng quy mô. Sự phối hợp giữa các đơn vị trong kiểm soát giá chưa được duy trì hiệu quả.
- Việc đầu tư dự án mới còn nhiều hạn chế về: Phương án kinh doanh, phương án đầu tư cơ sở vật chất, phương án nhân sự; việc triển khai xây dựng chậm so với tiến độ. Đồng thời, tốc độ phát triển đại lý của Savico thấp hơn của thị trường.

Ngành hàng xe gắn máy:

Lượng xe tiêu thụ, toàn hệ thống Savico đạt 9.367 xe, đạt

- Chi phí quản lý thực hiện 266 tỷ đồng, chiếm 23% tổng chi phí, tăng 49% so với cùng kỳ, chủ yếu là do mở rộng quy mô kinh doanh của các đơn vị.
- Chi phí tài chính tăng 48% so với cùng kỳ, đặc biệt là các đơn vị mới đi vào hoạt động nên chi phí tài chính đang ở mức khá cao.

Về lợi nhuận trước thuế, tổng lợi nhuận trước thuế hợp cộng ngành ô tô đạt 168,5 tỷ đồng, đạt 78% kế hoạch, giảm 10% so với cùng kỳ.

113% kế hoạch và tăng 6% so với cùng kỳ chủ yếu do sản lượng của Yamaha tăng mạnh. Bên cạnh đó Công ty đã ngưng không tiếp tục phân phối sản phẩm Suzuki từ cuối quý 1/2016; Đối với Honda, nhà sản xuất phân phối xe trên số lượng đại lý nên không đạt được kế hoạch mục tiêu.

Tổng doanh thu bán hàng và dịch vụ, năm 2016 đạt 346,7 tỷ đồng, đạt 116% kế hoạch, tăng 15% so với 2015. Doanh thu dịch vụ-phụ tùng đạt 52,145 tỷ đồng.

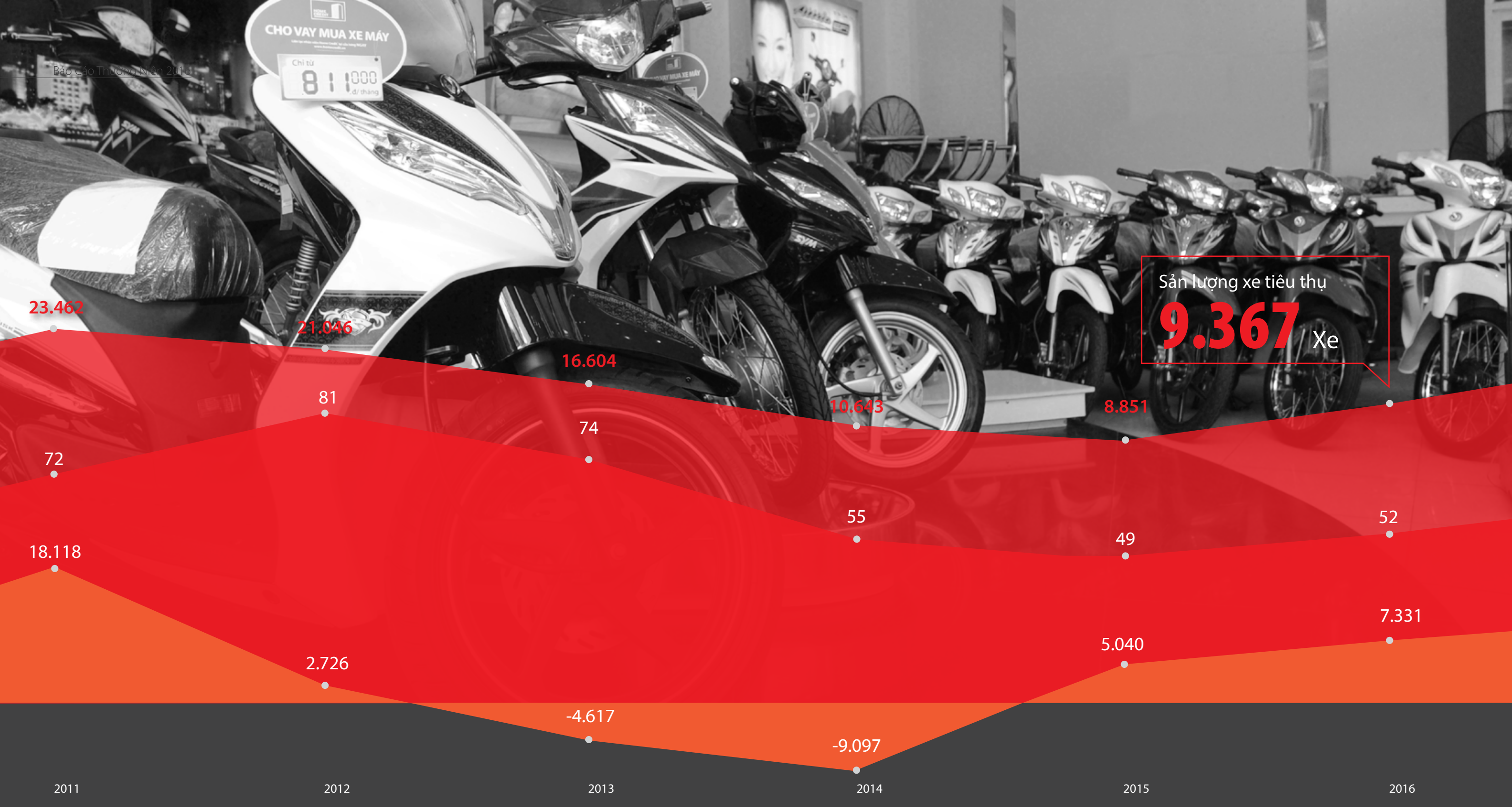
Về chi phí, tổng chi phí năm 2016 thực hiện 31 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ. Trong đó, chi phí bán hàng tăng 29%, chi phí tài chính và chi phí quản lý giảm lần lượt 12% và 27%.

Về hiệu quả hoạt động

Lợi nhuận trước thuế hợp cộng toàn hệ thống xe máy đạt 7,3 tỷ đồng, đạt 127% kế hoạch, tăng 45% so với cùng kỳ. Đã hoàn tất việc tái cơ cấu các cửa hàng Suzuki không hiệu quả.

Đánh giá hiệu quả ngành xe gắn máy:

- Đã thực hiện giải thể thành công các cửa hàng Suzuki hoạt động không hiệu quả, các đơn vị còn lại thực hiện tốt công tác quản trị, kiểm soát chi phí tốt và nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Doanh thu mảng dịch vụ, phụ tùng toàn ngành tăng 9% so với 2105, góp phần gia tăng hiệu quả tại đơn vị.
- Lợi nhuận gộp trên từng đầu xe vẫn được duy trì ở mức ổn định khi hầu hết các cửa hàng đều triển khai chương trình marketing đẩy mạnh hoạt động bán hàng và dịch vụ.



THÔNG SỐ NGÀNH XE MÁY

- Lượng xe tiêu thụ
- Doanh thu dịch vụ (tỷ đồng)
- Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)

Ngành hàng Dịch vụ khác:

ComfortDelgro Savico Taxi, hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn và cạnh tranh gay gắt từ Uber và Grab, lợi nhuận trước thuế năm 2016 chỉ đạt 4,1 tỷ đồng, đạt 53% kế hoạch, cùng kỳ đạt 7 tỷ đồng.

Trung tâm thương mại Savico MegaMall (SMM), đã tiến hành cơ cấu khoản nợ vay ngân hàng, giảm áp lực dòng tiền. Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, tổng chi phí thực hiện 46,3 tỷ đồng, giảm 3% so với năm 2015. Trong đó, chi phí tài chính giảm 15%, tương đương 4,8 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế năm 2016 đạt 25,1 tỷ đồng, tăng 60% so với cùng kỳ. Tỷ lệ khai thác tiếp tục duy trì ở mức cao: Block A: 94,57%, Block B: 100%.

Tình hình thực hiện các dự án

DỰ ÁN	TRIỂN KHAI
Dự án Hiệp Bình Phước - Tam Bình	Trường Mầm Non: đã nhận Giấy CN QSDĐ, đang thực hiện thủ tục để điều chỉnh thiết kế và xin giấy phép xây dựng, dự kiến khởi công trong quý 3/2017.
Dự án 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Đang hoàn thiện hồ sơ cấp phép xây dựng để triển khai xây dựng cao ốc văn phòng vào đầu quý 3/2017.
Dự án 277-279 Lý Tự Trọng	Thực hiện thủ tục chuyển nhượng 20% vốn góp dự án.
Dự án 104 Phố Quang	Thực hiện các thủ tục để nộp tiền sử dụng đất và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bên cạnh đó, hoạt động của lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản trong năm 2016 đã nỗ lực hỗ trợ bộ phận Dịch vụ thương mại một số công tác xây dựng cơ bản, thủ tục pháp lý...để đưa các đại lý ô tô vào hoạt động kịp thời trong năm 2016...

Nhận xét:

- Hiệu quả lĩnh vực tăng so với cùng kỳ do: cải thiện được chất lượng dịch vụ khách hàng, đàm phán giá cho thuê phù hợp và có nguồn khách hàng dự phòng sẵn sàng thay thế.
- Công tác hỗ trợ bộ phận Dịch vụ thương mại đảm bảo các dự án thương mại đưa vào hoạt động đúng thời hạn và tiết kiệm chi phí đầu tư.
- Tuy vậy, một số hồ sơ thủ tục pháp lý dự án và hồ sơ mặt bằng thực hiện chậm do phụ thuộc nhiều vào các cơ quan quản lý nhà nước và công tác giám sát theo dõi chưa chặt chẽ, bị động. Việc tìm kiếm các dự án bất động sản mới để tạo nguồn thu ổn định cho các năm tiếp theo chưa có kết quả.

2.2.3 Về Công tác quản trị tài chính:

CHỈ TIÊU	AN TOÀN	01/01	31/12
Hệ số TT ngắn hạn	1,1	0,75	0,83
Tỷ lệ đòn bẩy/vốn	44,8%	7,0%	5,1%

Trung tâm Hội nghị tiệc cưới Melisa Center, kết quả kinh doanh đã có sự tăng trưởng vượt bậc. Công suất khai thác trung bình đạt 1.807 bàn tiệc/tháng, cùng kỳ đạt 707 bàn tiệc/tháng. Lợi nhuận trước thuế năm 2016 đạt 11,7 tỷ đồng.

Ô tô S, số lượt truy cập trung bình/ngày đạt gần 11,6 nghìn lượt, tăng cao so với 2015, bắt đầu có doanh thu. Tuy nhiên chưa đủ bù đắp chi phí, năm 2016 lỗ 3,79 tỷ đồng, cùng kỳ lỗ 3,68 tỷ đồng. Đơn vị đang hoàn tất các tính năng mới cho sản phẩm chủ lực là phần mềm dịch vụ, định giá xe theo tiến độ để ra, giúp gia tăng sức cạnh tranh của Ô tô S trên thị trường.

2.2.2. Về lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản:

Khối Văn phòng, căn hộ cho thuê: tỷ lệ khai tại TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ đạt 100%.

Trong năm 2016 Công ty đã cơ cấu lại tài sản thu về hơn 206 tỷ đồng từ các đơn vị, lĩnh vực đáp ứng theo nhu cầu phát triển của Công ty. Đồng thời, thực hiện góp vốn cho các hoạt động đầu tư kinh doanh và các dự án đang triển khai của Công ty là 45,3 tỷ đồng.

Mặt khác, Công ty cũng tiến hành bảo lãnh, tái bảo lãnh vay vốn cho các đơn vị trong hệ thống. Hỗ trợ các đơn vị mới thành lập tiếp cận được nguồn vốn vay tại các ngân hàng đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh.

Thực hiện ký kết Hợp đồng hợp tác chiến lược toàn diện với Ngân hàng Vietinbank, đây là cơ sở để xây dựng mối liên hệ tài chính chặt chẽ giữa Công ty mẹ và các đơn vị, đảm bảo nguồn vốn ngắn, trung hạn và các dịch vụ tài chính khác với những điều kiện ưu đãi nhất cho Savico và các đơn vị toàn hệ thống.

Thực hiện đánh giá rủi ro trong hoạt động kinh doanh của các đơn vị thành viên và Savico. Giám sát thực hiện các khoản chi phí tại văn phòng Công ty định kỳ hàng tháng.

2.3. Công tác quản trị tham mưu:

2.3.1 Dịch vụ Thương mại

- Đã tổ chức thành công 4 hội thảo chuyên đề về bán hàng và dịch vụ, chia sẻ kinh nghiệm về bán hàng, dịch vụ, của các đơn vị ô tô trong toàn hệ thống. Đồng thời, thành lập Hội đồng tư vấn dịch vụ Ô tô để tăng cường công tác hỗ trợ sau bán hàng tại từng đơn vị.
- Theo dõi, hỗ trợ công tác xây dựng các đại lý ô tô, đã đưa vào khai trương 7 đại lý 2S và 3S mới trong năm 2016. Tiếp tục nghiên cứu lập phương án đầu tư, mở rộng mạng lưới phân phối ô tô mới trong toàn hệ thống.
- Chính thức tham gia vào phân khúc xe cao cấp với vai trò là nhà phân phối độc quyền thương hiệu Volvo tại thị trường Việt Nam.

Hạn chế:

- Tiến độ xây dựng các đại lý Volvo Bắc Âu, Fuso Tây Bắc Sài Gòn thực hiện chậm so với kế hoạch đề ra.
- Công tác tìm kiếm mặt bằng để phát triển các dự án mới gặp nhiều khó khăn.

2.3.1 Kế toán - Kiểm soát nội bộ

- Kiểm tra công tác kế toán, hỗ trợ các thủ tục về hạch toán, kế toán cho các đơn vị mới tăng cường công tác quản trị rủi ro trong toàn hệ thống đảm bảo công tác tài chính kế toán đáp ứng tốt yêu cầu về thông tin cũng như tiến độ thời gian.
- Đặt biệt trong năm 2016 hệ thống kiểm soát nội bộ đã tăng cường sự liên thông với ban kiểm soát tại các đơn vị thành viên góp phần gia tăng tính tuân thủ hoạt động trong toàn hệ thống.

Hạn chế:

- Chưa đạt được mục tiêu lợi nhuận kinh doanh ngắn hạn tối thiểu đạt 12%/vốn kinh doanh ngắn hạn là 4 tỷ đồng.
- Công tác xây dựng kế hoạch chi phí năm 2016 tại các bộ phận còn chậm.
- Trình độ đội ngũ Kiểm soát viên chưa đồng đều dẫn đến chất lượng báo cáo của Kiểm soát viên chưa đáp ứng yêu cầu quản trị từ Công ty.

2.3.4 Phát triển nguồn nhân lực - Hành chính, Pháp lý

- Số lượng lao động trong năm 2016 tăng từ 2.966 người ở thời điểm đầu năm lên 3.689 người ở thời điểm cuối năm góp phần gia tăng công ăn việc làm, ổn định đời sống xã hội.
- Phối hợp với Trung tâm đào tạo Tổng Công ty Bến Thành tổ chức khóa đào tạo Kiểm soát viên Savico và các đơn vị trong hệ thống, nâng cao trình độ và năng lực làm việc của các Kiểm soát viên.
- Hoàn tất công tác sắp xếp, bố trí cán bộ đại diện vốn Savico tại các đơn vị thành viên.
- Triển khai và thực hiện đánh giá kết quả công việc theo BSC-KPIs đối với CBNV Văn phòng Công ty và tổ chức đào tạo nhằm áp dụng chính thức trong năm 2017.
- Tham gia, đạt giải thưởng “Doanh nhân và Doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tiêu biểu năm 2016”

Hạn chế:

- Công tác tuyển dụng một số vị trí chủ chốt và công tác hoàn thiện bộ máy Văn phòng công ty còn chậm chưa đạt theo mục tiêu đặt ra do nguồn nhân lực thu hút hạn chế.
- Việc triển khai kế hoạch chuẩn hóa thương hiệu còn chậm;
- Đối với công tác Thư ký Hội đồng quản trị: do mạng lưới đang lớn dần nên cần tăng cường rà soát, giám sát thực hiện theo các thông báo và quy chế đã ban hành, chuẩn bị các tài liệu họp kịp thời và đúng quy định.

3. Nhận định tình hình năm 2017

Trọng tâm của các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô của Nhà nước vẫn sẽ chủ yếu tập trung vào các giải pháp ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, tạo điều kiện thuận lợi phát triển sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng.

Lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại: Thị trường ô tô 2017 sẽ chịu ảnh hưởng trong giai đoạn cuối năm do:

- Tác động của lộ trình giảm thuế nhập khẩu từ Asean – Thuế nhập khẩu giảm từ 40% xuống 30% vào năm 2017 và 0% vào năm 2018;
- Áp dụng tiêu chuẩn khí thải Euro 4 đối với xe du lịch động cơ xăng từ 2017, xe du lịch động cơ dầu 2018, xe tải 2022;
- Tăng giá CIF từ 1.000-5.000 USD/xe từ 1/9/2016. Thông quan, giá áp thuế bị siết chặt;
- Cạnh tranh gay gắt giữa các đối thủ; Việc gia tăng mạng lưới bán hàng của các nhà sản xuất làm tăng tính cạnh tranh, thu hẹp thị trường truyền thống...

Với các cơ hội đan xen thách thức, thị trường ô tô được dự báo có thể diễn biến khó lường theo các kịch bản khác nhau tùy thuộc vào các chính sách thuế - phí của Chính phủ.

Thị trường xe gắn máy: Tiếp tục chứng kiến đà tăng trưởng. Tuy vậy, sẽ có sự phân hóa rõ rệt và tập trung vào các thương hiệu lớn Honda, Yamaha.

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản: Thị trường bất động sản được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định trong năm 2017.

Lĩnh vực Dịch vụ Tài chính: Lãi suất huy động và cho vay duy trì ổn định ở mức 6 – 10%/ năm. Tăng trưởng tín dụng được dự báo sẽ tương đương so với năm 2016.

4. Kế hoạch kinh doanh năm 2017

Dựa trên các đánh giá chủ quan Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2017 theo kịch bản thị trường ô tô diễn biến bình thường và tăng trưởng 10% so với 2016.

Các mục tiêu trọng tâm năm 2017:

- (1) Tập trung xây dựng, triển khai các giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2017:

Các mục tiêu năm 2017: Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU KINH DOANH (THEO BCTC HỢP NHẤT)	KH 2016	TH 2016	KH 2017	% KH 2017/ TH 2016
Doanh thu bán hàng & DV	11.000.000	13.661.872	14.500.000	106%
Lợi nhuận trước thuế	200.000	212.154	250.000	118%
Lợi nhuận sau thuế	160.000	173.820	200.000	115%
Thu nhập cổ đông công ty mẹ	100.000	122.993	130.000	106%
Cổ tức	12%	Dự kiến 12%	12%	-

- (2) Tập trung các nguồn lực đẩy mạnh phát triển hệ thống đại lý ô tô, khai trương và đi vào hoạt động chính thức 8 đại lý 2S – 3S mới trong năm 2017. Tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư với các đối tác mới.
- (3) Tiến hành khởi công xây dựng dự án 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa vào đầu quý 3/2017, hoàn tất hồ sơ chuyển nhượng dự án 104 Phố Quang...
- (4) Triển khai ký kết hợp đồng hợp tác chiến lược với các đối tác tín dụng mới, giúp các đơn vị nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn kinh doanh với lãi suất phù hợp nhất.
- (5) Hoàn thiện, triển khai chiến lược phát triển nguồn nhân lực tới năm 2020; Tuyển dụng 10 nhân sự mới, tổ chức các khóa đào tạo nội bộ với chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty, hoàn thiện công tác tổ chức bộ máy Văn phòng công ty.
- (6) Hoàn tất, triển khai công tác chuẩn hóa thương hiệu; Đẩy mạnh thực thi văn hóa doanh nghiệp, tổ chức các chương trình sự kiện chào mừng kỷ niệm 35 năm thành lập Công ty.

Giải pháp hoạt động cho từng lĩnh vực:

Lĩnh vực Dịch vụ - Thương Mại:

Công tác dự báo: Theo dõi, cập nhật các chính sách có liên quan của Chính phủ, chia sẻ thông tin nội bộ... Tranh thủ nâng cao hoạt động bán hàng trong 6 tháng đầu năm và thận trọng, quản lý rủi ro trong 6 tháng cuối năm 2017.

Quản lý đặt hàng, tồn kho: hoàn thiện công cụ theo dõi, kiểm soát việc đặt hàng tồn kho tối ưu. Tăng cường chia sẻ thông tin, liên kết đặt hàng, tồn kho giữa các đơn vị trong toàn hệ thống.

Quản lý bán hàng hiệu quả: Tập trung kiểm soát giá, tỷ lệ lãi gộp/xe; Liên kết các đơn vị cùng ngành hàng để đảm bảo giá bán, lãi gộp...

Dịch vụ: Tăng cường hoạt động dịch vụ, chăm sóc khách hàng và khai thác dữ liệu từ thị trường, đẩy mạnh vai trò tham mưu, kết nối của Hội đồng tư vấn dịch vụ với các đơn vị hệ thống, đặt mục tiêu chỉ số hấp thu dịch vụ trong toàn hệ thống tối thiểu đạt 100%.

Phát triển mạng lưới: Hoàn tất chiến lược phát triển mạng lưới tới 2020 trong toàn hệ thống; Chuẩn bị nguồn lực đảm bảo sẵn sàng cho sự phát triển khi có cơ hội.

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản:

- Duy trì, tối đa công suất khai thác các mặt bằng, quản lý chặt chẽ các khoản công nợ, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Thực hiện phương án đầu tư cải tạo mở rộng, nâng cao công suất khai thác và hiệu quả kinh doanh kho...
- Tiếp tục triển khai các dự án:
 - Dự án 66 - 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa: Khởi công xây dựng tòa nhà 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa vào đầu quý 3/2017.
 - Dự án 104 Phố Quang: Hoàn tất chuyển nhượng dự án.
 - Dự án Hiệp Bình Phước - Tam Bình: Hoàn thành xây dựng bờ kè và cảnh quan công trình, cây xanh, thảm đường để bàn giao cho địa phương. Tìm đối tác hợp tác khai thác trường Mầm Non.
 - Dự án Mercure Sơn Trà: Tìm kiếm đối tác, triển khai đầu tư dự án Mercure Sơn Trà.
 - Tìm kiếm các dự án tiềm năng mới phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.
- Công tác khác: tìm kiếm các mặt bằng phù hợp cho các dự án ô tô mới; Quản lý đầu tư xây dựng các đại lý ô tô khai trương đúng tiến độ.

Lĩnh vực Dịch vụ Tài Chính:

- Theo dõi, đánh giá việc thực hiện hợp đồng hợp tác chiến lược với Vietinbank, tìm kiếm hợp tác chiến lược thêm với đối tác ngân hàng mới đảm bảo nguồn vốn tốt cho hoạt động kinh doanh.
- Tập trung thu cổ tức các đơn vị trong hệ thống, đảm bảo việc thu đúng và đủ theo kế hoạch đề ra. Chủ động phân bổ dòng tiền phù hợp với việc phát triển các dự án của Công ty.

Công tác quản trị tham mưu:

- Các bộ phận Dịch vụ Thương mại, Tài chính Kế toán, Kiểm soát nội bộ tăng cường hỗ trợ các đơn vị mới, các đơn vị gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh, tham mưu và hỗ trợ nâng cao hiệu quả tại các đơn vị.
- Đẩy mạnh các kênh tuyển dụng nhân sự song song với đào tạo, phát triển nội bộ trong hệ thống. Đánh giá đội ngũ cán bộ qui hoạch, nhanh chóng hoàn thiện bộ máy Văn phòng công ty.
- Xây dựng chương trình chi tiết tổ chức lễ kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Công ty, phân công nhiệm vụ và giao mục tiêu cụ thể cho từng phòng ban chức năng, đảm bảo thực hiện tốt nhất các chương trình đề ra.





**MỞ RỘNG
THỊ TRƯỜNG**

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động và trong nước có nhiều sự cố môi trường nghiêm trọng, nền kinh tế Việt Nam 06 tháng đầu năm đã suy giảm. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế đã phục hồi và có những chuyển biến tích cực trong nửa cuối năm, nhưng cả năm chỉ đạt 6,21%, thấp hơn mức 6,68% của năm 2015 và mục tiêu 6,3% mà Chính phủ đặt ra.

Năm 2016, Hội đồng quản trị cũng đã tập trung và chỉ đạo theo dõi, thích ứng linh hoạt trước những biến động thị trường để phát huy và tận dụng các cơ hội để tiếp tục phát triển kinh

doanh. Qua đó, hoạt động của lĩnh vực Dịch vụ Thương mại của các đơn vị trong hệ thống đã có tăng trưởng tốt; lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản đã cải thiện được chất lượng dịch vụ, hỗ trợ Bộ phận Dịch vụ thương mại để các dự án thương mại đưa vào hoạt động đúng thời hạn và tiết kiệm chi phí đầu tư; công tác quản trị tài chính đã hỗ trợ cho các đơn vị thành viên tiếp cận được nguồn vốn từ tổ chức tín dụng với các điều kiện ưu đãi hơn.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao:
Kết thúc năm 2016, Savico đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông giao với kết quả như sau:

BCTC HỢP NHẤT	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2016	THỰC HIỆN NĂM 2016	TH SO VỚI KH (%)	TH SO VỚI 2015 (%)
Doanh thu bán hàng & DV	Trđ	11.000.000	13.661.872	124%	138%
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	200.000	212.154	106%	103%
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	160.000	173.820	109%	106%
Thu nhập cổ đông công ty mẹ	Trđ	100.000	122.993	123%	118%
Cổ tức	%	12%	dự kiến 12%		

Về lĩnh vực Dịch vụ Thương mại:

- Ngành hàng xe ô tô: Do thị trường có nhiều thuận lợi đã đẩy mạnh tăng trưởng sản lượng đạt mức tăng trưởng 38% so với năm 2015; mạng lưới được mở rộng thông qua việc phát triển thêm các đại lý ở những nhân hàng truyền thống và nhân hàng mới, làm đa dạng các phân khúc kinh doanh của hệ thống; hoạt động dịch vụ tiếp tục duy trì tăng trưởng, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh tại các đơn vị; sự liên kết, chia sẻ thông tin giữa Savico và các đơn vị thành viên, tính kết nối trong toàn hệ thống được tăng cường qua các hội thảo chuyên đề, các báo cáo chia sẻ kinh nghiệm được tổ chức nhiều và thường xuyên hơn so với năm 2015.
- Ngành hàng xe gắn máy: đã thực hiện giải thể xong các cửa hàng không hiệu quả; các đơn vị còn lại thực hiện tốt việc kiểm soát chi phí và lợi nhuận gộp trên từng đầu xe được duy trì ở mức ổn định; doanh thu mảng dịch vụ, phụ tùng tăng 10% so với cùng kỳ.
- Dịch vụ thương mại khác: Hoạt động kinh doanh của Trung tâm Savico Megamall, Trung tâm hội nghị tiệc cưới Melisa Center tiếp tục duy trì được sự ổn định, tăng trưởng và ngày càng hiệu quả.

Về lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản:

- Tiếp tục duy trì tỷ lệ khai thác cao và hiệu quả ổn định đối với khối văn phòng mặt bằng;
- Hoàn thiện việc đầu tư và tiếp tục triển khai thực hiện một số dự án trọng điểm: 277-279 Lý Tự Trọng, 104 Phố Quang, 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, ...
- Phối hợp và hỗ trợ trong việc đầu tư, phát triển các đại lý của lĩnh vực DVTM qua việc thực hiện các thủ tục pháp lý, xây dựng cơ bản, ...

Về công tác quản trị tài chính:

- Đã tập trung thu hồi tốt các khoản tiền cổ tức, tiền hỗ trợ vốn từ các đơn vị, doanh thu từ các dự án bất động sản và các danh mục đầu tư.
- Hỗ trợ các đơn vị tiếp cận nguồn vốn của các tổ chức tín dụng với số lượng vốn hỗ trợ ngày càng tăng, đáp ứng kịp nhu cầu kinh doanh tại các đơn vị.
- Hợp tác chiến lược với Vietinbank, tạo mối liên kết tài chính chặt chẽ với các điều kiện về vốn và dịch vụ tài chính ưu đãi cho các đơn vị trong hệ thống.

- Đánh giá rủi ro trong hoạt động kinh doanh của hệ thống. Phối hợp xây dựng các giải pháp quản trị để nâng cao hiệu quả đầu tư tại từng lĩnh vực.

Về công tác quản trị - tham mưu:

- Tăng cường kết nối, hỗ trợ các đơn vị qua các báo cáo chia sẻ thông tin, cập nhật tình hình thị trường được tổ chức định kỳ; tổ chức các hội thảo chuyên đề để chia sẻ kinh nghiệm và tháo gỡ khó khăn; đánh giá và củng cố hoạt động tại một số đơn vị chưa hiệu quả; hỗ trợ các đơn vị phát triển đại lý theo định hướng và kế hoạch phát triển tại các khu vực; hỗ trợ nhân sự cho một số đơn vị.
- Phối hợp kiểm tra và hỗ trợ các đơn vị về thủ tục hạch toán, kế toán; Kiểm tra, kiểm soát tình hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác. Qua đó, đã có những nhận xét, lưu ý và kiến nghị về các vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại các đơn vị.

Bên cạnh những kết quả như nêu trên, vẫn còn tồn tại những hạn chế cần phải khắc phục:

- Việc dự báo và đặt hàng chưa tốt tại một số đơn vị, nhất là tại các đơn vị Toyota khu vực miền Bắc trong bối cảnh thị trường miền Bắc khủng hoảng thừa làm cho lãi gộp ở các đơn vị này giảm mạnh, ảnh hưởng đến hiệu quả toàn hệ thống; việc đầu tư phát triển một số dự án còn hạn chế trong việc xây dựng phương án kinh doanh, đầu tư, nhân sự; triển khai xây dựng một số dự án còn chậm.
- Tiến độ thực hiện một số dự án bất động sản trọng điểm chậm so với kế hoạch do triển khai các vấn đề pháp lý dự án.
- Hoạt động kinh doanh chứng khoán ngắn hạn chưa đạt được mục tiêu.
- Chất lượng báo cáo kiểm soát của các đơn vị trong hệ thống chưa đồng đều.
- Việc tuyển dụng nhiều vị trí chưa đạt theo mục tiêu đề ra. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2016 - 2020 vẫn chưa được hoàn thiện.
- Công tác triển khai kế hoạch chuẩn hóa thương hiệu và một số công tác hỗ trợ khác đôi lúc còn chậm so với kế hoạch và yêu cầu.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Năm 2016, Hội đồng quản trị đã thường xuyên chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác. Theo đó, Hội đồng quản trị nhận thấy:

- Ban Tổng giám đốc và cán bộ đại diện vốn tại các doanh nghiệp đã báo cáo, cập nhật và thông tin về tiến độ thực hiện cũng như các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện dự án. Từ đó, Hội đồng quản trị đã cùng với Ban Tổng giám đốc và cán bộ đại diện vốn đã thảo luận, bàn bạc trực tiếp hoặc bằng văn bản để có các chỉ đạo, giải pháp kịp thời và hiệu quả.
- Ban Tổng giám đốc và cán bộ đại diện vốn tại các doanh nghiệp đã phối hợp triển khai linh hoạt và đồng bộ đến các đơn vị công tác đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, dự báo thị trường, chia sẻ thông tin kịp thời hàng tháng, quý; kiểm soát chi phí và xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Ban Tổng giám đốc và cán bộ đại diện vốn tại các doanh nghiệp cũng đã thực hiện việc thu cổ tức và thu hồi tiền hỗ trợ tài chính từ một số đơn vị, vốn hoá và hoàn tất các vấn đề pháp lý một số dự án bất động sản nên đã thu hồi được dòng tiền, đảm bảo cân đối cho hoạt động kinh doanh.
- Việc kiểm tra hoạt động, kiểm tra công tác tài chính kế toán, kiểm tra tính tuân thủ của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Savico và các đơn vị trong hệ thống theo chỉ đạo và phân công của Ban Tổng giám đốc được thực hiện thường xuyên và đột xuất hơn và đã đáp ứng được một số yêu cầu về quản trị, điều hành. Ban Tổng giám đốc đã thực hiện việc đánh giá năng suất lao động KPI nhằm nâng cao hiệu quả điều hành và năng suất lao động; Tổ chức thành công khóa đào tạo kiểm soát viên Savico và các đơn vị trong hệ thống nhằm nâng cao trình độ và năng lực làm việc của các kiểm soát viên;
- Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ và báo cáo chi tiết các thông tin theo yêu cầu của để kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Các ý kiến đóng góp của Ban kiểm soát đều được Ban Tổng giám đốc ghi nhận và lưu ý cho các hoạt động điều hành của mình.
- Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc cần phải xây dựng thêm những chính sách, chương trình nhằm thu hút nguồn nhân sự đáp ứng kịp nhu cầu phát triển của Savico cũng như toàn hệ thống.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Bước sang năm 2017, trên cơ sở dự báo thị trường ô tô tại Việt Nam sẽ chịu ảnh hưởng do tác động của lộ trình giảm thuế nhập khẩu từ Asean, thông quan và giá áp thuế bị siết chặt, mạng lưới đại lý của các nhà sản xuất gia tăng trong khi thị trường bất động sản sẽ tăng trưởng ổn định. Hội đồng quản trị đề ra những định hướng như sau trong năm 2017:

- Tập trung nguồn lực tiếp tục phát triển mở rộng hệ thống phân phối ô tô thêm ít nhất 8 đại lý mới.
- Hoàn tất việc vốn hóa dự án 104 Phố Quang và khởi công xây dựng dự án 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa.
- Hoàn thiện, triển khai chiến lược phát triển nguồn nhân lực đến năm 2020. Tuyển dụng được nhân sự và tổ chức được các khóa đào tạo có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát

triển của Savico và của hệ thống.

- Hoàn tất chuẩn hóa thương hiệu; nâng cao văn hóa doanh nghiệp; tổ chức các chương trình sự kiện chào mừng lễ kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Công ty.

Từ những định hướng trên, Hội đồng quản trị thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 do Ban Tổng giám đốc đề xuất như sau:

BCTC HỢP NHẤT	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2016	KẾ HOẠCH NĂM 2017	KH 2017 SO VỚI TH 2016 (%)
Doanh thu bán hàng & DV	Trđ	13.661.872	14.500.000	106%
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	212.154	250.000	118%
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	173.820	200.000	115%
Thu nhập cổ đông Công ty mẹ	Trđ	122.993	130.000	106%
Cổ tức	%/VĐL	dự kiến 12%	12%	



QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Giới thiệu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát Công ty

Hội đồng Quản trị:

1. Ông NGUYỄN BÌNH MINH

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày sinh: 13/02/1972, Nơi sinh: Hà Nội
Địa chỉ thường trú: 150/1 Ung Văn Khiêm, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản Trị Kinh Doanh
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Tổng giám đốc Tổng Công ty Bến Thành TNHH MTV
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Savico Đà Nẵng
- Thành viên HĐQT Công ty CP Savico Hà Nội
- Thành viên HĐQT Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn

2. Ông MAI VIỆT HÀ

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc
Ngày sinh: 18/02/1973 - Nơi sinh: Hưng Yên
Địa chỉ thường trú: Lô A 4-6 C/c Khánh Hội, 360C Bến Vân Đồn, P. 1, Q. 4, TP. HCM
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Chủ tịch HĐQT CTCP Ô tô Nam Sông Hậu
- Chủ tịch HĐQT CTCP Ô tô Sao Tây Nam
- Chủ tịch HĐQT CTCP Ô tô Bắc Âu
- Phó Chủ tịch CTCP Savico Đà Nẵng
- Phó Chủ tịch CTCP Toyota Đông Sài Gòn

3. Ông ĐOÀN VĂN QUANG

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc
Ngày sinh: 20/10/1971, Nơi sinh: Bình Định
Địa chỉ thường trú: 326/16 Phan Đình Phùng, Q. Phú Nhuận, TP. HCM
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sài Gòn Ngôi Sao.
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH TMDV Sài Gòn.
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP ô tô Vĩnh Thịnh.
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP ô tô Tây Bắc Sài Gòn.

4. Ông NGUYỄN CÔNG BÌNH

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc.
Ngày sinh: 31/03/1978, Nơi sinh: TP. HCM
Địa chỉ thường trú: 327 Lô C, C/c Nguyễn Thiện Thuật, P.1, Q. 3, TP. HCM
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Ô tô Sài Gòn Cửu Long
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn
- Thành viên HĐQT CTCP Ô tô Nam Sông Hậu

5. Bà NGUYỄN VIỆT HOÀ

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
Ngày sinh: 12/05/1975, Nơi sinh: Thanh Hoá
Địa chỉ thường trú: 32/107 Bùi Đình Túy, P.12, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kế toán Kiểm toán
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Bến Thành TNHH MTV

6. Ông LƯƠNG QUANG HIỂN

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
Ngày sinh: 25/11/1967, Nơi sinh: Đà Nẵng
Địa chỉ thường trú: 93 đường 37, P. Tân Quy, Q. 7, TP. HCM
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Giám đốc điều hành Công ty CP Hùng Vương
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Tập đoàn KIDO

7. Ông NGUYỄN ĐỨC TRỌNG

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
Ngày sinh: 16/12/1972, Nơi sinh: Đà Lạt, Lâm Đồng
Địa chỉ thường trú: 28 đường số 5, Khu dân cư Him Lam, Tân Hưng, Q. 7, TP. HCM
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Tài chính
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Giám đốc Tư vấn Tài chính tại Công ty CP Chứng khoán TP.HCM

Ban Tổng giám đốc – Kế toán trưởng

1. Ông MAI VIỆT HÀ

2. Ông ĐOÀN VĂN QUANG

3. Ông NGUYỄN CÔNG BÌNH

4. Bà NGUYỄN THU NGÀ

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc
Ngày sinh: 02/10/1974, Nơi sinh: Nam Định
Địa chỉ thường trú: 51 Mỹ Văn, khu phố 6, Q. 7, TP. HCM
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:
- Thành viên HĐQT Công ty CP Ô tô Tây Bắc Sài Gòn

5. Ông NGÔ VĂN DANH

Chức vụ: Kế toán trưởng
Ngày sinh: 27/12/1975, Nơi sinh: Sài Gòn
Địa chỉ thường trú: 159/74/52 Trần Văn Đang, Q. 3, TP. HCM
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính - Kế Toán
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:
- Trưởng Ban kiểm soát Công Ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái.
- Thành viên HĐQT Công ty CP Ô tô Vĩnh Thịnh

Ban kiểm soát:

1. Bà NGUYỄN NHƯ ÁNH

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Ngày sinh:19/04/1976, Nơi sinh: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số 6 đường 18, Khu dân cư ven sông
Phường Tân Phong, Quận 7, TP. HCM
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài Chính
- Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:
- Giám đốc Tài chính Kế hoạch Tổng Công ty Bến Thành
TNHH MTV
- Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Văn Hoá Tổng hợp
Bến Thành

2. Ông NGUYỄN THÁI HOÀ

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm Soát
Ngày sinh: 08/06/1980, Nơi sinh: TP. HCM
Địa chỉ thường trú: 10/5 Khu phố 7, Huỳnh Tấn Phát, Thị trấn
Nhà Bè, huyện Nhà Bè, TP. HCM
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật - chuyên
ngành Kinh tế.
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:
- Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Sài Gòn Ô tô
- Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty CP Savico Đà Nẵng
- Kiểm Soát Viên Công ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi
- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Savico Hà Nội

3. Ông TRẦN HUY DŨNG

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát
Đã từ nhiệm từ ngày 01/10/2016
Ngày sinh: 01/11/1986, Nơi sinh: Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú: 467/8/7A, Khu phố 16, đường Tân Sơn, P. 12,
Quận Gò Vấp, TP. HCM
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - chuyên ngành kiểm toán.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị và số lần tham dự họp trong năm 2016:

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU LÀ THÀNH VIÊN HĐQT	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ
1.	Ông Nguyễn Bình Minh	Chủ tịch	24/4/2015	10	100%
2.	Ông Mai Việt Hà	Thành viên	24/4/2015	10	100%
3.	Bà Nguyễn Việt Hoà	Thành viên	24/4/2015	10	100%
4.	Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên	24/4/2015	10	100%
5.	Ông Đoàn Văn Quang	Thành viên	24/4/2015	10	100%
6.	Ông Lương Quang Hiến	Thành viên độc lập	24/4/2015	10	100%
7.	Ông Nguyễn Đức Trọng	Thành viên độc lập	24/4/2015	10	100%

Các thành viên Hội đồng quản trị tham dự đầy đủ 100% các phiên họp trực tiếp tại văn phòng Công ty được tổ chức trong năm 2016.

Ngoài ra, tất cả các thành viên Hội đồng quản trị đều tham gia trưng cầu ý kiến trong 36 lần trưng cầu xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị ban hành 42 quyết định và 47 thông báo, tờ trình liên quan đến các lĩnh vực hoạt động như: dịch vụ thương mại, dịch vụ bất động sản, tài chính, nhân sự, ... và các hoạt động của các đơn vị trong hệ thống Công ty.

- Hội đồng quản trị đã thẳng thắn trao đổi, chất vấn các hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong việc thực hiện các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các chỉ đạo, kết luận được ban hành sớm để Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý kịp thời thực hiện, đồng thời việc theo dõi tiến độ và báo cáo kết quả thực hiện cũng được tiến hành thường xuyên hơn.
- Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị với thành phần mở rộng gồm cả Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác. Qua đó, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đã trao đổi, bàn bạc cởi mở, thấu đáo các vấn đề liên quan. Những ý kiến đóng góp, đề xuất của các thành viên mang tính xây dựng, cầu thị với mục tiêu tìm ra những giải pháp quản trị và điều hành kịp thời, phù hợp và hiệu quả nhất.
- Các nội dung họp và quyết định của Hội đồng quản trị được công bố công khai theo quy định pháp luật, góp phần nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị trước cổ đông, tạo điều kiện cho cổ đông giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị cũng đã kết hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát để kiểm tra, giám sát tính tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định khác có liên quan trong

quá trình quản trị, điều hành Savico và các đơn vị trong hệ thống.

- Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được duy trì với mức ngày càng hợp lý và hiệu quả.
- Tiểu ban Lương, Thưởng, Nguồn nhân lực do thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách đã hỗ trợ cho Ban Tổng giám đốc và tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc xây dựng kế hoạch tiền lương, quy chế tiền lương và tiền thưởng cho phù hợp hơn.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị:

Ông Lương Quang Hiến – thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phụ trách Tiểu ban Lương, Thưởng, Nguồn nhân lực. Các nội dung hoạt động của yếu của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và tiểu ban Lương, Thưởng, Nguồn nhân lực từ năm 2016 đến nay gồm:

- Tháng 5/2016: Rà soát danh sách và đề xuất chủ trương sắp xếp lại người đại diện vốn của Savico tại các đơn vị trong hệ thống lần 1/2016 trước khi Hội đồng quản trị quyết định phê duyệt.
- Tháng 6/2016: Xem xét, đánh giá kế hoạch tiền lương năm 2016 do Tổng giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị trước khi Hội đồng quản trị ra quyết định phê duyệt.
- Tháng 7/2016: Xem xét, đề xuất điều chỉnh chính sách chi trả thù lao đối với người đại diện vốn của Savico tại các đơn vị trong hệ thống để Hội đồng quản trị thông qua.
- Tháng 10/2016: Rà soát danh sách và đề xuất chủ trương sắp xếp lại người đại diện vốn của Savico tại các đơn vị trong hệ thống lần 2/2016 trước khi Hội đồng quản trị quyết định phê duyệt.
- Tháng 11/2016: Rà soát, đề xuất sửa đổi lần 1 Quy chế tiền lương tiền thưởng của Savico.
- Tháng 3/2017: Xem xét, đánh giá kế hoạch tiền lương năm 2017 do Tổng giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị trước khi Hội đồng quản trị ra quyết định phê duyệt.

Thông tin về nội dung các quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2016:

SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
Lĩnh vực Dịch vụ - Bất Động Sản		
- 07/QĐ-HDQT-SVC	24/03/2016	Quyết định về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu phức hợp căn hộ và thương mại - dịch vụ và văn phòng tại số 104 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM.
- 27/QĐ-HDQT-SVC	09/08/2016	Quyết định về việc thành lập Công ty cổ phần đầu tư Savico
Lĩnh vựcTài chính		
- 01/QĐ-HDQT-SVC	05/01/2016	Quyết định về việc chấp thuận tái bảo lãnh vay vốn cho Toyota Lý Thường Kiệt.
- 03/QĐ-HDQT-SVC	26/01/2016	Quyết định về việc chấp thuận tái bảo lãnh vay vốn cho Toyota Cần Thơ.
- 04/QĐ-HDQT-SVC	26/01/2016	Quyết định về việc bảo lãnh vay vốn cho Toyota Giải Phóng.
- 05/QĐ-HDQT-SVC	26/01/2016	Quyết định về việc bảo lãnh vay vốn cho Toyota Lý Thường Kiệt.
- 08/QĐ-HDQT-SVC	20/04/2016	Quyết định về việc tăng vốn điều lệ của công ty cổ phần dịch vụ Sài Gòn Ôtô.

SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
- 10/QĐ-HĐQT-SVC	26/04/2016	Quyết định về kế hoạch chi trả cổ tức năm 2015.
- 11/QĐ-HĐQT-SVC	26/04/2016	Quyết định về việc hỗ trợ tài chính cho Công ty cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn.
- 12/QĐ-HĐQT-SVC	27/04/2016	Quyết định về việc chuyển nhượng cổ phần của Savico cho Công ty cổ phần Bắc Âu.
- 13/QĐ-HĐQT-SVC	26/05/2016	Quyết định về việc chấp thuận một số nội dung liên quan đến việc hỗ trợ tài chính cho Đà Nẵng Sơn Trà.
- 14/QĐ-HĐQT-SVC	30/05/2016	Quyết định về việc bảo lãnh thanh toán cho Hino Vinh Thịnh.
- 15/QĐ-HĐQT-SVC	30/05/2016	Quyết định về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn của Savico tại Việt Thái.
- 23/QĐ-HĐQT-SVC	15/07/2016	Quyết định về việc chấp thuận chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016.
- 24/QĐ-HĐQT-SVC	01/08/2016	Quyết định về việc vay vốn tại Ngân hàng ngoại thương chi nhánh TP. HCM.
- 29/QĐ-HĐQT-SVC	01/09/2016	Quyết định về việc thay thế tài sản thế chấp tại Ngân hàng công thương chi nhánh 10.
- 30/QĐ-HĐQT-SVC	01/10/2016	Quyết định về việc hỗ trợ tài chính cho Công ty cổ phần Savico Đà Nẵng.
- 42/QĐ-HĐQT-SVC	23/12/2016	Quyết định về việc vay vốn tại Ngân hàng ngoại thương chi nhánh TP. HCM.
Nhân sự		
- 02/QĐ-HĐQT-SVC	18/01/2016	Quyết định về việc thay đổi người đại diện phần vốn của Savico tại Công ty TNHH TMDV Sài Gòn.
- 09/QĐ-HĐQT-SVC	21/04/2016	Quyết định về việc chấp thuận đề nghị của nhóm đại diện phần vốn của Savico tại Công ty cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao để bổ nhiệm kế toán trưởng.
- 16,17,18,19,20/QĐ-HĐQT-SVC	30/05/2016	Quyết định về việc thay đổi người đại diện vốn của Savico tại các doanh nghiệp thành viên: Savico Hà Nội, Toyota Giải Phóng, Toyota Cần Thơ, Bình Dương Ford, Honda Cần Thơ.
- 26/QĐ-HĐQT-SVC	05/08/2016	Quyết định về việc ủy quyền người đại diện và quản lý phần vốn.
- 31,32,33,34,35,36,3738,39,40/QĐ-HĐQT-SVC	04/10/2016	Quyết định về việc sắp xếp nhân sự đại diện phần vốn của Savico tại Công ty cổ phần OTOS, Trung tâm hội nghị tiệc cưới Melisa, Công ty TNHH Comfort Delgro Savico Taxi, Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố mới Bình Dương, Công ty cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn, Công ty cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh, Công ty cổ phần Ô tô Bắc Âu, Công ty cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long, Công ty cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu, Công ty cổ phần Savico Đà Nẵng.
Khác		
- 06/QĐ-HĐQT-SVC	19/02/2016	Quyết định về việc thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2016.
- 21/QĐ-HĐQT-SVC	06/07/2016	Quyết định về việc chính sách chi trả thù lao cho cán bộ đại diện vốn từ năm 2016.
- 22/QĐ-HĐQT-SVC	06/07/2016	Quyết định về việc thông qua kế hoạch tiền lương năm 2016.
- 25/QĐ-HĐQT-SVC	02/08/2016	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản trị lần 2.
- 28/QĐ-HĐQT-SVC	23/08/2016	Quyết định về việc thông qua việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
- 41/QĐ-HĐQT-SVC	01/11/2016	Quyết định về việc ban hành Quy chế tiền lương tiền thưởng Savico sửa đổi lần 1.

Đào tạo về quản trị công ty:

Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đều có trình độ chuyên môn về quản trị kinh doanh, tài chính hoặc kế toán kiểm toán.

Trong năm 2016, Công ty cử một số thành viên Hội đồng quản trị, thư ký Công ty, cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty tham gia các khóa đào tạo sau:

- Khoá hội thảo về chính sách phát hành cổ phiếu ưu đãi cho nhân viên (ESOP).

- Khoá đào tạo M&A cấp cao, thầu tóm và chống thầu tóm.
- Khóa đào tạo về thẻ điểm quản trị công ty ASEAN – Đào tạo về công bố thông tin trên Báo cáo thường niên và các kênh thông tin đại chúng.

3. Ban Kiểm soát

Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát và số lần tham dự họp trong năm 2016:

STT	THÀNH VIÊN BKS	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU LÀ THÀNH VIÊN BKS	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ
1.	Ông Nguyễn Trường Bảo Khánh (*)	Trưởng ban	24/4/2015	02	100%
2.	Bà Nguyễn Như Ánh	Trưởng ban	01/4/2016	05	100%
3.	Ông Nguyễn Thái Hoà	Thành viên	24/4/2015	07	100%
4.	Ông Trần Huy Dũng (**)	Thành viên	24/4/2015	04	100%

(*) Ông Nguyễn Trường Bảo Khánh từ nhiệm Trưởng Ban kiểm soát từ ngày 01/04/2016.

(**) Ông Trần Huy Dũng từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát từ ngày 01/10/2016.

- Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016, Ban kiểm soát (BKS) hoạt động với 03 nhân sự là Ông Nguyễn Trường Bảo Khánh (Trưởng BKS), Ông Nguyễn Thái Hòa (thành viên BKS) và Ông Trần Huy Dũng (thành viên BKS).
- Từ ngày 01/04/2016, Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) đã thống nhất bầu bổ sung Bà Nguyễn Như Ánh làm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2015 – 2010) thay cho Ông Nguyễn Trường Bảo Khánh. Ngay sau đó, Ban kiểm soát đã họp và phân nhiệm chức danh trong Ban kiểm soát như sau: Bà Nguyễn Như Ánh - Trưởng Ban kiểm soát; Ông Nguyễn Thái Hòa và Ông Trần Huy Dũng là thành viên Ban kiểm soát.
- Ngày 20/07/2016, Ông Trần Huy Dũng làm đơn từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát từ ngày 01/10/2016.
- Đến ngày 17/10/2016, Ban kiểm soát được bổ sung 1 nhân sự là Bà Phan Phương Nga thông qua hợp đồng thuê chuyên gia hỗ trợ công việc cho Ban Kiểm soát. Bà Phương Nga có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ mà Ban kiểm soát đã phân công cho ông Trần Huy Dũng.

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2016:

Trong năm 2016

- Ban Kiểm soát được Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận chức năng tại Văn phòng Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để giúp Ban Kiểm soát thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát. Các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ, Ban kiểm soát tham gia đầy đủ để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát triển khai công tác kiểm tra, giám sát tính tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty, đánh giá về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Savico. Qua đó, Ban Kiểm soát đã có những lưu ý, khuyến nghị đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản trị, điều hành hoạt động tại Công ty. Cụ thể:
 - Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc trong năm 2016 theo các quy định của pháp luật và của Công ty.
 - Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty trong năm.
 - Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

- Xem xét các Báo cáo tài chính quý, năm đã được công ty kiểm toán KPMG soát xét/kiểm toán.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.

Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị & Ban Tổng giám đốc:

Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

- Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã tổ chức 10 phiên họp và ban hành 89 văn bản, bao gồm: 42 quyết định, 40 thông báo, báo cáo và 07 tờ trình Đại hội đồng cổ đông liên quan đến hoạt động thương mại dịch vụ, bất động sản, tài chính, nhân sự và hoạt động khác.
- Theo Ban Kiểm soát, việc tổ chức họp và ban hành các văn bản của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Các quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đều có sự giám sát, kiểm phiếu từ đại diện Ban Kiểm soát.
- Hội đồng quản trị thực hiện giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị đã phối hợp tốt cùng với Ban Tổng giám đốc chỉ đạo, điều hành toàn diện mọi hoạt động của Công ty góp phần quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị thực hiện các công tác khác theo chức năng và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Ban Tổng Giám đốc đã nghiêm túc thực hiện và báo cáo đầy đủ, kịp thời tình hình thực hiện các Quyết định và các ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị tại các cuộc họp.
- Ban Tổng giám đốc cũng đã tổ chức điều hành hoạt động của công ty theo các nội dung quy định trong các quy chế, tổ chức công tác kế toán tài chính tuân thủ các yêu cầu, quy định của chế độ kế toán và các quy định có liên quan.
- Ban Tổng giám đốc có rất nhiều nỗ lực trong việc tổ chức điều hành hoạt động của Công ty, tổ chức theo dõi và tổ chức hệ thống kiểm soát tình hình hoạt động của các doanh nghiệp có vốn góp của công ty.
- Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc được trình bày ở các nội dung dưới đây.

Kết quả thực hiện các nội dung trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2016 (ĐỒNG)	THỰC HIỆN NĂM 2016 (ĐỒNG)	SO SÁNH GIỮA 2016/2015	
				KH 2016 (%)	TH 2015 (%)
1.	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	11.000.000.000.000	13.661.872.246.945	124,2%	138,0%
2	Lợi nhuận trước thuế	200.000.000.000	212.153.970.024	106,1%	103,3%
3	Lợi nhuận sau thuế	160.000.000.000	173.819.802.500	108,6%	106,5%
4	Thu nhập cổ đông Công ty mẹ	100.000.000.000	122.992.852.474	123,0%	118,4%

Các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh đều vượt so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 đề ra. So với năm 2015, các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh đạt được của năm 2016 là tốt hơn, nhất là chỉ tiêu về doanh thu bán hàng - dịch vụ và thu nhập cổ đông Công ty mẹ tăng lần lượt 38% và 18%. Xét trên 03 lĩnh vực hoạt động của Công ty, cho thấy:

- Hoạt động của lĩnh vực Dịch vụ Thương mại đóng góp đến 153,5 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 72,4% tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất; qua đó, tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng khi chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu hiệu quả của

Savico và phù hợp với chiến lược phát triển của Savico đã đề ra cho giai đoạn 2015 – 2020. Trong năm 2016 vừa qua, phần lớn các đơn vị trong hệ thống Savico có kết quả kinh doanh tốt đồng góp chung vào hiệu quả của hệ thống ; tuy nhiên, cũng có một số đơn vị có kết quả kinh doanh giảm sút, không đạt kế hoạch đề ra như Toyota Long Biên, Toyota Giải Phóng và Fuso Tây Bắc Sài Gòn.

- Hoạt động dịch vụ bất động sản duy trì tốt kết quả hoạt động, hoạt động tài chính cũng thực hiện tốt kế hoạch cổ tức góp phần vào kết quả kinh doanh tại văn phòng Công ty.

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:

CHỈ TIÊU	CÔNG TY MẸ		HỢP NHẤT	
	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2015	31/12/2016
Hệ số thanh toán hiện hành	0,75 lần	0,83 lần	1,07 lần	1,08 lần
Tỷ lệ nợ vay/ vốn chủ sở hữu	7,6%	5,4%	74,5%	112,4%
Tỷ lệ nợ phải trả/ tổng tài sản	40,9%	32,9%	61,5%	64,9%
Hệ số thanh toán lãi vay	13,27 lần	27,15 lần	4,88 lần	4,17 lần
ROE	7,6%	9,7%	16,1%	15,6%
ROA	4,2%	6,1%	6,1%	5,7%
Thu nhập/cổ phần	3.569 đ/cp	4.138 đ/cp		

Các chỉ tiêu tài chính tại Công ty mẹ có sự cải thiện. Trong đó, các chỉ tiêu ROE, ROA và Thu nhập/cổ phần của Công ty mẹ tăng trưởng tốt, tuy nhiên trên khía cạnh hợp nhất thì ROE và ROA đang có sự sụt giảm nhẹ.

Kết quả kinh doanh nêu trên cho thấy Savico hoàn toàn có thể thực hiện kế hoạch cổ tức năm 2016 là 12% được nêu trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016.

Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2015:

Trích lập các quỹ: Công ty đã thực hiện việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi; quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Cán bộ đại diện vốn và chia cổ tức cho cổ đông từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2015 đúng với Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016. Cụ thể như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	THỰC HIỆN	THỰC HIỆN SO VỚI NGHỊ QUYẾT
1	Trích quỹ phúc lợi - khen thưởng (10%)	đồng	5.098.942.352	5.098.942.352	100%
2	Trích quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và BKS (5%)	đồng	2.549.471.176	2.549.471.176	100%
3	Trích quỹ thưởng Hội đồng quản trị-BKS-BĐH-CB Đại diện vốn (10% phần vượt LNST hợp nhất)	đồng	6.327.647.556	6.327.647.556	100%
4	Chia cổ tức cho cổ đông (14% mệnh giá)	đồng	34.965.709.800	34.965.709.800	100%

Chi trả cổ tức 2015: Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định chi trả cổ tức 2015 cho các cổ đông theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 (tỷ lệ 14%/mệnh giá). Việc chi trả cổ tức đã được thực hiện ở tháng 06/2016.

Các nội dung thực hiện theo sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016:

- Hội đồng quản trị đã ban hành các Quyết định như: thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Savico; chuyển nhượng cổ phần của Savico tại Công ty Cổ phần Ô Tô Bắc Âu; chuyển nhượng toàn bộ phần vốn của Savico tại Công ty Cổ phần Việt Thái; góp tăng vốn điều lệ Công ty CP Sài Gòn Ô tô; và đã ban hành Thông báo góp vốn bổ sung cho dự án cao ốc văn phòng HMTC - SAVICO tại số 91 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM. Đối với việc bổ sung ngành nghề kinh doanh trường mầm non, mặc dù Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện, tuy nhiên do quy định của Sở KHĐT TP. HCM, Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Việc thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát đã tham gia với vai trò giám sát việc kiểm phiếu. Công ty đã thực hiện công bố thông tin đúng quy định.
- Hội đồng quản trị đã có Quyết định ban hành Quy chế quản trị lần 2.
- Theo Ban Kiểm soát, các quyết định và thông báo của Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng quy định Điều lệ Công ty và theo đúng nội dung được ủy quyền từ Đại hội đồng cổ đông.

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty theo các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua

Ở thời điểm báo cáo, Điều lệ Công ty đã được sửa đổi, bổ sung và đăng tải trên trang web của Savico. Sau nhiều lần rà soát, các nội dung của Điều lệ Công ty đã được bổ sung, sửa đổi đúng với các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

	2016 VND	2015 VND	2014 VND	2013 VND
Hội đồng Quản trị	2.061.138.000	1.620.000.000	2.744.680.000	2.626.500.000
Ban Tổng Giám đốc	542.862.000	1.962.000.000	1.305.400.000	790.000.000
Ban Kiểm soát	502.500.000	356.020.000	112.500.000	112.500.000
Tổng cộng	3.106.500.000	3.938.020.000	4.162.580.000	3.529.000.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có.

Thẩm tra BCTC riêng và BCTC hợp nhất

Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm tra BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2016. Theo ý kiến của BKS, BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính tại ngày 31.12.2016.

Kết quả thực hiện công bố thông tin của Công ty

Hoạt động công bố thông tin của công ty được thực hiện đầy đủ, theo đúng quy định của cơ quan quản lý đối với công ty niêm yết quy mô lớn.

Kiến nghị của Ban Kiểm soát:

- Việc phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động toàn hệ thống là phù hợp với xu thế phát triển hiện nay. Tuy nhiên, Công ty cần chú ý đến vấn đề về nhân sự, cũng như công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân sự nhằm chuẩn bị nguồn nhân lực có chất lượng tốt nhất đối với hoạt động các đơn vị thành lập mới.
- Hoạt động kinh doanh bất động sản cần tiếp tục duy trì khối thu ổn định; đồng thời đẩy nhanh tiến độ các dự án đã có kế hoạch phát triển.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Cán bộ các Phòng/Ban chức năng Công ty.

Ban Kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Cán bộ các Phòng/Ban chức năng Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động Công ty, thu thập thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

BÊN LIÊN QUAN	QUAN HỆ	TÍNH CHẤT GIAO DỊCH	2016 VND	2015 VND
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Công ty con	Cổ tức	1.788.640.000	412.502.500
		Cho công ty con vay	3.000.000.000	-
		Doanh thu tài chính khác	16.333.333	-
		Thu nhập khác	-	21.824.452
		Tiền thuê tính cho công ty con	-	214.750.000
		Hoa hồng nhận từ công ty con	-	161.692.500
		Mua hàng hóa từ công ty con	-	1.342.918.182
		Góp vốn	-	762.465.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	Công ty con	Tiền thuê tính cho công ty con	4.936.958.254	4.518.034.235
		Thu nhập khác	813.904.721	-
		Cổ tức	4.996.800.000	-
		Chi phí tài chính khác	-	100.911.453
		Góp vốn	11.451.000.000	-
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Công ty con	Tiền thuê tính cho công ty con	52.053.333.304	1.220.000.004
		Cổ tức	-	5.195.097.456
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Công ty con	Doanh thu tài chính khác	4.553.125.000	6.939.447.222
Công ty Toyota Giải Phóng Liên Doanh (TGP)	Công ty con	Cổ tức	12.549.478.721	5.901.163.558
Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	Công ty con	Cổ tức	2.609.755.143	-
		Cho công ty con vay	5.000.000.000	-
		Thu nhập tài chính khác	63.333.333	-
		Bán một bất động sản đầu tư cho công ty con	-	20.000.000.000
		Tiền thuê tính cho công ty con	-	276.637.500
Công ty Cổ phần Đà Nẵng Sơn Trà	Công ty con	Cho công ty con vay	1.225.064.000	730.000.000
		Doanh thu tài chính khác	12.916.944	25.355.555
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	Công ty con	Cổ tức	1.012.500.000	-
		Cho công ty con vay	1.200.000.000	-
		Doanh thu tài chính khác	51.733.334	-
Công ty Cổ phần OtoS	Công ty con	Góp vốn	2.658.800.000	3.005.600.000
Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	Công ty con	Góp vốn	700.000.000	15.300.000.000
		Cho công ty con vay	10.000.000.000	-
		Doanh thu tài chính khác	201.250.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Vinh Thịnh	Công ty con	Góp vốn	-	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	Công ty con	Góp vốn	10.500.000.000	36.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	Công ty con	Góp vốn	119.400.000.000	-

BÊN LIÊN QUAN	QUAN HỆ	TÍNH CHẤT GIAO DỊCH	2016 VND	2015 VND
Công ty Cổ phần Toyota Đồng Sài Gòn (TESC)	Công ty liên kết	Mua tài sản cố định	-	2.130.880.878
		Cổ tức	3.085.627.500	-
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	Công ty liên kết	Góp vốn	-	10.000.000.000
		Cho công ty liên kết vay	3.000.000.000	-
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Công ty liên kết	Góp vốn	-	30.600.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	Công ty liên kết	Góp vốn	30.200.000.000	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Bến Thành	Cổ đông	Chuyển nhượng đầu tư	12.000.000.000	-

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tuân thủ nghiêm và đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty đối với Công ty niêm yết quy mô lớn. Trong năm 2016, Công ty thực hiện đầy đủ, kịp thời các nội dung công bố thông tin định kỳ, bất thường theo đúng quy định và không bị bất cứ nhắc nhở vi phạm nào từ phía các cơ quan quản lý.

Hội đồng quản trị Công ty, Ban Tổng giám đốc Công ty luôn đề cao yêu cầu về tính minh bạch trong hoạt động quản trị công ty thông qua việc học tập, tham khảo và nghiên cứu áp dụng các thông lệ quốc tế tốt về quản trị công ty trong hoạt động quản trị, điều hành, công bố thông tin.

Trong các cuộc họp thường kỳ hàng quý của Hội đồng quản trị, các thành viên hội đồng thường xuyên rà soát và nhận được sự phối hợp của Ban kiểm soát trong việc rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của Công ty và các hệ thống quy chế, quy trình kiểm soát rủi ro.

Toàn bộ các thành viên Hội đồng quản trị - trong đó có Tổng giám đốc và đại diện của Ban Kiểm soát, đại diện của Công ty Kiểm toán KPMG (đơn vị đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính giữa kỳ và hàng năm cho Savico) đều tham gia vào cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty.

Trước các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Công ty luôn thực hiện việc công bố thông tin, gửi thư mời trước cho cổ đông và đăng tải thông tin về tài liệu họp trên website của Công ty theo đúng quy định về công bố thông tin để đồng đảo cổ đông, nhà đầu tư có thể xem trước.

Thư mời họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cũng được đính kèm tên, địa chỉ, email và số điện thoại liên lạc của thành viên Ban quan hệ cổ đông để cổ đông có thể liên lạc trực tiếp để được hỗ trợ, hướng dẫn hoặc đề xuất, góp ý về nội dung, chương trình đại hội.

Nội dung họp Đại hội đồng cổ đông hàng năm đều có phần thảo luận để cổ đông có thể đặt câu hỏi, nêu ý kiến của mình. Tất cả các câu hỏi trước và trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi thẩm quyền của cổ đông đều được Ban quan hệ cổ đông, thư ký đại hội ghi nhận và được Chủ tọa đoàn trực tiếp hoặc yêu cầu các thành viên có liên quan trả lời, giải đáp tại cuộc họp; những nội dung chưa đủ thời gian trả lời sẽ được trả lời cho cổ đông bằng văn bản.

Thông tin liên hệ của Công ty, của người được ủy quyền công bố thông tin và Ban quan hệ cổ đông của Công ty cũng được công khai trên website của Công ty để cổ đông có thể liên hệ dễ dàng.

HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC



Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp
Sài Gòn

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thông tin về Công ty

Quyết định số	3448/QĐ-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004
	3449/QĐ-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004
	Các quyết định này do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Giấy phép Kinh doanh	4103002955	ngày 15 tháng 12 năm 2004
	Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là bởi giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 26 tháng 1 năm 2015. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Bình Minh Ông Mai Việt Hà Bà Nguyễn Việt Hòa Ông Đoàn Văn Quang Ông Nguyễn Công Bình Ông Nguyễn Đức Trọng Ông Lương Quang Hiền	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Mai Việt Hà Ông Đoàn Văn Quang Bà Nguyễn Thu Nga Ông Nguyễn Công Bình	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Như Ánh	Trưởng ban (từ ngày 1 tháng 4 năm 2016)
	Ông Nguyễn Trường Bảo Khánh	Trưởng ban (đến ngày 31 tháng 3 năm 2016)
	Ông Nguyễn Thái Hòa	Thành viên
	Ông Trần Huy Dũng	Thành viên (đến ngày 1 tháng 10 năm 2016)
Trụ sở đăng ký	68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

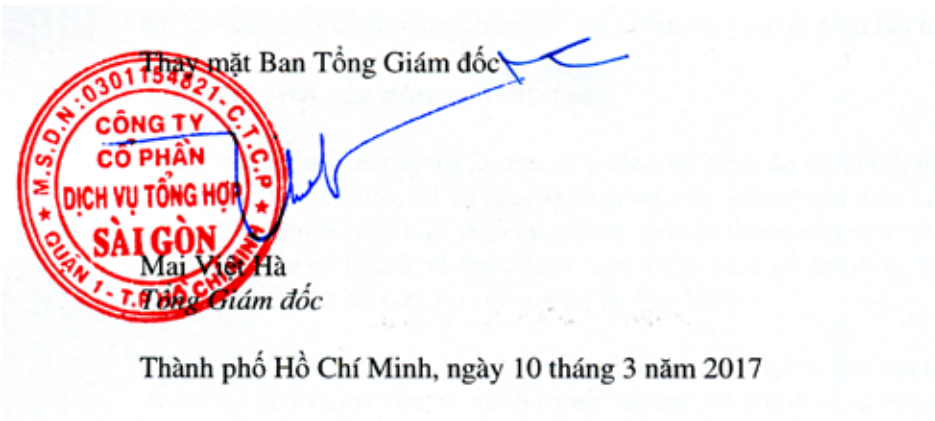
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 58.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

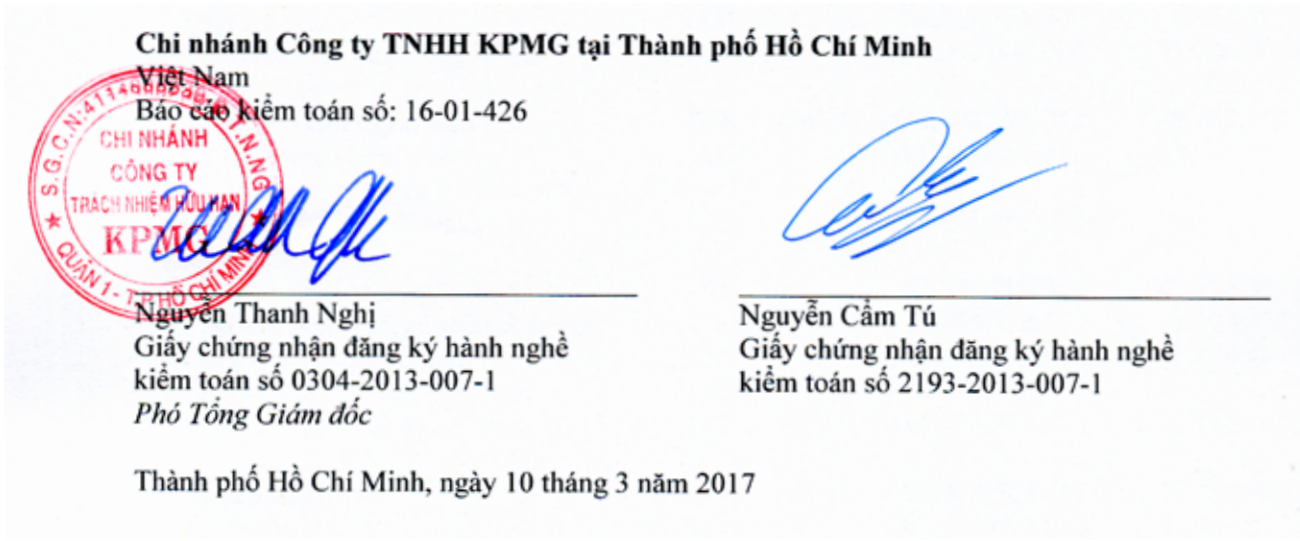
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn				
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		232.106.401.111	219.927.843.281
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	82.842.795.400	59.633.992.414
Tiền	111		12.842.795.400	4.633.992.414
Các khoản tương đương tiền	112		70.000.000.000	55.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6(a)	36.692.393.312	39.752.240.593
Chứng khoán kinh doanh	121		51.867.861.312	55.598.086.912
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(15.175.468.000)	(15.845.846.319)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.626.782.380	42.839.359.050
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	14.479.113.508	1.293.473.970
Trả trước cho người bán	132		442.795.900	1.429.441.506
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	8.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	14.704.872.972	40.116.443.574
Hàng tồn kho	140	10	71.473.523.211	77.468.908.522
Hàng tồn kho	141		93.449.097.872	99.444.483.183
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(21.975.574.661)	(21.975.574.661)
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.470.906.808	233.342.702
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.470.906.808	233.342.702

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN				
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)				
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		791.791.695.082	914.662.797.104
Các khoản phải thu dài hạn	210		118.872.852.815	189.244.305.575
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	72.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	118.872.852.815	119.074.812.815
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9(b)	-	(1.830.507.240)
Tài sản cố định	220		3.319.887.455	54.097.975.075
Tài sản cố định hữu hình	221	11	3.104.906.478	4.756.213.171
Nguyên giá	222		10.473.747.521	13.500.067.407
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.368.841.043)	(8.743.854.236)
Tài sản cố định vô hình	227	12	214.980.977	49.341.761.904
Nguyên giá	228		785.870.000	54.721.011.809
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(570.889.023)	(5.379.249.905)
Bất động sản đầu tư	230	13	55.162.471.725	170.916.009.617
Nguyên giá	231		90.766.309.368	218.141.983.365
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(35.603.837.643)	(47.225.973.748)
Tài sản dở dang dài hạn	240		37.548.224.793	77.531.507.069
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	37.548.224.793	77.531.507.069
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	574.036.182.542	420.969.009.769
Đầu tư vào công ty con	251		472.732.771.814	328.022.971.814
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		117.548.709.000	97.958.709.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	1.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(16.245.298.272)	(6.012.671.045)
Tài sản dài hạn khác	260		2.852.075.752	1.903.989.999
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	35(a)	2.852.075.752	1.903.989.999
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.023.898.096.193	1.134.590.640.385

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN				
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)				
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		336.672.669.346	463.521.721.326
Nợ ngắn hạn	310		280.055.430.012	293.338.606.240
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	2.286.479.017	2.711.069.757
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	16.150.978.603	6.547.215.183
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	23.060.548.459	12.435.385.001
Phải trả người lao động	314		11.897.044.002	18.248.557.067
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	10.320.632.946	11.346.547.839
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	1.243.818.186
Phải trả ngắn hạn khác	319	19(a)	163.593.123.722	185.973.949.211
Vay ngắn hạn	320	20	36.907.195.770	44.614.321.142
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	15.839.427.493	10.217.742.854
Nợ dài hạn	330		56.617.239.334	170.183.115.086
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	50.833.333.300
Phải trả dài hạn khác	337	19(b)	56.617.239.334	113.226.399.896
Vay dài hạn	338		-	6.123.381.890
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		687.225.426.847	671.068.919.059
Vốn chủ sở hữu	410	22	687.225.426.847	671.068.919.059
Vốn cổ phần	411	23	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
Cổ phiếu quỹ	415	23	(690.474.358)	(690.474.358)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	25	24.938.303.806	24.938.303.806
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		95.957.009.096	79.800.501.308
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.023.898.096.193	1.134.590.640.385

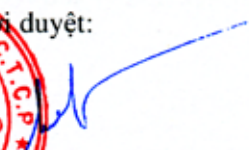
Ngày 10 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	238.314.692.275	248.150.585.519
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	-	(322.700.000)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 + 02)	10	27	238.314.692.275	247.827.885.519
Giá vốn hàng bán	11	28	(148.585.665.489)	(283.459.238.678)
Lợi nhuận/(lỗ) gộp (20 = 10 + 11)	20		89.729.026.786	(35.631.353.159)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	36.835.924.388	137.137.991.312
Chi phí tài chính	22	30	(13.711.838.587)	(2.183.102.042)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(2.872.351.126)	(5.035.345.267)
Chi phí bán hàng	25		(2.498.505.011)	(1.611.560.737)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	(34.170.433.551)	(34.603.210.084)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 25 + 26)	30		76.184.174.025	63.108.765.290
Thu nhập khác	31	32	364.329.817	1.261.651.527
Chi phí khác	32	33	(1.447.752.940)	(2.605.817.506)
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		(1.083.423.123)	(1.344.165.979)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		75.100.750.902	61.764.599.311
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35(b)	(10.450.557.983)	(10.095.554.219)
Lợi ích/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	52	35(b)	948.085.753	(679.621.569)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)	60		65.598.278.672	50.989.423.523

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		75.100.750.902	61.764.599.311
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		7.000.463.333	7.363.371.972
Các khoản dự phòng	03		8.750.715.564	18.747.469.777
Lỗ/(lãi) từ thanh lý đầu tư vào công ty con và công ty liên kết	05		132.626.104	(106.131.884.900)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		-	(416.183.787)
Lỗ do xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	05		813.904.721	-
Lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư	05		1.012.959.933	-
Thu nhập cổ tức và lãi tiền gửi	05		(35.583.623.744)	(20.228.433.201)
Chi phí lãi vay	06		2.872.351.126	5.035.345.267
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		60.100.147.939	(33.865.715.561)
Biến động các khoản phải thu	09		(76.847.556.568)	11.755.354.450
Biến động hàng tồn kho	10		62.970.156.650	221.147.580.546
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		17.561.404.381	14.492.823.599
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		3.138.625.600	8.052.835.543
			66.922.778.002	221.582.878.577
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.681.108.756)	(6.385.829.344)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.859.877.327)	(2.510.178.944)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.854.376.445)	(7.480.559.776)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		45.527.415.474	205.206.310.513

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(30.226.830.536)	(39.738.487.135)
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư	22		-	33.812.900.000
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	22		-	610.123.183
Tiền chi cho các khoản vay	23		(23.425.064.000)	-
Tiền thu từ các khoản vay	24		87.700.000.000	-
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25		(56.792.296.677)	(114.668.065.000)
Tiền thu hồi từ đầu tư vào một công ty con	26		12.000.000.000	-
Tiền thu cổ tức và lãi tiền gửi	27		38.330.562.356	20.418.433.201
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		27.586.371.143	(99.565.095.751)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33		39.644.966.900	38.926.159.782
Tiền trả nợ gốc vay	34		(54.161.569.441)	(101.657.772.110)
Tiền trả cổ tức	36		(35.388.381.090)	(29.546.322.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(49.904.983.631)	(92.277.934.578)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		23.208.802.986	13.363.280.184
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		59.633.992.414	46.270.712.230
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	82.842.795.400	59.633.992.414

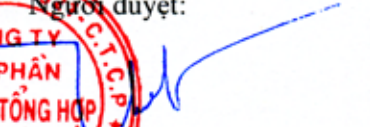
Ngày 10 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp
Sài Gòn và các công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thông tin về Công ty

Quyết định số	3448/QĐ-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004
	3449/QĐ-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004
	Các quyết định này do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Giấy phép Kinh doanh	4103002955	ngày 15 tháng 12 năm 2004
	Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 26 tháng 1 năm 2015. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Bình Minh Ông Mai Việt Hà Bà Nguyễn Việt Hòa Ông Đoàn Văn Quang Ông Nguyễn Công Bình Ông Nguyễn Đức Trọng Ông Lương Quang Hiến	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Mai Việt Hà Ông Đoàn Văn Quang Bà Nguyễn Thu Nga Ông Nguyễn Công Bình	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Như Ánh	Trưởng Ban (từ ngày 1 tháng 4 năm 2016)
	Ông Nguyễn Trường Bảo Khánh	Trưởng Ban (đến ngày 31 tháng 3 năm 2016)
	Ông Nguyễn Thái Hòa Ông Trần Huy Dũng	Thành viên Thành viên (đến ngày 1 tháng 10 năm 2016)
Trụ sở đăng ký	68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

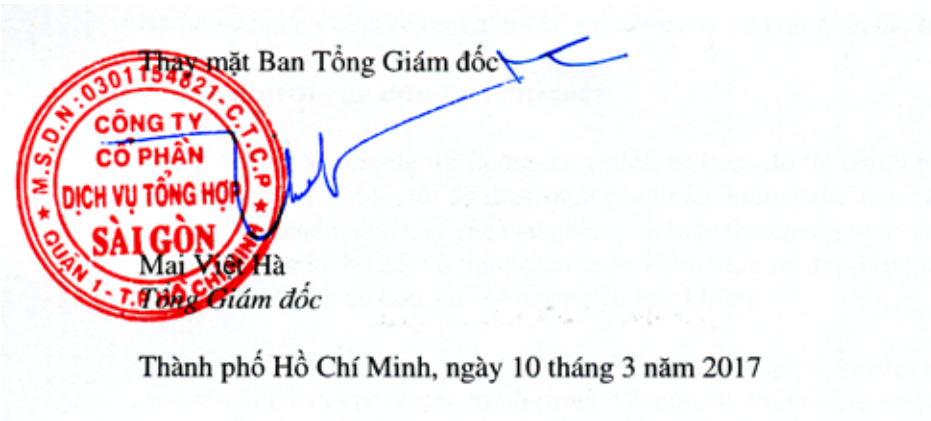
(a)

báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 62 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b)

tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) và các công ty con (“được gọi chung là Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 62.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

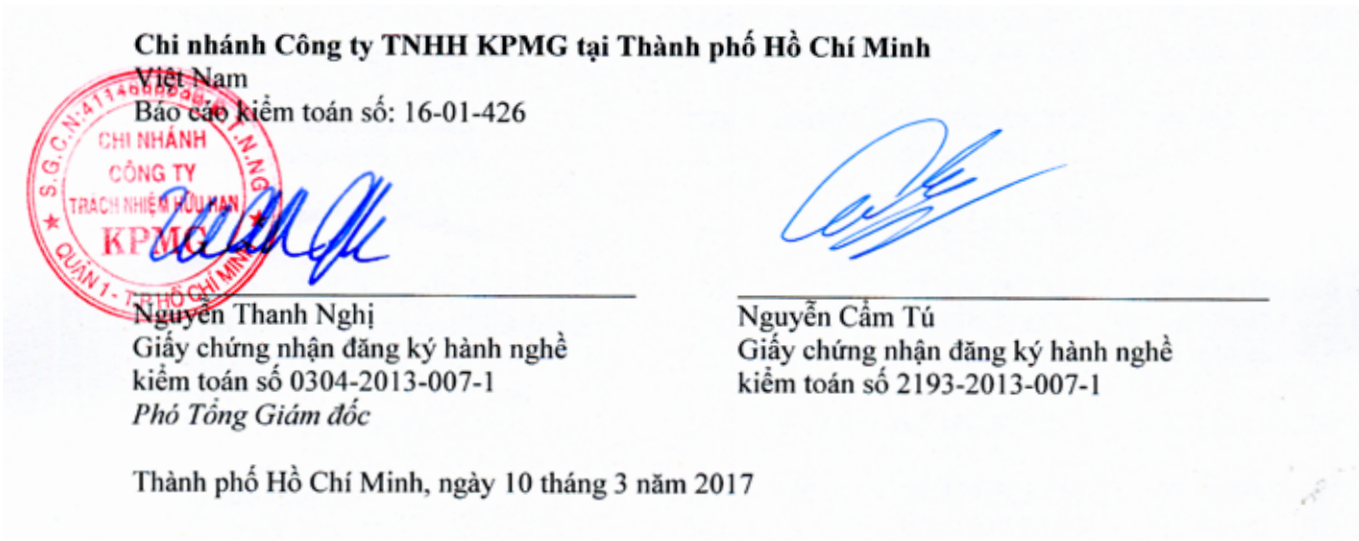
Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 16-01-426/HN



Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN/HN				
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)				
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.736.418.709.247	1.277.683.802.876
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	231.191.439.679	211.789.394.100
Tiền	111		154.176.575.255	135.693.237.362
Các khoản tương đương tiền	112		77.014.864.424	76.096.156.738
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		48.444.445.855	39.754.293.136
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	51.869.913.855	55.600.139.455
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6(a)	(15.175.468.000)	(15.845.846.319)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(b)	11.750.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		545.397.552.956	391.869.489.960
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	398.763.820.419	273.016.789.004
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		73.008.332.043	34.395.145.470
Khoản vay phải thu	135	8	3.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	71.418.964.131	84.473.591.250
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(793.563.637)	(16.035.764)
Hàng tồn kho	140	10	845.503.520.873	592.017.667.159
Hàng tồn kho	141		870.589.928.463	616.585.098.578
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(25.086.407.590)	(24.567.431.419)
Tài sản ngắn hạn khác	150		65.881.749.884	42.252.958.521
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	18.470.655.349	7.661.316.420
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		46.497.201.276	34.395.624.809
Thuế phải thu Nhà nước	153		913.893.259	196.017.292

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN				
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)				
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		1.601.399.267.878	1.479.978.165.646
Các khoản phải thu dài hạn	210		137.654.838.220	128.241.637.820
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	141.804.838.220	135.072.145.060
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9(b)	(4.150.000.000)	(6.830.507.240)
Tài sản cố định	220		248.463.382.989	268.210.319.574
Tài sản cố định hữu hình	221	11	220.610.926.831	197.561.190.843
Nguyên giá	222		350.850.311.584	302.939.415.215
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(130.239.384.753)	(105.378.224.372)
Tài sản cố định vô hình	227	12	27.852.456.158	70.649.128.731
Nguyên giá	228		34.342.442.441	81.596.155.250
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.489.986.283)	(10.947.026.519)
Bất động sản đầu tư	230	13	656.960.899.324	737.700.368.141
Nguyên giá	231		805.606.585.211	869.383.089.931
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(148.645.685.887)	(131.682.721.790)
Tài sản dở dang dài hạn	240		334.830.529.720	171.438.939.997
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	334.830.529.720	171.438.939.997
Đầu tư tài chính dài hạn	250		204.259.591.217	158.140.355.873
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(c)	191.844.327.217	152.825.091.873
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(c)	12.415.264.000	5.315.264.000
Tài sản dài hạn khác	260		19.230.026.408	16.246.544.241
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	16.054.171.416	13.655.519.772
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	37(a)	3.175.854.992	2.591.024.469
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.337.817.977.125	2.757.661.968.522

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.165.332.684.786	1.696.529.323.438
Nợ ngắn hạn	310		1.604.378.313.823	1.198.826.079.547
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	183.206.146.897	170.719.356.565
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		124.334.860.408	136.207.745.909
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	40.930.607.637	36.544.421.691
Phải trả người lao động	314		65.124.231.200	67.574.953.756
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	44.026.701.271	38.730.282.536
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19(a)	6.807.126.251	19.005.530.415
Phải trả ngắn hạn khác	319	20(a)	159.644.926.422	172.521.100.305
Vay ngắn hạn	320	21(a)	957.951.034.891	541.683.661.130
Dự phòng ngắn hạn	321		184.554.545	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	22.168.124.301	15.839.027.240
Nợ dài hạn	330		560.954.370.963	497.703.243.891
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19(b)	90.316.000.000	96.786.400.000
Phải trả dài hạn khác	337	20(b)	111.020.646.268	152.512.486.762
Vay dài hạn	338	21(b)	359.617.724.695	248.404.357.129
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.172.485.292.339	1.061.132.645.084
Vốn chủ sở hữu	410	23	1.172.485.292.339	1.061.132.645.084
Vốn cổ phần	411	24	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
Vốn khác	414		2.550.000.000	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415	24	(690.474.358)	(690.474.358)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	26	46.657.038.976	43.550.163.077
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		261.454.985.027	198.727.250.046
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		295.493.154.391	252.525.118.016
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.337.817.977.125	2.757.661.968.522

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	13.661.872.246.945	9.898.430.954.668
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	(12.749.646.528)	(8.488.551.696)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 + 02)	10	28	13.649.122.600.417	9.889.942.402.972
Giá vốn hàng bán	11	29	(12.936.368.205.494)	(9.398.256.118.814)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20		712.754.394.923	491.686.284.158
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	15.593.139.225	131.313.611.859
Chi phí tài chính	22	31	(70.892.623.612)	(54.132.416.925)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(66.862.508.991)	(52.929.724.175)
Phần lãi trong công ty liên kết	24	6(c)	19.693.440.554	13.971.199.185
Chi phí bán hàng	25	32	(326.615.666.168)	(233.222.725.452)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	(210.203.789.026)	(181.799.948.240)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25 + 26)	30		140.328.895.896	167.816.004.585
Thu nhập khác	31	34	75.031.951.241	44.053.625.861
Chi phí khác	32	35	(3.206.877.113)	(6.482.931.382)
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		71.825.074.128	37.570.694.479
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		212.153.970.024	205.386.699.064
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37(b)	(38.918.998.047)	(40.962.972.756)
Lợi ích/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	52	37(b)	584.830.523	(1.147.250.746)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)	60		173.819.802.500	163.276.475.562

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN				
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)				
	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)	60		173.819.802.500	163.276.475.562
Phân bổ cho:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		122.992.852.474	103.861.038.432
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		50.826.950.026	59.415.437.130
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	4.138	3.569

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Ngô Văn Danh
Kẻ toán trưởng

Người duyệt:

Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN				
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)				
	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		212.153.970.024	205.386.699.064
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		55.968.378.088	50.344.224.149
Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ từ thanh lý tài sản cố định	03		(1.462.781.515)	24.327.190.105
Lãi từ thanh lý đầu tư vào một công ty con	05		(2.048.087.583)	3.386.630.109
Lãi từ thanh lý đầu tư dài hạn khác	05		-	(4.266.034.971)
Lỗ do thanh lý đầu tư vào công ty liên kết	05		-	(110.235.368.205)
Tài sản cố định hữu hình xóa sổ	05		70.072.710	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang xóa sổ	05		314.463.860	-
Thu nhập cổ tức và lãi tiền gửi	05		813.904.721	-
Thu nhập từ các công ty liên kết	05		(6.222.080.795)	(10.067.082.253)
Chi phí lãi vay	06		(19.693.440.554)	(13.971.199.185)
			66.862.508.991	52.929.724.175
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		306.756.907.947	197.834.782.988
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(245.127.697.823)	(160.476.732.231)
Biến động hàng tồn kho	10		(197.030.058.546)	11.886.374.627
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		15.738.288.877	213.076.128.815
Biến động chi phí trả trước	12		(13.207.990.573)	(218.209.528)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		3.138.625.600	7.990.069.578
			(129.731.924.518)	270.092.414.249
Tiền lãi vay đã trả	14		(66.624.597.933)	(53.658.708.530)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(38.657.546.841)	(32.099.925.042)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(13.313.434.733)	(9.831.646.219)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(248.327.504.025)	174.502.134.458

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN (Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)				
	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(190.408.073.937)	(124.820.974.062)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	22		15.660.656.820	10.663.750.136
Tiền chi thuần từ thanh lý đầu tư vào một công ty con	22		-	(280.685.507)
Tiền thu từ thanh lý đầu tư dài hạn khác	22		-	28.422.900.000
Tiền cấp cho các khoản vay	23		(3.000.000.000)	-
Tiền thu từ các khoản đầu tư chờ đáo hạn	23		(11.750.000.000)	-
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25		(30.850.000.000)	(46.100.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		10.576.213.295	11.879.232.253
Tiền thu hồi tài sản dài hạn khác			(6.732.693.160)	(2.604.313.701)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(216.503.896.982)	(122.840.090.881)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		7.315.788.290.677	4.135.769.213.612
Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.788.307.549.350)	(4.105.552.773.699)
Tiền thu từ vốn phát hành bởi các công ty con cho lợi ích cổ đông không kiểm soát			22.392.800.000	4.644.400.000
Tiền trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	36		(35.388.381.090)	(29.546.322.250)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát của các công ty con	36		(30.251.713.651)	(25.042.746.313)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		484.233.446.586	(19.728.228.650)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN (Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)				
	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		19.402.045.579	31.933.814.927
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		211.789.394.100	179.855.579.173
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	231.191.439.679	211.789.394.100

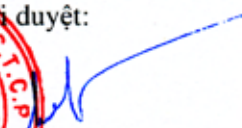
Ngày 10 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là:

- Dịch vụ và thương mại: kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng; kinh doanh trang sức, vật liệu xây dựng; cung cấp dịch vụ bar và khách sạn;
- Bất động sản: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; cho thuê nhà kho, văn phòng, trung tâm thương mại; đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, căn hộ, các khu biệt thự và khu nghỉ dưỡng cao cấp;
- Dịch vụ tài chính: đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và vào cổ phiếu của các đơn vị khác hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, bất động sản và cơ sở hạ tầng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 2.309 nhân viên (ngày 1 tháng 1 năm 2016: 1.847 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 14 công ty con và 8 công ty liên kết (ngày 1 tháng 1 năm 2016: 13 công ty con và 7 công ty liên kết) như sau:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty con			Phản trăm lợi ích kinh tế tại ngày	
Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	31/12/2016
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	61A Cao Thắng, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	52,05%
2	Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	807 Giải Phóng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	51%
3	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	164 – 166C, Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	88,12%
4	Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI, HONDA và YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	510 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	59,62%
5	Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp; đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe ô tô; cho thuê máy; dịch vụ vận chuyển và đậu xe.	7-9 Nguyễn Văn Linh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	70%
6	Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	K2-0, Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thanh Thuận, , Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	51%
				51%
				59,62%
				70%
				51%

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 31/12/2016	1/1/2016
7	Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng và nhà xưởng; tư vấn, môi giới bất động sản; kinh doanh xe ô tô, xe có động cơ khác và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ vận chuyển.	66 Võ Văn Tần, Phường Chính Gián, Huyện Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	70%	70%
8	Công ty Cổ phần OtoS (otos.vn)	Cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; dịch vụ quảng cáo; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp phần mềm và các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin.	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	77,07%	77,07%
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	Kinh doanh bất động sản; cung cấp dịch vụ khách sạn và du lịch; điều hành dịch vụ nhà hàng, cung cấp thực phẩm và thức uống; cung cấp dịch vụ vận tải và xây dựng dân sự.	Bãi Trẹm, Hoàng Sa, Phường Thỏ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	98%	98%
10	Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	Kinh doanh ô tô mang nhãn hiệu GM và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và vận tải.	274, Đường 30/4, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	84,17%	84,17%
11	Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	Kinh doanh xe ô tô tải nhãn hiệu FUSO và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	80%	80%
12	Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	Kinh doanh xe ô tô tải nhãn hiệu HINO và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	5/5 Khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	90%	90%

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 31/12/2016	1/1/2016
13	Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu (*)	Kinh doanh xe ô tô nhãn hiệu HONDA và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	Lô E1-1, Đường Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thanh Lợi, Phường Phú Thới, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	93%	93%
14	Công ty Cổ phần Đầu tư Savico (*)	Kinh doanh bất động sản; dịch vụ tư vấn đầu tư, môi giới, đấu giá; cung cấp dịch vụ nghiên cứu thị trường, khảo sát ý kiến công chúng; tư vấn kiến trúc và các công nghệ liên quan; cung cấp dịch vụ thiết kế chuyên biệt và xây dựng; mua bán ô tô và phụ tùng; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ giáo dục mầm non.	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,50%	-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty liên kết

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 31/12/2016	1/1/2016
1	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico (**)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu SYM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	17-19 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	-	37,33%
2	Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	Cung cấp dịch vụ vận chuyển và dịch vụ bảo trì.	384A Kha Vạn Cân, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,03%	40,03%
3	Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	507 Xa lộ Hà Nội, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	35,16%	35,16%
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	C13, đường Hùng Vương, Khu Liên Hợp, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	27,50%	27,50%
5	Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam (*)	Kinh doanh xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	91 Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	43,80%	40%
6	Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	188 Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	20%	20%

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 31/12/2016	1/1/2016
7	Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu (*)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu VOLVO và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	340A Nguyễn Văn Linh, Phường Bình Thuân, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	32%	-
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn (*)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu GM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì	1489 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	30%	-

(*) Trong năm, Công ty đã góp thêm lần lượt 3,80% cổ phiếu vào công ty liên kết – Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam và mua lại lần lượt 99,50%, 32% và 30% cổ phiếu để thành lập một công ty con – Công ty Cổ phần Đầu tư Savico và hai công ty liên kết – Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn.

(**) Trong năm, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico (Thuyết minh 6(c)(**)) đã giải thể.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ kế toán được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cầu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Các công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi các khoản lỗ đó nằm trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả thay cho các công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho bao gồm dự án khu dân cư, ô tô, xe máy và phụ tùng thay thế.

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với bất động sản, xe ô tô, xe máy và binh quân gia quyền đối với phụ tùng thay thế và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm quyền sử dụng đất và chi phí phát triển đất.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ tại thời điểm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 42 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 6 năm
▪ khác	3 – 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

(i) **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|---------------------|-------------|
| ▪ quyền sử dụng đất | 18 – 50 năm |
| ▪ nhà cửa | 5 – 36 năm |

(j) **Xây dựng cơ bản dở dang**

Các dự án đang được xây dựng và phát triển cho mục đích sử dụng hỗn hợp trong tương lai như tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản để bán (hàng tồn kho) được phân loại là xây dựng cơ bản dở dang và được thể hiện theo nguyên giá, cho đến khi việc xây dựng hoặc phát triển được hoàn thành hoặc nguyên giá được xác định một cách đáng tin cậy cho các tài sản này, tại thời điểm đó chúng được phân loại và sau đó được ghi nhận là tài sản cố định, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho, như được trình bày trong các chính sách kế toán ở các thuyết minh tương ứng.

Tất cả các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua và phát triển một dự án, chi phí phát sinh từ quyền sử dụng đất đi thuê, và tất cả chi phí vốn sau đó cho việc phát triển đủ điều kiện là chi phí mua được vốn hóa.

Chi phí vay được vốn hóa nếu liên quan trực tiếp đến việc mua, xây dựng hay sản xuất một tài sản đủ điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí vay bắt đầu khi các hoạt động cần thiết trong việc chuẩn bị tài sản đang được tiến hành và các chi phí cho việc đầu tư xây dựng và chi phí vay bắt đầu phát sinh. Việc vốn hoá chi phí vay sẽ chấm dứt khi tài sản hầu như đã trong trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tỷ lệ vốn hóa được tính bằng cách tham chiếu đến lãi suất thực tế phải trả trên các khoản vay cho mục đích phát triển, hoặc phần của chi phí phát triển được tài trợ bởi khoản vay chung, được phân bổ dựa trên lãi suất trung bình.

(k) **Chi phí trả trước dài hạn**

(i) ***Chi phí đất trả trước***

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 8 năm.

(ii) ***Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) ***Khác***

Chi phí trả trước khác chủ yếu bao gồm chi phí sửa chữa và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 3 năm.

(l) **Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) **Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự tính phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(n) **Vốn cổ phần**

(i) ***Cổ phiếu phổ thông***

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó để phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(o) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

Theo Thông tư 200, quỹ dự phòng tài chính không còn được sử dụng. Số dư còn lại của quỹ này được chuyển vào quỹ đầu tư và phát triển. Việc sử dụng các quỹ dự phòng nêu trên phải được sự phê duyệt của các cổ đông.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng nền đất và bán nhà theo mẫu thiết kế sẵn không theo yêu cầu riêng của từng khách hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm muộn hơn giữa thời điểm bán hoặc thời điểm hoàn thành bất động sản.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(iii) Cung cấp dịch vụ

Dịch vụ được cung cấp chủ yếu bao gồm sửa chữa và bảo trì xe ô tô và xe máy.

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(r) Doanh thu tài chính

(i) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận kinh doanh. Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất.

(w) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Cho năm kết thúc:

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bộ phận	13.363.152.493.173	9.522.163.333.850	285.970.107.244	367.779.069.122	-	-	13.649.122.600.417	9.889.942.402.972
Thu nhập khác của bộ phận	90.780.093.410	41.528.665.325	1.532.206.370	114.408.860.771	4.280.641.515	6.811.587.049	96.592.941.295	162.749.113.145
Giá vốn trực tiếp của bộ phận	(12.788.583.492.430)	(9.057.807.373.899)	(147.784.713.064)	(340.448.744.915)	-	-	(12.936.368.205.494)	(9.398.256.118.814)
Chi phí khác trực tiếp của bộ phận	(542.243.293.893)	(399.980.872.766)	(65.615.933.120)	(67.329.066.480)	(3.449.741.102)	(1.861.951.371)	(611.308.968.115)	(469.171.890.617)
Lợi nhuận của bộ phận kinh doanh trong năm	123.105.800.260	105.903.752.510	74.101.667.430	74.410.118.498	830.900.413	4.949.635.678	198.038.368.103	185.263.506.686
Doanh thu không phân bổ							17.322.479.034	26.589.323.760
Chi phí không phân bổ							(3.206.877.113)	(6.466.131.382)
Thuế thu nhập							(38.334.167.524)	(42.110.223.502)
							173.819.802.500	163.276.475.562

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản								
Tài sản ngắn hạn	1.506.838.189.096	1.054.513.812.558	192.676.252.067	182.443.804.366	36.904.268.084	40.726.185.952	1.736.418.709.247	1.277.683.802.876
Tài sản dài hạn	582.309.965.300	272.185.262.896	1.014.176.819.355	1.205.201.878.281	1.736.628.231	-	1.598.223.412.886	1.477.387.141.177
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	3.175.854.992	2.591.024.469
	2.089.148.154.396	1.326.699.075.454	1.206.853.071.422	1.387.645.682.647	38.640.896.315	40.726.185.952	3.337.817.977.125	2.757.661.968.522
Nợ phải trả								
Nợ ngắn hạn	1.328.672.318.245	852.706.501.149	263.671.040.201	346.119.578.398	12.034.955.377	-	1.604.378.313.823	1.198.826.079.547
Nợ dài hạn	93.525.903.675	2.363.244.775	466.203.282.246	495.339.999.116	1.225.185.042	-	560.954.370.963	497.703.243.891
	1.422.198.221.920	855.069.745.924	729.874.322.447	841.459.577.514	13.260.140.419	-	2.165.332.684.786	1.696.529.323.438
Cho năm kết thúc ngày								
Khấu hao và phân bổ	32.535.464.171	30.982.511.416	23.432.913.917	19.361.712.733	-	-	55.968.378.088	50.344.224.149
Các khoản dự phòng	1.296.504.044	27.636.972.102	(2.680.507.240)	-	(78.778.319)	(3.309.781.997)	(1.462.781.515)	24.327.190.105
Chi tiêu vốn	64.775.942.021	70.006.502.577	125.632.131.916	54.814.471.485	-	-	190.408.073.937	124.820.974.062

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)			Mẫu B 09 – DN/HN (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND		
Tiền mặt	15.424.708.233	10.979.173.552		
Tiền gửi ngân hàng	138.751.867.022	124.714.063.810		
Các khoản tương đương tiền	77.014.864.424	76.096.156.738		
	231.191.439.679	211.789.394.100		

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 4.258 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2016: 482 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	31/12/2016 Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	1/1/2016 Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn vào:								
Cổ phiếu niêm yết								
• Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bến Thành	9	162.572	162.572	-	39.159	694.914.918	1.640.762.100	-
• Công ty Cổ phần Việt Thái	650.760	8.042.676.000	7.028.208.000	(1.014.468.000)	650.760	8.042.676.000	10.086.780.000	-
• Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên	3	22.740	22.740	-	518.983	3.946.111.619	2.140.265.300	(1.805.846.319)
• Công ty Cổ phần TASCOT	80.000	1.025.000.000	904.000.000	(121.000.000)	-	-	-	-
• Công ty Cổ phần Phan bốn Miền Nam	-	-	-	-	8.300	114.384.375	117.030.000	-
Cổ phiếu chưa niêm yết								
• Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Thái Bình Dương	500.000	14.000.000.000	(*)	(9.000.000.000)	500.000	14.000.000.000	(*)	(9.000.000.000)
• Công ty Cổ phần Bến Thành Non Nước	900.000	9.000.000.000	(*)	-	900.000	9.000.000.000	(*)	-
• Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu	180.000	6.300.000.000	(*)	(5.040.000.000)	180.000	6.300.000.000	(*)	(5.040.000.000)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Tổng hợp Điện Lực Thành phố Hồ Chí Minh	1.350.000	13.500.000.000	(*)	-	1.350.000	13.500.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Chứng khoán Hai Phòng	812	2.052.543	(*)	-	812	2.052.543	(*)	-
		51.869.913.855	(15.175.468.000)			55.600.139.455	(15.845.846.319)	

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(*) Tại ngày báo cáo tài chính, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Biến động của dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	15.845.846.319	15.783.080.354
Tăng dự phòng trong năm	1.524.948.000	1.727.092.829
Dự phòng sử dụng trong năm	(591.600.000)	(27.450.000)
Hoàn nhập	(1.603.726.319)	(1.636.876.864)
Số dư cuối năm	15.175.468.000	15.845.846.319

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016 Giá trị ghi sổ VND	31/12/2016 Giá trị hợp lý VND	1/1/2016 Giá trị ghi sổ VND	1/1/2016 Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ tiền gửi có kỳ hạn	11.750.000.000	11.750.000.000	-	-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2016					Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư vốn vào:							
Công ty liên kết							
• Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi					40,03%	34.766.236.353	(*)
• Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)					35,16%	61.082.122.037	(*)
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương					27,50%	14.917.853.871	(*)
• Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)					28,19%	12.741.640.310	(*)
• Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam (a)					43,80%	13.457.567.475	(*)
• Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt					51%	33.739.344.765	(*)
• Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Á (b)					32%	17.512.179.606	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn (c)					30%	3.627.382.800	(*)
						191.844.327.217	
Các khoản đầu tư khác						12.415.264.000	(*)
• Các khoản đầu tư dài hạn khác						204.259.591.217	

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 1 tháng 1 năm 2016					Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư vốn vào:							
Các công ty liên kết							
• Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico (**)					37,33%	(*)	-
• Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi					40,03%	(*)	-
• Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)					35,16%	(*)	-
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương					27,50%	(*)	-
• Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)					28,19%	(*)	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam					40,00%	(*)	-
• Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt					51,00%	(*)	-
					152.825.091.873		-
Các khoản đầu tư khác							
• Các khoản đầu tư dài hạn khác					5.315.264.000	(*)	-
					158.140.355.873		-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Tại ngày báo cáo tài chính, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.
- (a) Vào ngày 10 tháng 11 năm 2016, Tập đoàn đã mua thêm 3,8% cổ phần của Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam từ một cổ đông cá nhân với khoản tiền 950 triệu VND và tăng tỷ lệ vốn sở hữu từ 40% lên 43,80%.
- (b) Vào ngày 6 tháng 11 năm 2015, theo biên bản số 69/QĐ/HĐQT-SVC, Hội đồng Quản trị đã quyết định thành lập Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu với số vốn cổ phần được duyệt là 60.000 triệu VND, trong đó 50% vốn cổ phần được duyệt được Tập đoàn nắm giữ. Tập đoàn đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng vốn cổ phần với Tập đoàn Bến Thành, một cổ đông, theo đó Tập đoàn chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ 20% vốn cổ phần được duyệt của Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu do Công ty đã mua với mệnh giá từ ngày 27 tháng 4 năm 2016. Vào ngày 26 tháng 5 năm 2016, Tập đoàn đã mua thêm 2% vốn cổ phần được duyệt của Công ty cổ phần Ô tô Bắc Âu từ một cổ đông cá nhân với mức giá bằng với mệnh giá. Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn đã mua 32% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu.
- (c) Vào ngày 5 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã mua lại 30% cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn. Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn đã thanh toán đầy đủ các cổ phần đã mua.
- (**) Ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico, một công ty liên kết, đã được giải thể. Tại ngày lập báo cáo, quá trình giải thể đã hoàn thành.

Biến động đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu kỳ	152.825.091.873	98.866.042.688
Đầu tư mới	20.750.000.000	41.800.000.000
Chuyển từ các khoản đầu tư dài hạn khác	3.000.000.000	-
Phân lãi thuần trong các công ty liên kết (sau thuế thu nhập doanh nghiệp)	19.693.440.554	13.971.199.185
Cổ tức từ các công ty liên kết	(4.354.132.500)	(1.812.150.000)
Giải thể các công ty liên kết	(70.072.710)	-
	191.844.327.217	152.825.091.873

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết như sau:

	Tổng cộng tài sản 31/12/2016 VND	Tổng cộng nợ phải trả 31/12/2016 VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu 31/12/2016 VND	Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế 2016 VND
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	94.307.507.319	7.457.054.278	86.850.453.041	3.289.018.453
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	495.864.022.098	322.136.890.305	173.727.131.793	34.625.617.969
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	126.733.112.976	95.035.505.081	31.697.607.895	3.638.043.278
Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	68.694.800.426	37.930.503.107	30.764.297.319	12.174.662.431
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	125.727.379.210	94.458.460.525	31.268.918.685	5.159.360.422
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	229.694.097.170	146.359.406.927	83.334.690.243	8.364.354.364
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	117.491.785.571	62.766.224.301	54.725.561.270	(5.221.599.558)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	52.377.631.360	40.302.880.224	12.074.751.136	74.751.136

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Tổng cộng tài sản 1/1/2016 VND	Tổng cộng nợ phải trả 1/1/2016 VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu 1/1/2016 VND	Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế 2015 VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	187.885.642	-	187.885.642	-
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	92.648.243.863	9.065.421.704	83.582.822.159	6.976.246.639
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	437.030.507.290	283.891.066.975	153.139.440.315	22.914.663.107
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	90.340.423.544	61.849.399.927	28.491.023.617	(1.560.481.586)
Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	52.278.376.687	29.930.008.677	22.348.368.010	9.219.847.743
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	150.548.138.286	125.465.752.575	25.082.385.711	1.032.385.711
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	192.364.454.444	117.417.504.020	74.946.950.424	14.946.307.600

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Các khách hàng liên quan đến doanh thu bán hàng hóa	373.126.393.523	263.039.291.317
Các khách hàng liên quan đến doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	7.531.096.621	4.290.319.052
Các khách hàng liên quan đến doanh thu chuyển nhượng bất động sản	13.226.866.859	453.540.087
Các khách hàng khác	4.879.463.416	5.233.638.548
	398.763.820.419	273.016.789.004

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn về cho vay

Phải thu ngắn hạn về cho vay là khoản cho vay ngắn hạn cho một công ty liên kết với lãi suất năm trong khoảng từ 6,50% đến 7% trong năm (2015: không).

9. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đặt cọc cho hoạt động bán hộ khách hàng xe đã qua sử dụng	24.704.421.967	25.451.621.967
Tạm ứng cho người lao động	19.840.658.502	7.887.176.981
Kỹ quỹ ngắn hạn	6.394.789.570	1.138.694.958
Thu từ thanh lý đầu tư khác	-	29.245.050.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	20.479.094.092	20.751.047.344
	71.418.964.131	84.473.591.250

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải thu từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	113.406.731.568	113.406.731.568
Kỹ quỹ dài hạn	15.094.801.021	10.337.346.792
Các khoản phải thu dài hạn khác	13.303.305.631	11.328.066.700
	141.804.838.220	135.072.145.060

(*) Các khoản phải thu liên quan đến một thỏa thuận hợp tác kinh doanh về đầu tư bất động sản với các đối tác khác.

Biến động trong năm của khoản dự phòng nợ dài hạn khó đòi như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	6.830.507.240	-
Tăng dự phòng trong năm	-	6.830.507.240
Hoàn nhập	(2.680.507.240)	-
	4.150.000.000	6.830.507.240

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng giảm giá VND
Hàng mua đang đi trên đường	8.738.144.365		7.961.388.308	-
Vật tư và phụ tùng thay thế	8.358.691.735	(2.420.239.855)	6.497.681.003	(2.591.856.758)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	98.413.666.982	(21.975.574.661)	102.283.416.147	(21.975.574.661)
Thành phẩm	766.459.655	-	168.314.803	-
Hàng hóa (xe ô tô và xe máy)	754.067.412.038	(690.593.074)	499.674.298.317	-
Hàng gửi đi bán	245.553.688	-	-	-
	870.589.928.463	(25.086.407.590)	616.585.098.578	(24.567.431.419)

Biến động trong năm của khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	24.567.431.419	3.489.943.669
Tăng dự phòng trong năm	1.051.497.482	22.316.728.886
Hoàn nhập	(532.521.311)	(1.112.858.045)
Giảm dự phòng thông qua thanh lý đầu tư vào một công ty con	-	(126.383.091)
Số dư cuối năm	25.086.407.590	24.567.431.419

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 240.794 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2016: 241.345 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí vay trong năm đã được vốn hóa thành hàng tồn kho với giá trị 181 triệu VND (2015: không).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	197.210.655.988	45.169.716.817	10.326.850.263	40.180.909.044	10.051.283.103	302.939.415.215
Tăng trong năm	9.956.094.557	10.763.866.259	2.902.713.979	34.371.038.226	100.800.000	58.094.513.021
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	10.211.866.340	-	-	1.003.618.182	-	11.215.484.522
Thanh lý	(1.007.614.246)	(1.030.399.409)	(2.298.813.054)	(13.437.693.670)	-	(17.774.520.379)
Xóa sổ	(480.709.091)	-	-	-	-	(480.709.091)
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	(3.143.871.704)	-	-	-	-	(3.143.871.704)
Số dư cuối năm	212.746.421.844	54.903.183.667	10.930.751.188	62.117.871.782	10.152.083.103	350.850.311.584
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	57.698.054.886	27.425.197.497	5.763.875.978	9.364.972.535	5.126.123.476	105.378.224.372
Khấu hao trong năm	16.140.678.909	5.279.994.863	1.429.263.077	7.678.398.772	949.734.660	31.478.070.281
Thanh lý	(226.713.222)	(312.967.794)	(328.659.630)	(3.293.610.496)	-	(4.161.951.142)
Xóa sổ	(166.245.231)	-	-	-	-	(166.245.231)
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	(2.288.713.527)	-	-	-	-	(2.288.713.527)
Số dư cuối năm	71.157.061.815	32.392.224.566	6.864.479.425	13.749.760.811	6.075.858.136	130.239.384.753
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	139.512.601.102	17.744.519.320	4.562.974.285	30.815.936.509	4.925.159.627	197.561.190.843
Số dư cuối năm	141.589.360.029	22.510.959.101	4.066.271.763	48.368.110.971	4.076.224.967	220.610.926.831

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 35.849 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 (ngày 1 tháng 1 năm 2016: 24.489 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 41.434 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2016: 54.672 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định VND	Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định VND	Phần mềm mấy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	35.331.353.391	43.773.551.509	2.491.250.350	81.596.155.250
Tăng trong năm	-	6.460.000.000	221.429.000	6.681.429.000
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	(14.634.054.300)	(39.301.087.509)	-	(53.935.141.809)
Số dư cuối năm	20.697.299.091	10.932.464.000	2.712.679.350	34.342.442.441
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	8.867.825.448	2.079.201.071	10.947.026.519
Khấu hao trong năm	-	824.799.420	232.594.470	1.057.393.890
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	-	(5.514.434.126)	-	(5.514.434.126)
Số dư cuối năm	-	4.178.190.742	2.311.795.541	6.489.986.283
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	35.331.353.391	34.905.726.061	412.049.279	70.649.128.731
Số dư cuối năm	20.697.299.091	6.754.273.258	400.883.809	27.852.456.158

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 1.815 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 (ngày 1 tháng 1 năm 2016: 1.815 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 20.697 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2016: 27.259 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	126.013.602.450	743.369.487.481	869.383.089.931
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	(57.306.554.900)	-	(57.306.554.900)
Xóa sổ	-	(6.469.949.820)	(6.469.949.820)
Số dư cuối năm	68.707.047.550	736.899.537.661	805.606.585.211
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	9.282.938.130	122.399.783.660	131.682.721.790
Khấu hao trong năm	1.287.535.572	22.145.378.345	23.432.913.917
Xóa sổ	-	(6.469.949.820)	(6.469.949.820)
Số dư cuối năm	10.570.473.702	138.075.212.185	148.645.685.887
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	116.730.664.320	620.969.703.821	737.700.368.141
Số dư cuối năm	58.136.573.848	598.824.325.476	656.960.899.324

Trong bất động sản đầu tư cho thuê có các tài sản với nguyên giá 8.748 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 (ngày 1 tháng 1 năm 2016: 19.702 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bất động sản đầu tư cho thuê với giá trị ghi sổ là 539.959 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2016: 675.102 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	171.438.939.997	434.645.996.921
Tăng trong năm	125.632.131.916	39.747.170.349
Chuyển sang hàng tồn kho	(56.793.573.710)	(288.387.934.445)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(11.215.484.522)	(14.566.292.828)
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	855.158.177	-
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	48.420.707.683	-
Chuyển từ bất động sản đầu tư	57.306.554.900	-
Xóa sổ	(813.904.721)	-
Số dư cuối năm	334.830.529.720	171.438.939.997

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Dự án Mecure Sơn Trà, Đà Nẵng	84.351.999.406	84.351.999.406
Dự án 104 Phở Quang	37.264.371.710	37.958.276.918
Dự án Cao ốc văn phòng 277 – 279 Lý Tự Trọng	-	28.197.102.382
Dự án 66 – 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa	119.404.383.323	11.134.809.686
Dự án Hồ Tràm, Xuyên Mộc	243.853.083	241.318.083
Xây dựng cửa hàng trung bày của Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu, một công ty con	45.690.790.037	6.980.649.897
Nâng cấp cửa hàng trung bày của Công ty TNHH Toyota Cần Thơ, một công ty con	16.835.211.045	-
Dự án Auto Mall	16.156.292.671	-
Xây dựng cửa hàng trung bày của Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn, một công ty con	9.671.858.522	-
Xây dựng cửa hàng trung bày của Công ty Cổ phần Ô Tô Bình Định, một công ty con	3.422.326.923	-
Xây dựng cửa hàng trung bày Volvo	1.739.843.000	-
Xây dựng cửa hàng trung bày của Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh, một công ty con	-	2.574.783.625
Các công trình khác	49.600.000	-
	334.830.529.720	171.438.939.997

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chi phí xây dựng cơ bản dở dang có giá trị thuần 32.992 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2016: không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí thuê văn phòng và thuê nhà	6.684.832.123	122.880.667
Công cụ và dụng cụ	3.604.902.340	2.576.014.331
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	8.180.920.886	4.962.421.422
	18.470.655.349	7.661.316.420

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công cụ và dụng cụ	4.985.807.415	4.535.010.817
Chi phí đất trả trước	3.311.434.317	4.616.946.843
Chi phí nâng cấp	1.734.948.016	1.339.258.823
Các chi phí trả trước dài hạn khác	6.021.981.668	3.164.303.289
	16.054.171.416	13.655.519.772

16. Các khoản phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Thành Công Việt Nam	71.055.270.000	71.055.270.000	97.723.180.000	97.723.180.000
Các nhà cung cấp có liên quan đến nhãn hiệu Ford	16.083.917.377	16.083.917.377	13.026.629.433	13.026.629.433
Các nhà cung cấp có liên quan đến nhãn hiệu Toyota	7.301.678.645	7.301.678.645	4.279.108.598	4.279.108.598
Công ty Liên doanh TNHH Hino Motors Việt Nam	23.375.799.766	23.375.799.766	6.217.508.000	6.217.508.000
Các nhà cung cấp khác	65.389.481.109	65.389.481.109	49.472.930.534	49.472.930.534
	183.206.146.897	183.206.146.897	170.719.356.565	170.719.356.565

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Cấn trừ/Đã nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế				
Thuế giá trị gia tăng	6.132.626.934	1.434.112.203.802	(1.422.234.623.081)	18.010.207.655
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.176.551.586	38.918.998.047	(38.657.546.841)	17.438.002.792
Thuế thu nhập cá nhân	2.105.595.834	16.301.406.234	(14.638.664.287)	3.768.337.781
Các khoản phải nộp khác				
Thuê đất	10.013.066.011	16.895.563.574	(26.853.681.172)	54.948.413
Các khoản phải nộp khác	1.116.581.326	653.987.975	(111.458.305)	1.659.110.996
	36.544.421.691	1.844.652.183.754	(1.840.265.997.808)	40.930.607.637

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Lãi vay	847.851.670	428.742.983
Phí thuê	768.000.000	2.978.427.840
Chi phí lương và các chi phí có liên quan	5.520.419.349	4.738.044.256
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	9.831.409.581	9.521.168.523
Chi phí hoạt động phải trả	6.934.482.850	4.221.382.710
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	20.124.537.821	16.842.516.224
	44.026.701.271	38.730.282.536

19. Doanh thu chưa thực hiện

(a) Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Dịch vụ bảo hành và chăm sóc khách hàng	34.640.000	12.227.716.018
Doanh thu cho thuê tòa nhà nhận trước	67.252.462	101.358.497
Phần doanh thu chưa thực hiện dài hạn sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	6.698.834.547	6.676.455.900
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác	6.399.242	-
	6.807.126.251	19.005.530.415

(b) Doanh thu chưa thực hiện – dài hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Doanh thu cho thuê tòa nhà nhận trước	97.014.834.547	103.462.855.900
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(6.698.834.547)	(6.676.455.900)
Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng	90.316.000.000	96.786.400.000

20. Phải trả khác

(a) Phải trả khác – ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Cổ tức phải trả	1.359.883.505	1.782.554.795
Góp vốn nhận được từ các khách hàng của Dự án Dân cư Tam Bình	48.784.436.509	63.874.447.722
Phải trả đối tác của một dự án bất động sản (a)	86.080.042.873	85.950.625.357
Phải trả khách hàng	3.186.211.761	5.856.400.000
Phí bảo hiểm thu hộ các đại lý bảo hiểm	3.976.194.008	2.966.568.874
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	16.258.157.766	12.090.503.557
	159.644.926.422	172.521.100.305

(*) Phải trả đối tác của một dự án bất động sản thể hiện khoản trả trước từ đối tác này theo Thỏa thuận Hợp tác ký ngày 10 tháng 7 năm 2014 về một dự án tại 104 Phố Quang.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả khác – dài hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Các khoản nhận ký quỹ dài hạn	65.823.106.392	57.997.149.952
Chia lợi nhuận từ công ty liên kết cho bên thứ ba	4.865.984.384	2.265.585.765
Các khoản phải trả dài hạn khác (*)	40.331.555.492	92.249.751.045
Khoản phải trả sau 12 tháng	111.020.646.268	152.512.486.762

(*) Các khoản phải trả dài hạn khác, không chịu lãi, thể hiện số tiền nhận được từ các đối tác của các hợp đồng hợp tác kinh doanh tham gia vào các dự án bất động sản của Tập đoàn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Dự án Bình An	24.239.513.834	24.239.513.834
Dự án Cao ốc Văn phòng 227-229 Lý Tự Trọng	-	56.672.384.699
Chi phí thuê đất phải trả cho chủ đất	16.092.041.658	11.337.852.512
	40.331.555.492	92.249.751.045

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn Vay dài hạn đến hạn trả	455.952.356.207	455.952.356.207	932.797.817.691	932.797.817.691
	85.731.304.923	85.731.304.923	25.153.217.200	25.153.217.200
	541.683.661.130	541.683.661.130	957.951.034.891	957.951.034.891

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng TNHH ANZ Việt Nam	VND	5,80% - 9%	32.165.721.250	33.966.226.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank)	VND	5% - 8,50%	70.047.963.500	56.127.063.667
Ngân hàng Mizuho	VND	2,70% - 5,40%	15.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	VND	8,50%	19.264.105.259	5.419.225.000
Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC)	VND	2,60% - 5,60%	48.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)	VND	7,20%	6.207.300.000	5.304.390.000
Ngân hàng The Bank of Tokyo Mitsubishi UFJ. Ltd.	VND	1,75% - 3,75%	89.500.000.000	73.000.000.000
Vietcombank	VND	5% - 9,80%	295.278.290.257	107.653.965.142
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)	VND	5,80% - 6%	45.792.690.000	2.947.975.000
Vietinbank	VND	5% - 6,50%	174.970.896.352	31.221.284.398
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	VND	5,50% - 6%	18.462.432.000	12.413.132.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	VND	7,20% - 8,50%	19.293.089.273	2.128.870.000
Ngân hàng TNHH HSBC (Việt Nam)	VND	6,50% - 13%	89.645.324.800	26.490.454.000
Vay từ một cá nhân	VND	5,80% - 8,50%	1.300.000.000	350.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam (OCB)	VND	8,50%	5.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam (BIDV)	VND	6,80%	2.870.005.000	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)	VND	6% - 7,50%	-	9.381.682.000
Ngân hàng TNHH Indovina (Việt Nam)	VND	6% - 7,80%	-	44.895.071.000
Ngân Hàng TMCP Tiên Phong	VND	6,80% - 8%	-	19.653.018.000
			932.797.817.691	455.952.356.207

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong vay ngắn hạn có 225.454 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2016: 255.349 triệu VND) vay không đảm bảo và 707.344 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2016: 200.603 triệu VND) được đảm bảo bằng các tài sản sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Các khoản tương đương tiền	4.257.690.000	482.090.000
Hàng tồn kho	213.229.659.734	165.690.179.522
Bất động sản đầu tư	-	46.376.734.200
Tài sản cố định hữu hình	10.157.093.049	12.519.934.171
	227.644.442.783	225.068.937.893
(b) Vay dài hạn		
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay dài hạn	384.770.941.895	334.135.662.052
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(25.153.217.200)	(85.731.304.923)
Hoàn trả sau 12 tháng	359.617.724.695	248.404.357.129

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vietcombank/Vietinbank Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank)	VND	10%	2020	297.300.000.000	210.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank)	VND	9,50%	2017	2.971.250.539	4.721.762.539
Vietcombank	VND	11%	2019	2.500.000.000	5.400.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)	VND	8%	2020	450.000.000	570.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam (OCB)	VND	10% - 10,40%	2025	10.100.000.000	11.300.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	VND	9,50% - 10,50%	2024	12.590.635.783	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)	VND	7,20% - 7,60%	2019	2.000.576.293	-
Vietinbank	VND	8,50% - 10,50%	2021	871.027.334	-
Vietinbank	VND	8%	2025	23.642.848.800	-
Vietcombank	VND	7,10%	2022	19.325.811.468	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	VND	10%	2016	-	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)	VND	10%	2017	-	10.326.000.000
Vietcombank	VND	9% - 10%	2017	-	5.367.117.890
Vietinbank	VND	9% - 10%	2017	-	36.800.000.000
Ngân hàng The Bank of Tokyo Mitsubishi UFJ. Ltd.	VND	3,05% - 3,55%	2016	-	3.917.140.795
Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương	VND	9,50%	2018	-	641.249.150
				384.770.941.895	334.135.662.052

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong vay dài hạn có 10.550 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2016: 15.787 triệu VND) vay không đảm bảo và 374.221 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2016: 318.349 triệu VND) đảm bảo bằng các tài sản sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Hàng tồn kho	27.564.760.190	75.654.574.661
Tài sản cố định hữu hình	31.277.368.199	42.152.119.613
Tài sản cố định vô hình	20.697.299.091	27.259.175.600
Bất động sản đầu tư	539.958.957.655	628.725.717.599
Xây dựng cơ bản dở dang	32.991.503.716	-
	652.489.888.851	773.791.587.473

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	15.839.027.240	8.892.027.107
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm	16.008.880.890	14.410.568.261
Sử dụng trong năm	(9.679.783.829)	(7.463.568.128)
Số dư cuối năm	22.168.124.301	15.839.027.240

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đổi VND		Quỹ đầu tư và Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	249.955.730.000	317.064.858.303	-	(690.474.358)	5.093.483.305	40.681.624.825	142.498.081.774	216.801.438.189	971.404.742.038
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	103.861.038.432	59.415.437.130	163.276.475.562
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	4.644.400.000	4.644.400.000
Trích quỹ	-	-	-	-	-	2.868.538.252	(2.868.538.252)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	-	-	(12.347.900.190)	(2.062.668.071)	(14.410.568.261)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	-	-	(29.970.608.400)	(19.426.613.523)	(49.397.221.923)
Trích quỹ phí Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(2.368.078.091)	-	(2.368.078.091)
Giảm từ thanh lý khoản đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(6.179.925.933)	(6.179.925.933)
Chuyển sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do thanh lý khoản đầu tư	-	-	-	-	(5.093.483.305)	-	-	-	(5.093.483.305)
Các khoản giảm khác	-	-	-	-	-	-	(76.745.227)	(666.949.776)	(743.695.003)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	249.955.730.000	317.064.858.303	-	(690.474.358)	-	43.550.163.077	198.727.250.046	252.525.118.016	1.061.132.645.084
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	122.992.852.474	50.826.950.026	173.819.802.500
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	22.392.800.000	22.392.800.000
Trích quỹ	-	-	-	-	-	3.106.875.899	(3.106.875.899)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	-	-	(16.008.880.890)	-	(16.008.880.890)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	-	-	(34.965.709.800)	(30.251.713.651)	(65.217.423.451)
Trích quỹ phí Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(3.633.650.904)	-	(3.633.650.904)
Cổ phiếu có tức được nhận từ một công ty con	-	-	2.550.000.000	-	-	-	(2.550.000.000)	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	249.955.730.000	317.064.858.303	2.550.000.000	(690.474.358)	-	46.657.038.976	261.454.985.027	295.493.154.391	1.172.485.292.339

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Cổ phiếu phổ thông được phép lưu hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu quỹ	(20.066)	(690.474.358)	(20.066)	(690.474.358)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.975.507	249.265.255.642	24.975.507	249.265.255.642

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

25. Cổ tức

Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 1 tháng 4 năm 2016 đã quyết định chia cổ tức của năm 2015 là 34.966 triệu VND (2015: 29.971 triệu VND), bằng 14% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức.

26. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:		
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng một năm	55.451.537.221	38.189.029.513
Từ hai đến năm năm	168.454.792.433	91.466.269.340
Trên năm năm	250.098.583.482	84.559.426.596
	474.004.913.136	214.214.725.449

(b) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	195.199.287.268	72.864.258.185

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Chuyển nhượng bất động sản	120.048.476.587	160.720.455.551
▪ Bán hàng hóa	12.660.921.393.799	9.163.412.511.709
▪ Cung cấp dịch vụ	715.488.858.533	396.526.056.092
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	165.413.518.026	177.771.931.316
	13.661.872.246.945	9.898.430.954.668
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu	(12.749.646.528)	(8.488.551.696)
Doanh thu thuần	13.649.122.600.417	9.889.942.402.972

29. Giá vốn hàng bán

	2016 VND	2015 VND
Giá trị còn lại của bất động sản đã chuyển nhượng	102.847.216.723	228.353.697.207
Hàng hóa đã bán	12.446.559.611.129	8.789.898.918.614
Dịch vụ đã cung cấp	363.009.487.554	339.437.919.419
Chi phí khấu hao của bất động sản đầu tư	23.432.913.917	19.361.712.733
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	518.976.171	21.203.870.841
	12.936.368.205.494	9.398.256.118.814

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	3.068.516.495	4.175.994.254
Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán	1.252.300.644	3.669.527.293
Cổ tức	3.153.564.300	5.891.087.999
Lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái	688.009.469	497.368.874
Lãi từ thanh lý đầu tư vào một công ty con	-	4.266.034.971
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	-	110.235.368.205
Các doanh thu tài chính khác	7.430.748.317	2.578.230.263
	15.593.139.225	131.313.611.859

31. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	66.862.508.991	52.929.724.175
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	1.888.650.244	125.875.773
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư vào công ty liên kết	70.072.710	-
Chi phí kinh doanh chứng khoán	51.531.412	19.988.704
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	15.964.137	1.819.722.064
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư kinh doanh chứng khoán	(78.778.319)	(3.309.781.997)
Các chi phí tài chính khác	2.082.674.437	2.546.888.206
	70.892.623.612	54.132.416.925

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí bán hàng

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân công và nhân viên	170.828.641.809	126.063.098.928
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.832.732.161	45.583.185.042
Công cụ và dụng cụ	18.266.283.695	14.474.461.907
Các chi phí bán hàng khác	67.688.008.503	47.101.979.575
	326.615.666.168	233.222.725.452

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân công và nhân viên	97.927.166.623	81.601.173.089
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.836.231.854	44.278.908.790
Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác	59.440.390.549	55.919.866.361
	210.203.789.026	181.799.948.240

34. Thu nhập khác

	2016 VND	2015 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	2.048.087.583	-
Khấu trừ các khoản phải trả cho nhà cung cấp	36.860.704.421	14.638.517.320
Hoa hồng nhận được từ các bên khác	22.713.837.638	17.328.561.301
Bồi thường từ khách hàng do hủy hợp đồng	24.000.000	44.140.800
Bồi thường từ một đối tác do hủy hợp đồng	285.000.000	91.600.000
Các thu nhập khác	13.100.321.599	11.950.806.440
	75.031.951.241	44.053.625.861

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí khác

	2016 VND	2015 VND
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	3.386.630.109
Lỗ từ xóa sổ tài sản cố định	314.463.860	-
Lỗ từ xóa sổ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	813.904.721	-
Bồi thường đã trả cho một khách hàng do hủy hợp đồng	630.652.210	16.800.000
Phạt thuế do thanh toán trễ	982.111.528	-
Các chi phí khác	465.744.794	3.079.501.273
	3.206.877.113	6.482.931.382

36. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí mua bất động sản để chuyển nhượng	102.847.216.723	227.754.580.150
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	12.454.697.647.419	8.908.915.740.327
Chi phí nhân công và nhân viên	365.962.775.579	294.501.928.008
Chi phí khấu hao và phân bổ	55.968.378.088	50.344.224.149
Chi phí dịch vụ mua ngoài	209.455.141.273	158.786.646.421
Các chi phí khác	284.256.501.606	174.608.441.286

37. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong bảng cân đối kế toán

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chi phí phải trả	2.227.769.239	2.018.933.373
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	948.085.753	572.091.096
	3.175.854.992	2.591.024.469

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2016 VND	2015 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	37.831.746.134	41.559.649.442
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	1.087.251.913	(596.676.686)
	38.918.998.047	40.962.972.756
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời	363.255.230	674.204.643
Lợi ích lỗ tính thuế được ghi nhận	(948.085.753)	473.046.103
	(584.830.523)	1.147.250.746
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	38.334.167.524	42.110.223.502

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận trước thuế	212.153.970.024	205.386.699.064
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty	42.430.794.005	45.185.073.794
Chi phí không được khấu trừ thuế	182.579.881	1.291.593.875
Thu nhập không chịu thuế	(5.062.398.412)	(4.461.966.934)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	2.647.534.662	3.234.839.232
Lỗ tính thuế được sử dụng	(605.574.070)	(3.339.185.904)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trên khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết	(2.346.020.455)	707.534.116
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho một công ty con	-	89.012.009
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	1.087.251.913	(596.676.686)
	38.334.167.524	42.110.223.502

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được một số công ty con ghi nhận trên lỗ tính thuế vì các công ty con này không chắc chắn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng lợi ích của các khoản lỗ tính thuế này.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty và hầu hết các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (2015: 22%).

38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào Quỹ khen thưởng và phúc lợi và Quỹ phí Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông có số dư như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận thuần trong năm thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn trong năm	122.992.852.474	103.861.038.432
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	(16.008.880.890)	(12.347.900.190)
Trích quỹ phí Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (Thuyết minh 23)	(3.633.650.904)	(2.368.078.091)
	103.350.320.680	89.145.060.151

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông

	2016 Số lượng cổ phiếu	2015 Số lượng cổ phiếu
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.975.507	24.975.507

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Xác định các bên liên quan

Tập đoàn kiểm soát các mối quan hệ với các công ty con và có mối quan hệ liên quan hệ với các công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

Tổng số tiền thù lao và trợ cấp kinh doanh cho cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

	2016 VND	2015 VND
Ban Quản trị	2.061.138.000	1.620.000.000
Ban Giám đốc	542.862.000	1.962.000.000
Ban Kiểm soát	502.500.000	356.020.000
	3.106.500.000	3.938.020.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan khác trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	2016 VND	2015 VND
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Công ty liên kết	Mua tài sản cố định	-	2.130.880.878
		Cổ tức	3.085.627.500	-
		Mua xe ô tô	39.436.363.620	-
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	Công ty liên kết	Cho vay công ty liên kết	3.000.000.000	-
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Công ty liên kết	Bán xe ô tô	30.482.014.995	27.072.754.546
		Mua xe ô tô	55.762.372.730	38.616.763.635
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	Công ty liên kết	Phân phối vốn cổ phần	30.200.000.000	-
Tập đoàn Bến Thành	Cổ đông	Thanh lý các khoản đầu tư	12.000.000.000	-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

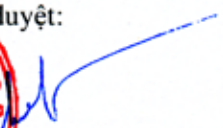
Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014//TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

40. Giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2016 VND	2015 VND
Cần trừ phải thu ngắn hạn của khách hàng với phải trả dài hạn khác liên quan đến chuyển nhượng bất động sản	81.002.654.520	-
Cần trừ phải thu từ chuyển nhượng đầu tư với tạm ứng từ Vinaland Investments Limited trong những năm trước	-	130.323.934.900

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

Người lập: 
Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt: 
Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc





176 Hạng mục

STT	Hạng mục	Giá bán
1	Toyota Yaris	1.200.000.000
2	Toyota Vios	1.500.000.000
3	Toyota Auris	1.800.000.000
4	Toyota Camry	2.200.000.000
5	Toyota Innova	2.500.000.000
6	Toyota Fortuner	3.000.000.000
7	Toyota Hilux	3.500.000.000
8	Toyota Land Cruiser	4.000.000.000
9	Toyota Prado	4.500.000.000
10	Toyota Alphard	5.000.000.000
11	Toyota Vellfire	5.500.000.000
12	Toyota Sienna	6.000.000.000
13	Toyota Avalon	6.500.000.000
14	Toyota Mirai	7.000.000.000
15	Toyota Proace	7.500.000.000
16	Toyota Proace City	8.000.000.000
17	Toyota Aygo	8.500.000.000
18	Toyota C-HR	9.000.000.000
19	Toyota RAV4	9.500.000.000
20	Toyota Land Cruiser Prado	10.000.000.000
21	Toyota Land Cruiser Discovery	10.500.000.000
22	Toyota Land Cruiser GXR	11.000.000.000
23	Toyota Land Cruiser V8	11.500.000.000
24	Toyota Land Cruiser V12	12.000.000.000
25	Toyota Land Cruiser V20	12.500.000.000
26	Toyota Land Cruiser V25	13.000.000.000
27	Toyota Land Cruiser V30	13.500.000.000
28	Toyota Land Cruiser V35	14.000.000.000
29	Toyota Land Cruiser V40	14.500.000.000
30	Toyota Land Cruiser V45	15.000.000.000
31	Toyota Land Cruiser V50	15.500.000.000
32	Toyota Land Cruiser V55	16.000.000.000
33	Toyota Land Cruiser V60	16.500.000.000
34	Toyota Land Cruiser V65	17.000.000.000
35	Toyota Land Cruiser V70	17.500.000.000
36	Toyota Land Cruiser V75	18.000.000.000
37	Toyota Land Cruiser V80	18.500.000.000
38	Toyota Land Cruiser V85	19.000.000.000
39	Toyota Land Cruiser V90	19.500.000.000
40	Toyota Land Cruiser V95	20.000.000.000
41	Toyota Land Cruiser V100	20.500.000.000
42	Toyota Land Cruiser V105	21.000.000.000
43	Toyota Land Cruiser V110	21.500.000.000
44	Toyota Land Cruiser V115	22.000.000.000
45	Toyota Land Cruiser V120	22.500.000.000
46	Toyota Land Cruiser V125	23.000.000.000
47	Toyota Land Cruiser V130	23.500.000.000
48	Toyota Land Cruiser V135	24.000.000.000
49	Toyota Land Cruiser V140	24.500.000.000
50	Toyota Land Cruiser V145	25.000.000.000
51	Toyota Land Cruiser V150	25.500.000.000
52	Toyota Land Cruiser V155	26.000.000.000
53	Toyota Land Cruiser V160	26.500.000.000
54	Toyota Land Cruiser V165	27.000.000.000
55	Toyota Land Cruiser V170	27.500.000.000
56	Toyota Land Cruiser V175	28.000.000.000
57	Toyota Land Cruiser V180	28.500.000.000
58	Toyota Land Cruiser V185	29.000.000.000
59	Toyota Land Cruiser V190	29.500.000.000
60	Toyota Land Cruiser V195	30.000.000.000
61	Toyota Land Cruiser V200	30.500.000.000
62	Toyota Land Cruiser V205	31.000.000.000
63	Toyota Land Cruiser V210	31.500.000.000
64	Toyota Land Cruiser V215	32.000.000.000
65	Toyota Land Cruiser V220	32.500.000.000
66	Toyota Land Cruiser V225	33.000.000.000
67	Toyota Land Cruiser V230	33.500.000.000
68	Toyota Land Cruiser V235	34.000.000.000
69	Toyota Land Cruiser V240	34.500.000.000
70	Toyota Land Cruiser V245	35.000.000.000
71	Toyota Land Cruiser V250	35.500.000.000
72	Toyota Land Cruiser V255	36.000.000.000
73	Toyota Land Cruiser V260	36.500.000.000
74	Toyota Land Cruiser V265	37.000.000.000
75	Toyota Land Cruiser V270	37.500.000.000
76	Toyota Land Cruiser V275	38.000.000.000
77	Toyota Land Cruiser V280	38.500.000.000
78	Toyota Land Cruiser V285	39.000.000.000
79	Toyota Land Cruiser V290	39.500.000.000
80	Toyota Land Cruiser V295	40.000.000.000
81	Toyota Land Cruiser V300	40.500.000.000
82	Toyota Land Cruiser V305	41.000.000.000
83	Toyota Land Cruiser V310	41.500.000.000
84	Toyota Land Cruiser V315	42.000.000.000
85	Toyota Land Cruiser V320	42.500.000.000
86	Toyota Land Cruiser V325	43.000.000.000
87	Toyota Land Cruiser V330	43.500.000.000
88	Toyota Land Cruiser V335	44.000.000.000
89	Toyota Land Cruiser V340	44.500.000.000
90	Toyota Land Cruiser V345	45.000.000.000
91	Toyota Land Cruiser V350	45.500.000.000
92	Toyota Land Cruiser V355	46.000.000.000
93	Toyota Land Cruiser V360	46.500.000.000
94	Toyota Land Cruiser V365	47.000.000.000
95	Toyota Land Cruiser V370	47.500.000.000
96	Toyota Land Cruiser V375	48.000.000.000
97	Toyota Land Cruiser V380	48.500.000.000
98	Toyota Land Cruiser V385	49.000.000.000
99	Toyota Land Cruiser V390	49.500.000.000
100	Toyota Land Cruiser V395	50.000.000.000
101	Toyota Land Cruiser V400	50.500.000.000
102	Toyota Land Cruiser V405	51.000.000.000
103	Toyota Land Cruiser V410	51.500.000.000
104	Toyota Land Cruiser V415	52.000.000.000
105	Toyota Land Cruiser V420	52.500.000.000
106	Toyota Land Cruiser V425	53.000.000.000
107	Toyota Land Cruiser V430	53.500.000.000
108	Toyota Land Cruiser V435	54.000.000.000
109	Toyota Land Cruiser V440	54.500.000.000
110	Toyota Land Cruiser V445	55.000.000.000
111	Toyota Land Cruiser V450	55.500.000.000
112	Toyota Land Cruiser V455	56.000.000.000
113	Toyota Land Cruiser V460	56.500.000.000
114	Toyota Land Cruiser V465	57.000.000.000
115	Toyota Land Cruiser V470	57.500.000.000
116	Toyota Land Cruiser V475	58.000.000.000
117	Toyota Land Cruiser V480	58.500.000.000
118	Toyota Land Cruiser V485	59.000.000.000
119	Toyota Land Cruiser V490	59.500.000.000
120	Toyota Land Cruiser V495	60.000.000.000
121	Toyota Land Cruiser V500	60.500.000.000
122	Toyota Land Cruiser V505	61.000.000.000
123	Toyota Land Cruiser V510	61.500.000.000
124	Toyota Land Cruiser V515	62.000.000.000
125	Toyota Land Cruiser V520	62.500.000.000
126	Toyota Land Cruiser V525	63.000.000.000
127	Toyota Land Cruiser V530	63.500.000.000
128	Toyota Land Cruiser V535	64.000.000.000
129	Toyota Land Cruiser V540	64.500.000.000
130	Toyota Land Cruiser V545	65.000.000.000
131	Toyota Land Cruiser V550	65.500.000.000
132	Toyota Land Cruiser V555	66.000.000.000
133	Toyota Land Cruiser V560	66.500.000.000
134	Toyota Land Cruiser V565	67.000.000.000
135	Toyota Land Cruiser V570	67.500.000.000
136	Toyota Land Cruiser V575	68.000.000.000
137	Toyota Land Cruiser V580	68.500.000.000
138	Toyota Land Cruiser V585	69.000.000.000
139	Toyota Land Cruiser V590	69.500.000.000
140	Toyota Land Cruiser V595	70.000.000.000
141	Toyota Land Cruiser V600	70.500.000.000
142	Toyota Land Cruiser V605	71.000.000.000
143	Toyota Land Cruiser V610	71.500.000.000
144	Toyota Land Cruiser V615	72.000.000.000
145	Toyota Land Cruiser V620	72.500.000.000
146	Toyota Land Cruiser V625	73.000.000.000
147	Toyota Land Cruiser V630	73.500.000.000
148	Toyota Land Cruiser V635	74.000.000.000
149	Toyota Land Cruiser V640	74.500.000.000
150	Toyota Land Cruiser V645	75.000.000.000
151	Toyota Land Cruiser V650	75.500.000.000
152	Toyota Land Cruiser V655	76.000.000.000
153	Toyota Land Cruiser V660	76.500.000.000
154	Toyota Land Cruiser V665	77.000.000.000
155	Toyota Land Cruiser V670	77.500.000.000
156	Toyota Land Cruiser V675	78.000.000.000
157	Toyota Land Cruiser V680	78.500.000.000
158	Toyota Land Cruiser V685	79.000.000.000
159	Toyota Land Cruiser V690	79.500.000.000
160	Toyota Land Cruiser V695	80.000.000.000
161	Toyota Land Cruiser V700	80.500.000.000
162	Toyota Land Cruiser V705	81.000.000.000
163	Toyota Land Cruiser V710	81.500.000.000
164	Toyota Land Cruiser V715	82.000.000.000
165	Toyota Land Cruiser V720	82.500.000.000
166	Toyota Land Cruiser V725	83.000.000.000
167	Toyota Land Cruiser V730	83.500.000.000
168	Toyota Land Cruiser V735	84.000.000.000
169	Toyota Land Cruiser V740	84.500.000.000
170	Toyota Land Cruiser V745	85.000.000.000
171	Toyota Land Cruiser V750	85.500.000.000
172	Toyota Land Cruiser V755	86.000.000.000
173	Toyota Land Cruiser V760	86.500.000.000
174	Toyota Land Cruiser V765	87.000.000.000
175	Toyota Land Cruiser V770	87.500.000.000
176	Toyota Land Cruiser V775	88.000.000.000

Tận tâm - Chuyên nghiệp



176 Hạng mục
www.toyotadaquasudung.com



SAVICO

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
TỔNG HỢP SÀI GÒN

68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3821 3913
Fax: (84-8) 3821 3553 / 3821 5992
Email: savico@savico.com.vn
www.savico.com.vn